

nguyễn nhật ánh



NGƯỜI
QUẢNG
ĐIỂN
MÌ
QUẢNG
TẬP VĂN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

NGƯỜI
QUẢNG
ĐIỆN
MÌ
QUẢNG

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

Nhà xuất bản Trẻ xuất bản

theo hợp đồng sử dụng tác phẩm tháng 4 năm 2012

Minh họa: Đỗ Hoàng Tường

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Nguyễn Nhật Ánh, 1955-

Người Quảng đi ăn mì Quảng: tập văn / Nguyễn Nhật Ánh; Đỗ Hoàng Tường minh họa. - Tái bản. -
T.P. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2012.
204tr.; 20 cm.

1. Văn xuôi Việt Nam. 2. Văn học Việt Nam -- Thế kỷ 21.

1. Vietnamese prose literature. 2. Vietnamese literature -- 21st century.

895.9228084 -- dc 22

N573-A60

nguyễn nhật ánh

NGƯỜI
QUẢNG
ĐIỂN
MÌ
QUẢNG

TẬP VĂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Tập văn của Nguyễn Nhật Ánh

Nguyễn Nhật Ánh – thơ.

Nguyễn Nhật Ánh – văn xuôi về tuổi mới lớn.

Nguyễn Nhật Ánh – truyện liên hoàn về sinh hoạt thiếu nhi và xứ sở phù thủy.

Nguyễn Nhật Ánh – Anh Bỏ Câu gỡ rối tơ lòng...

... Và bây giờ Nguyễn Nhật Ánh – tập văn.

Mười lăm năm trước, cùng làm việc buổi chiều với Nguyễn Nhật Ánh ở tòa soạn một tờ nhật báo, tôi đã nghe anh ấp ủ những đề tài dự định cho một cuốn tập văn. Không lạ gì, thể văn khiêm nhường này đã cuốn hút một số nhà văn từng thành đạt trong những thể loại lớn. Gần với tùy bút, tập văn cũng là một thứ *essais*, một thứ thử nghiệm, và vì là thử nghiệm, nên thường ít người thủy chung với nó.

Tôi những tưởng Nguyễn Nhật Ánh viết tập văn cũng như anh chơi một ván bóng bàn xả hơi giữa hai chương tiểu thuyết. Vậy mà lúc khoan lúc nhặt, anh vẫn gắn bó với thể loại “thiên thần nhỏ” này suốt mười lăm năm để bây giờ có một tập sách trả ơn cho nó.

Đọc tập văn Nguyễn Nhật Ánh, thấy anh vẫn phát huy chất *humour*, dí dỏm sở trường trong văn tự sự của mình. Khi anh bàn đến chuyện thu nhỏ các đồ vật nhân nói về sân khấu nhỏ, khi anh cắt nghĩa hiện tượng bắt chước thần tượng, hay khi anh luận bàn chuyện hàng giả, chuyện tấm lịch - để mượn ngôn ngữ quảng cáo trên truyền hình, người đọc bao giờ cũng muốn đặt cuối các đoạn văn của anh một chữ *Konica – mỉm cười*. Thơ và văn xuôi Nguyễn Nhật Ánh vốn không quen đụng chạm những vấn đề thời sự – xã hội trực tiếp. Thành ra thể loại tạp văn này hình như đã được chọn để gửi gắm con người xã hội của anh. Nhưng mà ngòi bút Nguyễn Nhật Ánh bản chất là ôn nhu, nên giọng văn anh lúc nào cũng từ tốn, thanh thản, không bao giờ lên giọng dạy đời, dù là nói những chuyện bức xúc, như nỗi khổ của người chị luống tuổi còn độc thân khi làm thủ tục sang tên nhà hay nỗi khó của một làng quê đi quyên tiền để sửa chữa một đoạn đường lầy lội.

Trong tập sách này, giữa chợ và siêu thị, giữa sách in và *e-book*, giữa quạt Ba Tiêu và quạt Cophaco, giữa thư pháp chữ Hán và thư pháp chữ Việt, giữa cái phong linh ngày trước và cái phong linh bây giờ, Nguyễn Nhật Ánh không giấu giếm sự thiên vị của mình đối với cái thứ nhất. Cũng dễ hiểu thôi, cái lý trí phân tích ở đây được nâng đỡ bởi lý lẽ của hoài niệm. Nhưng hoài niệm không phải là hoài cổ; còn người dẫn dắt và bình luận sự kiện ở đây vẫn không hề đánh mất đáng đáp hiện đại của mình. Chất hiện đại của ngòi bút Nguyễn Nhật Ánh bộc lộ rõ qua những bài

viết về bóng đá và những bài phê bình phim võ thuật, đặc biệt là bài phân tích chỗ được và chỗ chưa được của bộ phim *Ngọa hổ tàng long*. Tài năng của Nguyễn Nhật Ánh trong bình luận bóng đá thì đã được khẳng định qua loạt bài ký bút danh Chu Đình Ngạn trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* nghe đâu sẽ được tập hợp và in thành sách nay mai.

Là tạp văn, tập sách này nói đủ thứ chuyện trên trời dưới bể, nhưng rồi không phải ngẫu nhiên mà tác giả lại chọn nhan đề là *Người Quảng đi ăn mì Quảng*. Bao nhiêu nhà văn đã thao bút qua việc bình phẩm các món ăn dọc đường đi của dân tộc mình từ Bắc vào Nam: Tản Đà, Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Vũ Bằng, Võ Phiến... Nguyễn Nhật Ánh là người Quảng, lại còn mở quán để quảng bá các đặc sản quê mình, làm sao mà anh không viết về cái món ăn đã đi vào ca dao:

*Thương nhau mức bát chè xanh,
Làm tô mì Quảng cho anh xơi cùng.*

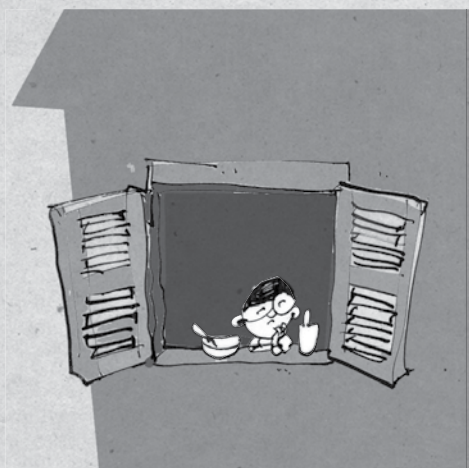
Có điều Nguyễn Nhật Ánh bình phẩm món ăn thì ít mà bình phẩm về tâm tình của người ăn thì nhiều. Ai mà không đồng ý khi anh nói rằng người Quảng ở Sài Gòn đi ăn mì Quảng là để tìm một chút hương vị quê nhà, một chút thôi, chứ không bao giờ là trọn vẹn. “*Người Quảng xa xứ đi ăn mì Quảng không giống như khi đi ăn những thứ khác như lẩu dê hay bò bảy món. Họ không chỉ ăn bằng miệng, bằng vị giác hay khứu giác, không phải đơn thuần chỉ để thưởng thức cái ngon. Người Quảng đi ăn mì Quảng là đi ăn bằng tâm*

trạng. Họ bước vào quán bán mì Quảng bằng bước chân hồi hộp, thắc thóm, với tất cả nỗi háo hức phập phồng như đến điểm hẹn với người quen cũ. Gặp tô mì Quảng giữa Sài Gòn, với người Quảng đó là nỗi mừng rỡ “tha hương ngộ cố tri”. Không phải người Quảng Nam, ở Sài Gòn tôi cũng thường ăn mì Quảng ở những quán ăn “chính hiệu” với rau sống chớ vào từ Hội An, vậy mà hình như chỉ một lần tôi cảm nhận hết cái hương vị mì Quảng khi, trên đường từ Đà Nẵng về Bình Tú một buổi chiều cuối năm, dừng xe ăn tô mì Quảng nhưn tôm thịt ở thị trấn Nam Phước (là chỗ ở hiện nay của Gia Khanh – L. đó, phải không?). Thì ra ăn một món ăn còn là thụ hưởng cái không khí, cái tâm thế khi mình ngồi ăn.

Bây giờ ngồi viết bài này cho tập sách Nguyễn Nhật Ánh cũng vào một ngày giáp Tết, nhớ tô mì Quảng ngày nào ở Nam Phước, rồi lại nhớ câu thơ của bạn trên một tờ báo xuân (*Con để giang hồ đang nhớ quê!*), chao ôi, tôi cũng lẫn lộn mà bắt chước Nguyễn Nhật Ánh viết tạp văn mất rồi!

Nhà phê bình văn học
HUỲNH NHU PHƯƠNG

1



lớn và nhỏ

tháng vừa rồi, báo chí nói nhiều đến cuộc Liên hoan Sân khấu nhỏ ở 5B Võ Văn Tần. Lật tờ báo nào ra cũng bắt gặp những dòng giới thiệu, tuyên truyền cho sân khấu nhỏ. Đọc hoài, đến nỗi bị ám ảnh. Rồi một lúc bần thần nghĩ ngợi, tôi bỗng giật mình nhận ra trong thời đại ngày nay không chỉ sân khấu mà có quá nhiều thứ bị thu nhỏ.

Bây giờ đi ra đường, người ta gặp vô số những *nhà hàng mini*. Chúng tồn tại một cách hiên ngang, thậm chí ồn ào, dọc các dãy phố, với vẻ phô trương của một “thể loại” vừa được khẳng định. Lớn lên từ “phong

trào”, bên cạnh cái ăn, còn có cái ở. Khách sạn vốn quen được xem như một cơ ngơi đồ sộ, bây giờ cũng sẵn sàng từ bỏ hình ảnh truyền thống của mình để thu nhỏ lại thành *khách sạn mini*. Cố nhiên, cái mặc cũng không chịu tụt hậu. Nếu trước đây, nhiều cô gái thích mặc áo hở ngực thì bây giờ các cô lại chuộng kiểu áo hở bụng hoặc... phơi lưng. Sở dĩ có sự “thay đổi mẫu mã” này không phải vì biểu tượng cái đẹp của phụ nữ ngày nay đã chuyển từ bộ phận này sang bộ phận khác mà có lẽ vì chủ nhân các “phòng triển lãm lưu động” này bất chợt khám phá ra rằng bất cứ một “mặt hàng” nào dù quý hiếm đến đâu nếu cứ bày lồ lộ trước mắt bàn dân thiên hạ ngày này qua ngày khác tất sẽ giảm giá trị và không còn thu hút “khán giả” nữa. Chính nhờ quy luật “cung cầu” này mà các vị trí vốn được xem là thứ yếu, hạng hai như lưng và bụng bỗng trở nên có giá. Và dưới sự “hướng dẫn thẩm mỹ” của các nàng, không ít đáng mày râu đã phải điều chỉnh quan niệm của mình về cái đẹp để thích ứng với xu thế mới(!). Nhưng sự thu nhỏ kích thước của cái mặc thường biểu hiện hùng hồn và tập trung nhất tại các kỳ thi hoa hậu và người mẫu, đặc biệt ở những màn trình diễn áo tắm. Ở đó, người ta có thể tìm thấy trang phục của Eva với những mảnh vải bé tẹo như những chiếc lá nhỏ dính vào những chỗ đôi khi không được bé tẹo cho lắm ở một số người. Những nhà soạn tự điển đạo mạo và đáng kính nếu đặt chân vào đây hẳn sẽ vô cùng bối ngỡ về sự lạc hậu của mình khi đưa ra những định nghĩa về y phục. Trong một số trường hợp, quần áo

không làm chức năng “che thân” mà ngược lại “khoe thân”. Nêu lên hiện tượng này cũng chỉ như nêu một nhận xét về những điều tai nghe mắt thấy, chứ người viết không mong làm cái sự quá sức gay go là đánh giá. Nhất là trong thời buổi bùng nổ thông tin hiện nay, người ta đang ăm ỉ lên rằng thế giới mỗi ngày một thu nhỏ lại. Mà thế giới bao la dường kia còn thu nhỏ lại được thì hà cớ gì dăm mảnh vải trên người lại không được quyền bé đi một tí để chiều theo dòng chảy của văn minh và để cho... vui mắt? Có người sẽ bảo như vậy và nếu lao vào tranh cãi thì sẽ gặp lắm chuyện rầy rà. Thôi thì ở đây, nhân cuộc Liên hoan Sân khấu nhỏ, ta chỉ bàn về sự “thu nhỏ” mà thôi.

* * *

Con người ta không chỉ ăn, mặc, ở. Còn có bao nhu cầu khác như di chuyển, làm việc, nghỉ ngơi, giải trí, thưởng thức những thú vui vật chất và tinh thần... Và đáng ngạc nhiên thay, cái xu hướng thu nhỏ dường như đã và đang xâm nhập vào tất cả mọi lãnh vực. Từ cái máy bộ đàm công kênh đến loại điện thoại thông dụng rồi đến cái máy liên lạc nhỏ xíu nhét trong thắt lưng là cả một quá trình tiến hóa từ khủng long đến... thần lùn. Cái máy tính to đùng biến mất, nhường chỗ cho loại máy tính gọn nhẹ lọt thỏm trong túi áo đàn ông và bóp cằm tay của phụ nữ. Xe đạp biến tướng thành *xe đạp mini*, Vespa đẻ ra *Vespa mini* và bây giờ người dân thành phố đã khá quen mắt với những chiếc

xe gắn máy nhỏ xíu chạy nhan nhản ngoài phố. Ngay cả phương tiện giao thông công cộng như xe *bus*, tưởng không có lý do gì để giảm thiểu kích cỡ và sức chứa, cũng bắt đầu “mini hóa” để trở thành *microbus*. Nghe nói trên thế giới hiện nay, người ta cũng đang tìm cách thu nhỏ thước tắc một số máy bay, cả các con tàu vũ trụ. Đụng đến “vũ trụ” e rằng hơi quá, mặc dù ngay cả vũ trụ vô biên kia chưa chắc đã tránh thoát nguy cơ bị thu nhỏ: sau từ *cosmos* (vũ trụ), người ta đã không ngại ngắn sáng tạo ra từ *microcosm* (tiểu vũ trụ)!

Những bà nội trợ bận rộn ít có điều kiện đọc báo, nghe đài vẫn có thể cảm thấy thế giới đang bé dần đi trong tay mình. Những cái quạt máy nhỏ xíu, những cây đèn pin tí hon, những chai nước giải khát bé tẹo đang xâm chiếm các cửa hàng tạp hóa từng giờ. Ngay cả chiếc ô được làm ra cốt để che nắng che mưa bây giờ cũng chỉ lớn bằng phân nửa những chiếc ô kèn hàng của thế hệ trước. Trước những đổi thay chóng mặt này, có cảm giác như nhân loại muốn biến mảnh đất mình đang sống trở thành xứ sở của những người Lilliput.

Nhưng đó chỉ là những tiện nghi vật chất, sẽ có người kêu lên, vật chất bé lại một tí cũng không sao, còn những gì thuộc về tinh thần thì không hẳn thế, không bao giờ thế! Xin thưa, cũng thế thôi! Thậm chí trong đời sống tinh thần, những phương tiện phục vụ càng “co rút” theo một tỷ lệ tệ hại hơn nhiều. Từ màn ảnh đại vĩ tuyến đến màn hình 14 inch dành cho phim video là cả một cuộc cách mạng vi mô hóa. Lần lượt,

chiếc cassette bé lại bằng cuốn sách. Còn cuốn sách thì bé bằng hộp diêm. (Và hộp diêm, đến một lúc nào đó, nó sẽ thu nhỏ lại bằng một cái gì đó nó chọt nghĩ ra). Ngay cả bóng đá, vốn được mệnh danh là môn thể thao vua với những sân vận động hàng trăm ngàn chỗ ngồi, cũng phải hòa mình với thời đại bằng một thuật ngữ lạ lùng và đầy mâu thuẫn: bóng đá mini!

* * *

Như vậy, chuyện “thu nhỏ lại” quả là có thật, thấy được và sờ được. Nhưng người ta thu nhỏ mọi thứ lại để làm gì vậy? Chẳng lẽ đó chỉ là một thú chơi ngông, một ý thích bốc đồng của con người thời hiện đại? Ấy, xin chớ có hiểu lầm! Thu nhỏ một bộ ngực hay một cặp đùi còn có thể cho là chuyện tùy hứng chứ người ta đã thu nhỏ tới cả chiếc máy bay thì cái chuyện trái khoáy này hẳn có chỗ diệu dụng của nó.

Thực ra cái chuyện thu nhỏ không phải chỉ mới xảy ra ngày hôm qua. Đọc truyện Tây Du, chúng ta thấy cây Như Ý bồng to đùng của Tôn Ngộ Không đã bao nhiêu lần bị thu nhỏ lại chỉ bằng cây kim để họ Tôn giắt vào mép tai. Và Thiết Phiến công chúa cũng năm lần bảy lượt rút gọn kích thước của chiếc quạt Ba Tiêu (vốn để quạt tắt núi lửa) nhét vào trong miệng. Chắc không ai ngờ đến nỗi tin rằng bà Thiết Phiến thu nhỏ chiếc quạt lại để làm tăm xỉa răng và họ Tôn biến cây trụ kinh thiên kia bé chỉ bằng cây kim để ngoáy tai cho đỡ ngứa. Cái mục đích của sự “thu nhỏ” ở đây rất

rõ ràng: nó giúp họ Tôn tránh công kênh, vương vúi trong di chuyển, nhảy nhót cũng như tăng cường khả năng cơ động trong chiến đấu tay không và nó giúp Thiết Phiến công chúa có điều kiện che giấu và bảo vệ báu vật trước những phường đạo chích. Thì ra ngay cả các bậc thần tiên, các vị cũng chẳng “nhỏ” để mà “nhỏ”, mà chính vì cái sự tiện lợi của nó.

Chúng ta không phải là thần tiên, nhưng không vì vậy mà mục đích và ý nghĩa của sự thu nhỏ của chúng ta khác đi. Chúng ta cũng chỉ vì lợi ích và sự tiện dụng. *Khách sạn mini* và *nhà hàng mini* chỉ cần tận dụng cơ sở có sẵn, tiết kiệm được diện tích, quy mô xây dựng, vốn đầu tư, cả thuế má, nhưng khả năng tranh chấp khách hàng và mức độ lợi nhuận chưa chắc đã kém cạnh so với một số nhà hàng, khách sạn bề thế khác. Hơn nữa, nhờ là mini, khi cần thay đổi nội dung kinh doanh, sự “trở bộ” của nó ắt sẽ rất lẹ làng, dễ thích ứng. *Quần áo mini* thì tiết kiệm được vải vóc, lại tăng cường khả năng “quảng cáo”. *Xe cộ mini* thì dễ luồn lách, quanh co, khuôn lên vác xuống, nhất là trong thời đại mà nạn kẹt xe đang trở nên một thảm họa toàn cầu. Microbus 12 chỗ ngồi vẫn hấp dẫn hành khách hơn ông anh 50 chỗ ngồi của nó. Rồi điện thoại, ti-vi, cassette, radio, bây giờ con người không phải ngồi một chỗ mới sử dụng được. Từ khi chúng được thu nhỏ, người ta có thể giắt chúng trong mình như giắt một cây bút máy và bắt chúng phục vụ trên từng cây số. Trên thế giới, đã có những loại xe đạp có thể gấp lại như chiếc ô, những căn lều trại gấp lại bằng cái túi xách và những



chiếc xe hơi có thể xếp gọn lớn trong một chiếc... va-li. Cứ tưởng tượng đến cảnh một ngày nào đó mình kẹp một chiếc xe hơi trong nách như Tôn Ngộ Không giắt cây Như Ý bồng trên mép tai, chắc không ai là không thú vị gật gù: “Cái sự thu nhỏ quả là hay đáo để!”.

Như vậy, đa phần những cái “nhỏ nhỏ” với ưu điểm linh hoạt, cơ động, giá rẻ (nếu sản xuất đại trà) được làm ra cốt nhằm thỏa mãn những nhu cầu của con người hiện đại vốn ngày càng ít thì giờ trong một thế giới phát triển đến mức chật chội, ngổn ngang. Với khả năng phục vụ đến tận răng và trên mọi địa bàn, rất có thể chẳng bao lâu nữa cái đội quân nhỏ nhỏ này sẽ tràn ngập và biến thế giới chúng ta đang sống thành thế giới của những đồ vật mini mà không cần đến trí tưởng tượng của Walt Disney. Thì ra người ta “thu nhỏ” là để “mở rộng”, để gia tăng khả năng bành trướng và chiếm lĩnh người tiêu dùng. Cái nhỏ ở đây là cái nhỏ của hạt tiêu, của mũi dùi: càng nhỏ, càng nhọn, càng khoan sâu!

* * *

Thu nhỏ, như vậy, có vẻ như là một xu thế thời đại. Nhưng cái *sân khấu nhỏ* của chúng ta lại dường như chẳng liên quan gì đến những nhận định này. Với các phương tiện được thu nhỏ, người ta có thể nghe nhạc lúc đi đường hoặc xem phim trong phòng ngủ, nhưng với sân khấu nhỏ khán giả vẫn phải bước ra phố, mua vé, chen nhau vào chỗ. Về phương diện tiện nghi, sân

khẩu nhỏ chẳng đem lại một cái tiến nào đáng kể. So với cha ông mình, khán giả sân khấu ngày nay đỡ mồ hôi chẳng ít hơn là bao.

Đã nhỏ, lại không có gì mới trong cung cách phục vụ, sân khấu nhỏ dĩ nhiên không có ý đồ lẫn khả năng “phủ sóng” trên diện rộng. Khán giả phim video chắc chắn đông hơn khán giả phim màn ảnh rộng, nhưng khán giả của sân khấu nhỏ chắc chắn ít hơn khán giả của sân khấu không nhỏ, ít ra là vì sức chứa của nó. Thế thì sân khấu nhỏ của chúng ta hiện nay là gì? Có người gọi nó là sân khấu thể nghiệm hoặc sân khấu tiên phong. Nhưng những định nghĩa loại này có vẻ hướng về tương lai hơn là hiện tại. Riêng tôi, tôi ngờ rằng sân khấu 5B Võ Văn Tần sở dĩ mang tên là sân khấu nhỏ chỉ vì diện tích của nó không lớn mà thôi!

Lịch sử hình thành của sân khấu này chưa bao giờ được bắt đầu bằng ý đồ thể nghiệm. Thoạt tiên nó chỉ là nơi những anh em trẻ, tài năng và tâm huyết nhưng không có đất dụng võ - đa số là đạo diễn và diễn viên sắp hoặc vừa mới tốt nghiệp - tụ tập lại tập dượt và dàn dựng một vài vở kịch cho thỏa lòng yêu nghề. Và khi những kịch sĩ diễn kịch chỉ vì lòng yêu nghề chứ không phải vì lòng yêu... tiền thì họ không bị bất cứ một áp lực nào ngoài áp lực của sự hoàn mỹ và mùa gặt hái của họ dĩ nhiên là những vở diễn nếu chưa hay thì cũng chứng chạc, đứng đắn. Chất lượng kêu gọi chất lượng: khán giả đến với sân khấu nhỏ là những khán giả chọn lọc, loại công chúng thường chỉ gặp trong mơ. Ngay từ vở diễn đầu tiên, sự đồng cảm

giữa người diễn và người xem đã đem đến sự thành công đáng cảm động cho sân khấu nhỏ. Và cho đến nay, trải qua bao thăng trầm, sự gắn bó giữa sân khấu nhỏ và công chúng của nó chưa bao giờ nguội lạnh.

Ý định thể nghiệm với sân khấu nhỏ chỉ xuất hiện về sau, một phần nảy sinh từ thực tiễn biểu diễn, một phần đến từ lý thuyết thực nghiệm của các phong trào cách tân kịch nghệ châu Âu. Nhưng cho đến nay, nó chỉ mới ở trong giai đoạn tìm đường, chưa đủ minh bạch để có thể đặt tên cho một loại hình sân khấu. Vì vậy, “sân khấu nhỏ chỉ vì nó nhỏ” là cách nói gần với thực tế nhất. Bởi suy cho cùng, khán giả đến với sân khấu thực ra không phải vì nó nhỏ hay nó lớn mà chủ yếu vì chất lượng thẩm mỹ mà nó đem lại. Làm được như vậy, nghĩa là duy trì được niềm tin của khán giả vào nghệ thuật kịch vốn đang bị thờ ơ thì dấu sân khấu nhỏ chẳng tự nhiên mình lên được, cái *nhỏ* này lẽ nào chẳng phải là cái nhỏ cần thiết hay sao?

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 6-6-1993

đằng sau những cái nốt ruồi

hôm nọ, tôi và một người bạn phải một phen hú vía. Vừa từ dưới hồ bơi công cộng bước lên, đã gặp ngay năm, sáu tay “tướng cướp” đang lừng lững từ ngoài cổng tiến vào. Tất cả đều có bề ngoài giống hệt nhau: quần trắng, áo đen, tay áo xấn tận nách, tóc húi cao phô cái gáy trắng nhợt, mặt lạnh như tiền không một cái nhếch môi. Dường như chưa cho thế là đủ, mỗi người còn ốp thêm vào mắt một đôi kính đen ngòm trông phát sốt. Nhìn họ lăm lăm nối gót nhau vào

phòng thay quần áo, tưởng như bên trong sắp đổ máu tới nơi!

May làm sao, chỉ vài phút sau họ lại đi ra. Lần này, với độc một chiếc quần tắm trên người, trông họ đã khác. Khi rũ bỏ những thứ nghi trang lẫn vẻ mặt cô hồn đằng sau cánh cửa gỗ, nom họ giống mọi người hơn, nghĩa là lương thiện. Thậm chí khi tháo những cặp kiềng “hình sự” kia ra khỏi mắt, mặt họ trông non choẹt, mười chín đôi mươi. Hóa ra họ chẳng phải là những sát thủ đến từ đảo Sicile hay từ những mỏ vàng Texas. Đây chỉ là những chàng trai ưa lập dị của chúng ta.

Mãi về sau, khi có dịp xem một vài bộ phim xã hội đen của Hồng Kông, tôi mới rõ những chàng trai hôm nọ đã vay mượn cái vỏ bề ngoài lạ lẫm kia từ đâu. Nhưng sự sao chép này không phải là hiện tượng hiếm hoi, càng không duy nhất. Từ khi diễn viên Jane March xuất hiện trong phim *Người tình* với chiếc nón hẹp vành, loại nón này lập tức được các cô gái ưa chuộng đến mức các nhà sản xuất phải vội vàng nghiên cứu mẫu mã và tung ra hàng loạt.

Thế mới biết, để văn hóa của dân tộc này được chấp nhận bởi một dân tộc khác xem ra còn lắm cam go nhưng để lối ăn mặc của nước này du nhập vào nước nọ đôi khi lại quá sức dễ dàng. Cố nhiên, trang phục cũng là một biểu hiện của văn hóa, nhưng nó là bề nổi. Để đến được với bề sâu, đòi hỏi phải cảm thông và thấu triệt. Đến với bề nổi, chỉ cần mô phỏng, nói khác đi, là bắt chước!

Tuổi trẻ thường hay bắt chước, thời nào cũng vậy. Điều đó xét ra chẳng có gì đáng trách. Khi chưa đủ từng trải để định hình một bản lĩnh, một phong cách, tuổi trẻ thường tìm cách lấp đầy “chỗ thiếu” của mình bằng cách cố giống với một hình ảnh nào đó, theo họ là chuẩn mực. Cha ông ta ngày xưa, khi trẻ chắc không ít cụ học đòi vẻ đạo mạo của một ông Nghè hay phong thái uy nghi của một viên quan Tổng trấn. Với các phương tiện truyền thông không ngừng được cải tiến, tuổi trẻ ngày nay có nhiều cơ hội và nhiều thần tượng hơn để chọn lựa và mô phỏng. Suy cho cùng, đó cũng là một hình thức tự khẳng định, dĩ nhiên theo cái cách của tuổi trẻ.

Với thời gian và sự trưởng thành, tuổi trẻ sẽ dần dà tìm ra bản sắc đích thực của mình và bấy giờ sự bắt chước, chẳng còn lý do để tồn tại, sẽ chỉ là những trò chơi lảm cẩm của quá khứ.

Nhưng trong khi tuổi trẻ vẫn còn... trẻ, thì họ thường bắt chước những ai? Chắc không khó lắm để tìm ra giải đáp! Thầy cô và các bậc huynh trưởng trong gia đình tất có ảnh hưởng nhất định đến tuổi trẻ, nhưng đó là những tác động có tính riêng rẽ, không mang ý nghĩa phổ quát. Như thực tế đã chỉ ra, chính những ngôi sao ca nhạc, nghệ sĩ sân khấu, minh tinh điện ảnh và những tài năng kiệt xuất trong thể thao thu hút sự chú ý nhiều nhất do đó tạo ảnh hưởng nhiều nhất đến tuổi trẻ, hiểu như một cộng đồng.

Trong một thời gian dài, điều này khó thể khác đi, vì đây chính là những nhân vật hoạt động trong các lãnh vực có tính xã hội rộng rãi, lại không ngừng được các phương tiện thông tin đại chúng quảng bá hình ảnh đi cùng khắp, thậm chí vào tận các giấc mơ thầm kín của bao chàng trai, cô gái đương thì.

* * *

So với các nghệ sĩ biểu diễn, ảnh hưởng của các nghệ sĩ sáng tạo đối với tuổi trẻ chậm chạp hơn và ít trực tiếp hơn. Đối với người thưởng ngoạn, khám phá vẻ duyên dáng của diễn viên bao giờ cũng nhanh hơn việc nắm bắt ý đồ của đạo diễn. Và điều đó chẳng có gì là lạ.

Thời nào cũng vậy, các triết gia, nhà văn, họa sĩ, nhà viết kịch, kể cả đạo diễn sân khấu lẫn đạo diễn điện ảnh đều “cam tâm” đóng vai trò chiếc bóng lạng thầm đằng sau tác phẩm của mình. Trong mọi trường hợp, khán giả hội họa đến phòng triển lãm là để xem tranh chứ không phải để xem người vẽ ra bức tranh đó. Tương tự, độc giả văn chương yêu một nhà văn nào đó chính là yêu những cuốn sách anh ta bày bán ngoài cửa hiệu chứ không phải say mê bản thân nhà văn. Xem xong bức tranh, đọc xong cuốn sách, tức nhu cầu tinh thần đã được thỏa mãn, người thưởng ngoạn không có lý do gì để nấn ná lâu hơn. Tên tác giả sau đó có khi họ còn quên bẵng, nói gì đến chuyện nhớ người nhớ mặt.

Như vậy, tác phẩm về mặt nội dung, là chiếc cầu

nổi giữa nghệ sĩ sáng tạo với công chúng nhưng về mặt hình thức giao lưu, lại là chiếc rào cản ngăn cách công chúng với họ. Ngược lại, ở các loại hình nghệ thuật có tính trình diễn, nghệ sĩ đến với công chúng bằng chính con người cụ thể của mình. Họ trình bày nghệ thuật thông qua bản thân mình với tư cách một công cụ chứ không cầu viện đến ngoại vật như giấy bút hay vải, lụa, cọ, sơn.

Cho nên xét về mặt hình ảnh, bên cạnh sự chói sáng của các nhà biểu diễn, những nghệ sĩ sáng tạo của chúng ta xem ra mờ nhạt hơn nhiều. Họ ít được chú ý, thậm chí bị lẫn lộn giữa người này với người khác. Nếu bất chợt bắt gặp ngoài đường, công chúng rất có thể nhầm Nguyễn Khải với Nguyễn Minh Châu, Ngọc Linh với Lê Duy Hạnh hay Nguyễn Trung với Ca Lê Thắng... nhưng chắc chắn họ sẽ phân biệt dễ dàng và ngay tức khắc Bạch Tuyết với Kim Cương hoặc Lý Huỳnh với Nguyễn Chánh Tín.

Trừ những trường hợp bị “phá bĩnh” bởi ngành công nghiệp truyền thanh (đối với bóng đá, sân khấu và ca nhạc), các ngôi sao của nghệ thuật trình diễn bao giờ cũng xuất hiện *đồng thời* với các hoạt động chuyên môn của mình. Và hình ảnh của họ được công chúng sẵn sàng tiếp nhận như một phần không thể tách rời khỏi những khoái cảm nghệ thuật mà họ đem lại. Lối thưởng ngoạn trực quan này cất nghĩa tại sao họ dễ tạo ảnh hưởng lên công chúng, đặc biệt là giới trẻ, cũng như dễ được giới trẻ yêu thích, hâm mộ, kể đến là... bất chúc!

Nhưng giới trẻ thường bắt chước những gì nơi thần tượng của mình? Tất nhiên trong thâm tâm họ ao ước có được những khả năng như ngôi sao mà họ ngưỡng mộ: một giọng ca mượt mà, truyền cảm, một lối diễn xuất tinh tế và điêu luyện hoặc một cú sút phạt tài tình xuyên qua rào chắn trước cầu môn. Nhưng trên thực tế, để đạt được ước vọng thâm kín đó, phỏng có mấy ai?

Cho nên đa phần họ chỉ bắt chước những biểu hiện về mặt hình thức. Trách họ thế nào được, khi mà để hát hay như một ca sĩ thời danh bao giờ cũng gian nan và khó thực hiện hơn nhiều so với việc làm sao để giống ca sĩ đó về mặt ngoại dạng, cũng như kết tóc lại thành bím như Ruud Gullit chắc chắn là dễ hơn việc dùng cái đầu tóc đó đội bóng vào lưới đối phương. Muốn sở hữu một khả năng, cần phải học tập, nhưng muốn chiếm dụng một kiểu ăn mặc, chỉ sao chép là đủ. Cách thứ hai đòi hỏi ít nỗ lực hơn mà cơ may thành công lại cao hơn. Vì vậy, nếu có ai bảo một kiểu nón từ phim ảnh bước ra cuộc đời nhanh hơn nhiều so với lúc nó được chọn để đưa vào phim ảnh, thì không hẳn đó là người thích nói chuyện hoạt kê.

Thời trang trên những sân diễn cũng xâm nhập vào đời thường với một sự nhanh nhạy không kém. Những kiểu áo xẻ, những kiểu váy túm và váy quét nhiều khi được sinh ra dưới ánh đèn màu nhưng lại lớn lên và

biểu dương lực lượng dưới ánh nắng ấm áp của mặt trời trên đường phố.

Giới trẻ không chỉ tìm thấy nơi thần tượng của mình những “tiêu chí” về trang phục. Những kiểu tóc, những dáng đi, những nụ cười, những cú liếc mắt, ngay đến một kiểu khịt mũi đôi khi cũng tìm được cơ hội in thêm những “phó bản” nơi những người hâm mộ trẻ tuổi. Thậm chí có một thời, người ta có thể tìm thấy cái nốt ruồi đặc biệt duyên dáng của ca sĩ Thanh Lan trên khoe môi của rất nhiều thiếu nữ.

Và cũng như trong những lãnh vực khác thời mở cửa, ở ngay cái địa hạt vốn chẳng can dự gì đến hải quan cửa khẩu này, những món hàng ngoại vẫn tìm thấy những vận may của mình. Từ lâu, trên xứ sở của chiếc áo dài đã xuất hiện những mái tóc vàng của Madonna. Mốt đeo bông một bên tai của siêu cầu thủ Maradona và các ca sĩ nhạc rock phương Tây cũng nhanh chóng tìm thấy ở tuổi trẻ thành phố không ít những tâm hồn đồng điệu. Âu đó cũng là một đường lối giao lưu!

* * *

Như vậy, phải chăng tuổi trẻ chỉ học tập ở nhà trường, ở các trung tâm ngoại ngữ và các phòng vi tính, còn ở sân khấu, rạp hát và sân vận động, tuổi trẻ chỉ làm mỗi một việc là... bắt chước? Tôi e rằng sự thể không đơn giản như vậy!

Bắt chước một ai hoặc cố giống một ai, dẫu chỉ về hình thức, tuổi trẻ cũng đồng thời tiếp nhận luôn cả

phong cách và thái độ sống của người đó một cách có hay không có ý thức. Tuổi trẻ phương Tây thập niên 60 ưa chuộng kiểu tóc dài phủ kín tai của ban nhạc Beatles, và kiểu kiếng cận mắt tròn của John Lennon sau đó, không đơn thuần vì mê đắm những cái cách mới mẻ của nhạc pop mà còn xuất phát từ sự tán thành quan điểm phản chiến, lòng yêu chuộng hòa bình và cái đẹp mà các chàng trai Liverpool thể hiện trong những ca khúc bất tử của mình. Cũng như vậy, với tinh thần chống phân biệt chủng tộc mạnh mẽ, chắc chắn Ruud Gullit đem lại cho tuổi trẻ nhiều điều bổ ích hơn hẳn Maradona, một tài năng từng được coi là tấm gương sáng của giới trẻ Achentina trước khi dính líu đến ma túy và hàng loạt vụ tai tiếng khác.

Tôi tin rằng một chàng trai nhất mực để tóc theo kiểu Ruud Gullit không thể nào đối xử tệ bạc với người bạn da màu trong khu phố mình ở, cũng như một cô gái khẳng khăng nhuộm tóc cho giống “quả bom sex” Madonna thì tất nhiên ít nhiều đồng tình với quan niệm luyện ái tự do.

Tóm lại, bằng những phản ứng của mình đối với thế giới chung quanh, dù muốn hay không trên thực tế các ngôi sao vẫn đang làm một sứ mạng trọng đại là truyền đạt đến công chúng hâm mộ những quan niệm của mình về cuộc sống. Đó không phải là loại trường học rao giảng bằng phấn viết và những lời răn mà là một nền giáo dục thực thi bằng nhân cách. Tuổi trẻ bất chúc thần tượng của mình đôi khi chỉ một chiếc áo, nhưng nếu đằng sau tấm áo đó là một trái tim đẹp đẽ

và lành mạnh thì sự thu hoạch của tuổi trẻ chắc chắn sẽ không dừng lại bên ngoài những mảnh vải vô tri. Còn ngược lại, lơ ngơ lơ đãng một thần tượng có đôi chân nhúng bùn, tuổi trẻ chẳng có cách nào khác hơn là đành cam để giấc mơ của mình chịu một lần vấy bẩn. Các ngôi sao của chúng ta có bao giờ giặt mình về những điều nhạy cảm này chẳng?

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 13-6-1993

một năm sống với lịch

Trong các mặt hàng Tết, lịch có lẽ là thứ hàng hóa được bày bán sớm nhất. Những nhà làm lịch sẵn ảnh từ mùa hạ, sẵn... giấy phép từ mùa thu để bước qua mùa đông, vào khoảng cuối tháng mười, lịch đã kịp có mặt trên thị trường. Chim én chưa bay, hoa mai chưa nở, nhưng một sớm mai đạp xe ngang quây sách báo, thấy cô diễn viên điện ảnh quen thuộc đang toòng teng trên tấm lịch nhìn ra cười toe toét, khách đi đường đã có thể vui mừng hoặc buồn rầu tự nhủ: “Lại một cái Tết nữa sắp đến!”. Chưa kịp mở đầu năm mới đã hấp tấp báo hiệu sự cáo chung của năm cũ, phải

chẳng đó là công dụng đầu tiên, và ngoài chức năng, của lịch?

Một tấm lịch thật ra cũng na ná như một cái đồng hồ. Đồng hồ chỉ giờ giấc trong ngày, còn lịch chỉ ngày tháng trong năm. Về sau, một số loại đồng hồ mở thêm các cửa sổ chỉ ngày, thứ với mưu toan kiêm luôn chức năng của lịch nhưng bất thành. Cũng là công cụ đo lường và tính toán thời gian nhưng đồng hồ dù cải tiến đến đâu cũng chỉ cung cấp thông tin về thời gian hiện tại trong khi nhiệm vụ của lịch là trình bày những ngày tháng được phân chia và hệ thống trong một thời gian dài. Người ta xem lịch để tính toán giỗ kỵ, cưới hỏi, sắp xếp công việc hoặc bố trí hẹn hò, toàn những chuyện đại sự!

Cũng như đồng hồ, lịch càng ngày càng được chuyên biệt hóa. Có đồng hồ bỏ túi, đồng hồ đeo tay, đồng hồ báo thức, đồng hồ treo tường, đồng hồ trên bộ, đồng hồ dưới nước, đồng hồ đa năng... thì cũng có lịch bướm, lịch bloc, lịch tờ, lịch bỏ túi, lịch để bàn, lịch sổ tay, lịch thiên văn, lịch tổng hợp... trong đó địa vị thống soái luôn luôn thuộc về lịch tờ với hàng trăm mẫu mã và hàng triệu bản được tiêu thụ hàng năm.

Cùng với lịch bloc, lịch tờ thuộc chủng loại lịch treo tường. Gọi là lịch tờ bởi vì nó là một tờ (hoặc năm tờ, bảy tờ) có... in lịch. Điều trái khoáy là khi đi sắm lịch, người mua chẳng hề chú ý đến phần *lịch* mà chỉ quan tâm đến phần *tờ*.

Sắm đồng hồ, ai cũng muốn sắm một cái đồng hồ

tốt. Nhưng mua lịch, người ta chỉ cốt mua một tờ lịch đẹp. Ở đây, rõ ràng nội dung của tờ lịch đóng vai trò thứ yếu. Chính hình thức của nó quyết định giá cả và khả năng tiêu thụ. Và có lẽ trong vô vàn những sản phẩm lưu hành ngoài xã hội, lịch tờ là mặt hàng duy nhất mà sức tiêu thụ của nó tùy thuộc chủ yếu vào mẫu mã của bao bì chứ không bởi khả năng sử dụng mà nó đem lại.

Hình thức của một sản phẩm dĩ nhiên là cần thiết, nhất là trong thời buổi cạnh tranh của nền kinh tế tự do, nhưng cần thiết đến mức trở thành yếu tố then chốt, quyết định sự thắng bại của một mặt hàng trên thương trường như lịch thì quả là quái lạ. Những chiếc đồng hồ cũng thường xuyên thay đổi kích thước và kiểu dáng nhằm quyến rũ người mua, nhưng do quy định ngặt nghèo của “thể loại”, chúng chỉ quanh quẩn với những hình thức kỷ hà đơn điệu: hết tròn lại vuông, hết vuông lại bầu dục... Gần đây, để đa dạng hóa mẫu mã của đồng hồ, các nhà sản xuất nghĩ ra cách lắp đặt thêm các diện tích phụ, dưới nhiều hình dáng khác nhau nhưng dù nỗ lực đến đâu, đồng hồ cũng không theo kịp lịch ở khía cạnh trình diễn và nhất là không thể thay đổi được thói quen của khách tiêu dùng: một cái đồng hồ tốt vẫn có giá trị gấp nghìn lần một cái đồng hồ đẹp!

Lịch lại khác. Lịch không vận hành nên không hổng hóc. Do đó người mua lịch không quan tâm đến chuyện *xấu tốt*, chỉ chăm chú đến chuyện *xấu đẹp*. Nghĩa là quan tâm đến hình thức hơn nội dung, phần tờ hơn

phần lịch, phần trên (tranh ảnh) hơn phần dưới (ngày tháng). Mà cái phần dưới đó, cái phần mà nếu không có nó thì cái tấm lờ loẹt trên tường kia chẳng thể gọi là tấm lịch, lại chiếm một diện tích khiêm tốn đến tội nghiệp. Thế mới biết, không cứ là đời người, ngay cuộc đời một tấm lịch cũng lắm cảnh treó ngoe!

Đến đây mọi chuyện gần như đã minh bạch: Người ta mua lịch như mua một bức tranh, một bức ảnh nghệ thuật, trước hết để treo cho vui nhà vui cửa, còn chuyện xem ngày, tính tháng là chuyện “hạ hồi phân giải”. Cái sự “đánh tráo chức năng” này không hiểu đã xảy ra từ bao giờ nhưng đến nay hiện tượng đó hầu như đã được xã hội mặc nhiên chấp nhận, kể cả về phía Nhà nước. Các cơ quan quản lý văn hóa từ lâu đã liệt lịch vào hàng “văn hóa phẩm”, một sự “nâng cấp”, một “ân sủng” mà những chiếc đồng hồ đẹp nhất cũng đừng hòng được hưởng.

Vậy, phần quan trọng của lịch tờ chính là ở cái phần tranh ảnh, ở cái “khía cạnh văn hóa” của nó. Trên đó, người ta bày biện những gì? Dĩ nhiên, những gì người ta cho là đẹp. Mà cái đẹp, nhân loại đã tổng kết từ lâu, chỉ có ba thứ: Hoa đẹp, cảnh đẹp, người đẹp. Lịch phản ánh điều đó một cách sát sườn: đi vào một gian hàng lịch như lọt vào giữa một rừng hoa - hoa ta, hoa Tây lẫn hoa Tàu đua nhau khoe sắc - và được ngoạn du một vòng từ Hồ Gươm qua chùa Thiên Mụ vô đến tận Hà Tiên nhưng mê toi nhất là ngoạn đi đâu cũng thấy các người đẹp đắm đuối nhìn mình, cứ như thể lọt vào cung bà Tây Vương Mẫu.

Rồi những tranh ảnh rực rỡ đó cũng đến ngày hạ xuống, khi mùa lịch đã qua. Số ế cho vào kho, phần lớn theo chân khách mua sắm về chung sống với từng gia đình, lặng lẽ chứng kiến những thăng trầm, buồn vui trong cuộc đời gia chủ cho đến tận mùa lịch năm sau. Người đẹp theo chân các bạn trẻ, chim hoa cá cảnh về với người già, giang hồ sông nước tặng các bậc trung niên, còn cảnh nội thất dành cho các bà nội trợ. Mỗi người, mỗi lứa tuổi tiếp cận cái đẹp và thưởng thức nó theo tâm cảm của riêng mình.

Nhưng không phải khách mua lịch nào cũng chọn mỹ nhân hay thắng cảnh. Có người thích sống “cận kề” suốt năm với một hoa hậu hay một diễn viên điện ảnh. Nhưng cũng có người thích “mời” một em bé xinh xắn, kháu khỉnh hay một danh hài về sống chung nhà. Ở đây, chủ nhà chuộng cái vui tươi hơn cái mỹ miều, lấy sự hoan hỉ làm điều mong mỗi đầu năm. Tương tự, kẻ cầu sự sung túc chọn lịch bánh trái (truyền thống có lịch ngũ quả, hiện đại có lịch in ảnh các loại bánh Tây như bánh mì, săng-duych, pâtê-sô...), kẻ mong yên ổn mọi bề chọn lịch ba ông Phúc Lộc Thọ, kẻ ngoan đạo chọn các loại lịch có màu sắc tôn giáo, các ảnh Chúa, ảnh Phật... Đến đây, thì tranh, ảnh lịch không chỉ đơn thuần thỏa mãn thị hiếu thẩm mỹ nữa mà nhằm đáp ứng khát vọng và những nhu cầu tinh thần vô cùng phong phú của người mua. Tất nhiên những loại lịch này chiếm tỉ lệ không nhiều nhưng đó là sự xuất hiện đầy ý nghĩa. Nó cho thấy lịch không chỉ có khả năng phô diễn cái đẹp bề ngoài mà còn có thể trình bày

những mơ ước bên trong của nhiều tầng lớp xã hội khác nhau. Nếu khía cạnh này được chú ý đúng mức, hoàn toàn có thể nghĩ tới một sự thay đổi sâu sắc trên thị trường lịch tương lai. Lúc đó, tuổi trẻ không nhất thiết phải sống hết năm này sang năm khác với những người đẹp đã nhẵn mặt mà có thể chọn cho riêng mình những tờ lịch in ảnh nghệ sĩ dương cầm Đặng Thái Sơn, nhà vô địch thế giới về cờ vua Đào Thiên Hải hoặc những nhà hoạt động xã hội nổi tiếng, những nhà toán học trẻ, những nhà doanh nghiệp thành đạt v.v.v... Về lịch phong cảnh, bên cạnh những hoa cá kiểng và các kỳ quan thiên nhiên, người mua có thể tìm thấy những công trình kiến trúc hiện đại, những mô hình công nghệ tiên tiến trong nhiều lĩnh vực... Lúc đó, lịch tranh ảnh không chỉ đem lại những khoái cảm thẩm mỹ cho con người mà còn khơi dậy những hoài bão của một cộng đồng không ngừng hướng tới tương lai. Và như vậy, lịch mới đạt tới cái chiều sâu văn hóa của từ “văn hóa phẩm” mà nó đang gánh vác để trở thành một thứ hàn thử biểu đáng tin cậy, phản ánh nhiệt độ tinh thần của xã hội qua từng biến thiên. Lúc đó, người viết bài này có thể bắt chước M. De Cervantes mà rằng: “Bạn hãy cho tôi biết nhà bạn treo loại lịch gì, tôi sẽ nói bạn là người như thế nào”. Lúc đó, tự bạn, bạn cũng có thể nói như thế nếu “hàng năm cứ vào tháng mười”, bạn bắt gặp ai đó đang tần ngần chọn lịch.

Sài Gòn Giải Phóng, số Xuân 1994

ngõ ngang phố xá

Xem phim bây giờ, thấy nhân vật ít dạo phố hơn trước. Họ cũng ra khỏi nhà, chạy tới chạy lui, nhưng là để đi đâu đó chứ tuyệt nhiên không phải là đi dạo. Thậm chí, ở một số bộ phim, khán giả trông thấy nhân vật của mình lướt bắt nhau nhiều hơn là trông thấy họ khoan thai đi đứng. Điều đáng ngạc nhiên là không chỉ các nhà kinh doanh bận rộn hay những bậc tuổi tác già nua mà ngay cả những cặp tình nhân trẻ trung và yêu đời, họ cũng chẳng thiết tha gì chuyện dung dăng dung dẻ ngoài phố. Họ có vẻ thích đến quán ăn, vũ trường hoặc nằm lì ở... khách sạn hơn, mặc dù đó là nơi nếu nấn ná quá lâu họ sẽ gây lăm phiền hà cho bộ phim khi xin duyệt chiếu.

Thỉnh thoảng, khi cần tạo không khí thơ mộng cho bộ phim hoặc muốn cho nhân vật của mình thư giãn đôi chút, nhà đạo diễn thường nghĩ đến việc đưa họ ra bãi biển hoặc cho họ lên cao nguyên hóng gió. Ở đó, tay trong tay, họ nhón nhờ ngụp lặn giữa làn sóng biển hoặc thông thả len lỏi giữa rừng thông xào xạc. Nền thơ thì nên thơ thật, nhưng lại chẳng liên quan gì đến chuyện... phố xá. Các nhân vật của điện ảnh ngày nay sẵn sàng dạo núi dạo rừng nhưng nhất quyết không chịu dạo phố, thế mới kỳ cục!

Tưởng chỉ có những nhân vật trên phim mới trái tính trái nết, hóa ra các nhân vật trong tiểu thuyết bây giờ cũng chẳng dễ chịu gì hơn. Họ đội nón ra đường, nam phụ lão ấu, nhưng để tất bật với công việc của mình chứ chẳng hề để mắt đến cảnh quan. Nhân vật mãi mê hành động, mãi mê suy tư, chẳng đào đâu ra thì giờ để nhìn đường ngắm phố. Rốt lại, đường phố bất quá chỉ là một trục lộ giao thông thuần túy để đưa con người từ một nơi này đến một nơi khác, thế thôi. Nó chẳng gây ra một chú ý hoặc tạo một ấn tượng nào cho khách đi đường, vì vậy chẳng ảnh hưởng hay liên quan gì đến tâm trạng của nhân vật.

Nhân vật đã chẳng thiết nhìn ngắm thì tác giả chẳng có lý do gì để miêu tả. Càng ngày độc giả càng ít gặp những trang văn đậm thắm trong đó phố phường được tái hiện một cách sinh động và chăm chút như trước đây. Sự quan tâm của nhà văn đối với cảnh vật chung quanh dường như mỗi ngày một nhạt nhẽo dần. Trong không ít tác phẩm, phố phường thậm chí chẳng được

mô tả như một không gian nữa, mà bị thu gọn lại thành một địa điểm, hay tập hợp những địa điểm, như trong môn hình học phẳng. Nhân vật bây giờ đi là để đến, chứ không phải đi để đi - để thưởng thức thú lang thang trong mưa trong nắng - cũng như đã đặt chân lên cầu là để mong chóng đến bờ bên kia chứ không phải để băng khuâng ngấm bóng mình dập dềnh trên mặt nước như một thời lãng mạn trước đây!

Phải chăng các nhà văn hiện nay chỉ thiên về đối thoại hay tự sự mà chê lối tả cảnh? Không hẳn! Độc giả vẫn có thể tìm thấy những trang văn tuyệt đẹp về miêu tả cảnh vật trong không ít những tác phẩm đương thời. Chỉ khổ một nỗi, những trang văn hiếm hoi này lại không dành cho thành phố. Cũng như các nhà điện ảnh, các nhà tiểu thuyết khi cần để cho nhân vật của mình trải lòng ra ngoại giới, thường tìm cách đẩy họ về những miền quê êm ả. Chỉ khác một điều, do không tốn lộ phí, các nhân vật tiểu thuyết có điều kiện để đi xa hơn và lưu lại lâu hơn, so với các nhân vật trên màn ảnh.

* * *

Xem phim, đọc sách, thấy nhân vật chẳng khoái lê la ngoài phố, trộm nghĩ mấy ông tác giả hay đạo diễn chắc ngoài đời biếng nhác chẳng bao giờ đi dạo. Rồi ngẫm nghĩ phận mình, giật mình thấy mình cũng thế. Rồi tò mò trông ngang liếc dọc, mới hay thiên hạ hầu như thế cả. Hóa ra đó không phải là chuyện phim, chuyện sách, mà là chuyện đời.

Dạo phố mới đây còn được coi là thú vui thanh nhã của dân thành thị. Tới nhà một người bạn, hỏi “Anh ấy đâu?”, được trả lời “Anh ấy đi dạo loanh quanh đâu đó”, thế là biết ngay hán đang nhàn tản ung dung trông đất trông trời ngoài kia. Sau một ngày làm việc mệt mỏi, căng thẳng, “đi dạo loanh quanh” như thế, đầu óc thư thối, nhẹ nhõm đi nhiều. Sau bữa ăn căng bụng, “đi dạo loanh quanh” càng có ích cho sức khỏe lắm lắm! Nhưng bây giờ dường như chẳng mấy ai quan tâm đến lợi ích đó nữa. Vì vậy cũng chẳng được nghe những câu trả lời mơ hồ, loáng thoáng như trên kia. Bây giờ đến tìm một người bạn, sẽ được người nhà chỉ dẫn rõ ràng về địa điểm và cụ thể về công việc: anh ấy đến nhà ông A, bà B hay công ty X, cơ quan Y để mua sắm, sửa xe, chở gỗ hay ký hợp đồng. Ngay cả chuyện vui chơi cũng minh bạch: anh ấy coi kịch ở sân khấu H, nhậu nhẹt ở nhà hàng K... Chẳng còn cái chuyện “thả bộ lòng vòng” hay “loanh quanh đâu đó” như trước đây. Có vẻ như một thói quen sắp sửa biến mất khỏi đời sống thị dân?

Nói “có vẻ” là rụt rè lắm, chứ thực ra nó sờ sờ trước mắt. Thoạt trông, cứ tưởng đó là hậu quả tất yếu của quá trình công nghiệp hóa đô thị: người dân càng ngày càng bị cuốn hút vào công việc và không còn nhàn rồi. Nhưng nếu nhìn vào hàng ngàn nhà hàng đầy ắp thực khách vào mỗi tối, chắc không ai dám tuyên bố là người dân thành phố không có thì giờ. Thì giờ thì vẫn có, chỉ có điều họ không tiêu tốn nó ở ngoài đường. Nhà hàng, vũ trường, rạp hát, các tụ điểm ca nhạc và

các công viên tranh tối tranh sáng xem ra vẫn hấp dẫn khách nhàn du hơn.

Có người đổ lỗi cho sự du nhập và phát triển các loại xe cơ khí phân khối lớn. Những chiếc xe gắn máy 125 phân khối trở lên càng ngày càng tràn ngập phố phường, và bộ tịch kênh cang lẫn tiếng gầm rú chói tai của nó đã làm cho thành phố mất đi hình ảnh nhàn nhã, khoan hòa mà trước đây các loại xe Mobylette, Cady, Vélo Solex và PC Honda đã từng đem lại. Lẽ tất nhiên không thể bảo cái anh chàng đang cỡi trên một đồng thù lù 400 phân khối kia là anh chàng ưa sự nhàn dật tiêu sái. Nhưng còn những chiếc xe đạp. Chúng vẫn còn đầy ra đấy, chứ đã biến đi đâu. Vậy thì người ta có thể đi dạo phố trên phương tiện thô sơ này lắm chứ? Dĩ nhiên, nếu người ta muốn. Và không ai muốn cả.

Bây giờ chẳng mấy ai cao hứng cỡi xe đạp đi dạo phố, trừ một số nữ sinh tung tăng giờ tan học, ấy cũng là nhân tiện về nhà. Người ta phóc lên yên, cầm cùi đạp, mong cho chóng đến nơi. Rồi lại mãi miết đạp, mong cho chóng về nhà. Vẻ ung dung, thư thái của người đạp xe từ lâu đã được thay bằng sự vội vã. Rốt lại, vấn đề không phải ở chiếc xe mà tùy thuộc vào tâm trạng của người điều khiển chiếc xe đó. Khi người ta đã không muốn đi dạo ngoài đường thì dù có đi bộ, người ta cũng chẳng vì thế mà trở nên đứng đĩnh hơn.

* * *

Người dân thành phố đã ngán ra đường chẳng? Hay

vì phong cảnh đường phố chẳng hấp dẫn nổi những cư dân của nó? Có lẽ cả hai.

Từ khi phát triển theo hướng kinh tế thị trường, thành phố chúng ta dần dà trở thành một trung tâm dịch vụ khổng lồ. Nhà hàng, khách sạn, các khu vui chơi và các cửa hàng mọc lên như nấm. Hàng hóa đầy ắp, phong phú và đa dạng. Thành phố đầy sức sống và người tiêu thụ được phục vụ tận răng.

Nhưng với hàng loạt những công trình vội vã mọc lên và chen huých nhau tràn ra đường, thành phố chỉ có vẻ giàu ra chứ không đẹp lên. Nó sặc sỡ mà không ngăn nắp. Những cơ ngơi được định hướng bởi sự thuận tiện làm ăn của chính nó chứ không đoái hoài gì đến cảnh quan chung. Vẻ hài hòa của thành phố biến mất.

Thành phố trở thành một siêu thị, thu hút khách mua sắm nhưng không quyến rũ kẻ dạo chơi.

Đường phố dần dần mất sức hấp dẫn. Sức sống của nó chuyển vào bên trong những ngôi nhà rực rỡ và phù hoa. Tiếng thở của nó không còn vọng lên từ mặt đường mà phát ra đằng sau các ô cửa.

Thành phố như một cô gái, giàu lên nhưng đã kém duyên. Có cảm tưởng, người ta đến với cô vì công việc làm ăn chứ không phải vì nhan sắc. Vì thế người ta không có nhu cầu ngắm nghía, rề rà, thưởng thức.

Thực ra, một cô gái giàu thật giàu vẫn thừa sức trang điểm kỹ lưỡng để tôn tạo nhan sắc của mình. Nhưng khổ nỗi, thành phố chúng ta không ở trong trường hợp như vậy. Chúng ta muốn thì có muốn nhưng chưa đủ tài và lực để thiết kế và xây dựng một thành phố như ý

muốn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế mà không hạ thấp những tiêu chuẩn về thẩm mỹ. Mỗi ngày thành phố mọc lên một ngôi nhà chẳng khác nào một cô gái đang xuân sắc thêm một món đồ trang sức. Cứ mỗi ngày một món, cô không đủ sức để sắm cùng một lúc. Từng món, xét riêng ra, thì món nào cũng đẹp, nhưng đứng gộp lại thì trông... chẳng giống ai. Sự tương ứng không có, mọi thứ đâm ra kỳ cục, đôi khi kệt cớm. Nhan sắc, suy cho cùng, dù là của một cô gái hay của một thành phố muốn hoàn mỹ cần phải được trù tính một cách đồng bộ, hài hòa.

Đã vậy, những bảng quảng cáo đủ cỡ, đủ kiểu và làm bằng đủ mọi vật liệu mỗi ngày một ngổn ngang, chằng chịt, cưỡng bức mọi tầm nhìn. Những tấm biển “yếu sinh lý” ăn mòn các gốc cây, cho đến nay vẫn chưa bị dẹp bỏ, tiếp tục nhạo báng sức sống của một thành phố.

Rồi rác rến, bụi bặm, ruồi nhặng, những loại xe phun khói mù mịt và gầm gừ điếc óc. Nạn kẹt xe trở nên phổ biến. Lưu lượng xe cộ tăng theo cấp số nhân trên những mặt đường thôi sinh nở. Thành phố nhanh chóng bị ô nhiễm. Mười chín phần trăm số cảnh sát giao thông bị viêm họng và viêm mũi theo thống kê mới nhất là một con số khiêm tốn. Nó sẽ không dừng lại ở đó.

Trong bối cảnh như vậy, dĩ nhiên người ta đâm ngại ra đường. Không ai có thể bình tâm dạo chơi giữa tiếng ồn và khói bụi, giữa những nguy cơ đang ẩn náu trong dòng xe cộ lạng lách ngược xuôi. Ngay cả những người



ưa bách bộ bây giờ cũng không còn đất dung... chân. Lề đường từ lâu đã trở thành nơi đào tạo những nhà vô địch Olympic về môn vượt chướng ngại vật. Thói quen dạo phố dần dà đi vào quên lãng. Những hình ảnh thơ mộng trong ca khúc của Hoàng Hiệp *“Con đường có lá me bay, chiều chiều ta lại cầm tay nhau về”* mới được viết ra trên dưới mười năm, bây giờ nghe đã quá xa xôi!

Để ngắm một chút trong xanh, thở một chút trong lành, người dân thành phố hiện nay chỉ còn cách tìm đến Đầm Sen, Văn Thánh, Thanh Đa, một thứ thiên nhiên nhỏ bé và “có thu tiền”. Nhưng đa số những người đến đó cũng chỉ để tìm cái vắng vẻ chứ không phải tìm cái quang đãng, để không bị nhìn ngắm chứ không phải để nhìn ngắm, vì vậy cái ý nghĩa dạo chơi cũng không còn nguyên vẹn.

Vậy thì trách làm gì những nhân vật trên màn ảnh cứ khước từ dạo phố và cũng đừng hỏi tại sao các nhà văn hôm nay không hào hứng mô tả thị thành. Trong thực tế, “nhiệm vụ” này của nhà văn đã trút lên vai nhà báo. Cảnh quan thành thị rồi bỏ trang văn để đến cư ngụ trong những bài phóng sự xã hội đã từ lâu, lẽ nào bạn đọc chẳng nhận ra?

* * *

Ắt nhiên, sẽ có người bảo: nhà cửa lổ nhố, đường xá chật chội, rác rến ngổn ngang, khói bụi mù mịt, chẳng gì đẹp để ngắm, lại chẳng tiện để đi, cư dân thành phố không thềm dạo chơi là phải lẽ, còn biết trách ai?

Ừ nhỉ, biết trách ai? Nhưng rồi ngẫm lại, nhà cửa ấy chẳng phải do chúng ta xây lên là gì! Khói bụi ấy, rác rến ấy cũng do chính chúng ta thải ra đó thôi!

Nhiều người dễ dàng chấp nhận quan niệm trái đất là mái nhà chung của nhân loại nhưng lại tỏ ra xa lạ với ý nghĩ thành phố là mái nhà riêng của chính mình. Dẫn một cái cây để lấy chỗ dựng nhà thì người nào cũng nghĩ ra nhưng dời một căn nhà để lấy chỗ trồng cây thì hầu như không ai nghĩ tới. Có kẻ cứ tối tối vào nhà hàng say sưa gặm món thịt chim quay để một sáng thức dậy ngạc nhiên một cách thành thật: sao thành phố dạo này thiếu vắng tiếng chim thế nhỉ? Những cư dân “hồn nhiên” như thế, tiếc thay, không phải là ít.

Lãnh đạm với nơi ta ở, xét ra cũng bạc tình khác nào hờ hững với người ta yêu. Và nếu cứ tiếp tục vô tâm với người ta chung sống để đến kỳ nghỉ phép hằng năm lại khăn gói đến ở dăm ba ngày với một người xa lạ, liệu ta có thực sự yên lòng như các nhân vật trong phim ảnh và tiểu thuyết hay không? Hẳn là không! Ít ra có một điều khác biệt: nhân vật tiểu thuyết ngoạn du nhờ vào trí tưởng tượng của nhà văn, nhân vật điện ảnh đi nghỉ mát nhờ vào kinh phí của hãng phim, còn chúng ta thì đi tìm sự bình yên bằng tiền túi của mình. Đó là sự khác nhau giữa nghệ thuật và cuộc đời và cũng là cái giá phải trả cho một kinh nghiệm sống chung mà không thực lòng gắn bó!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 4-7-1993

đồ giả

mua về cây bút bi, viết dăm ba dòng, mực đã đứt đoạn hoặc tuôn nhòe nhoẹt, bèn buột miệng lầu bầu “Lại mua nhầm của giả”; chắc không ai trong chúng ta chưa một lần trải qua “thảm cảnh” này. Nguyên có trực tiếp của nỗi hậm hực có thể không giống nhau. Với người này, nó là cây viết. Với người khác, nó là cục xà phòng. Với người khác nữa, nó là gói thuốc lá... Nhưng nguyên do thì chỉ có một: hàng giả!

Thỉnh thoảng chúng ta vẫn bắt gặp trên báo một mẩu tin về một ổ làm hàng giả nào đó bị phát hiện. Nhưng những tin tức loại này thường không đem lại

sự lạc quan nào đặc biệt. Căn cứ vào sự bành trướng từng giờ của đủ loại hàng giả trên thị trường, có cảm tưởng cứ một ổ hàng giả bị phát hiện, lại có ngay hàng chục ổ khác ra đời để trám chỗ!

Nạn hàng giả thực ra không phải là hiện tượng mới mẻ. Thời cổ Hy Lạp, vua Hiero đệ nhị đã từng nhờ nhà bác học Archimède kiểm tra xem người thợ kim hoàn của hoàng cung có pha bạc vào cái vương miện bằng vàng của mình hay không. Nhưng người xưa chỉ giả cái gì đáng giả. Còn bây giờ, nhất là từ khi nền kinh tế hàng hóa phát triển, người ta giả tất tần tật, có lẽ chỉ chừa mỗi con tàu vũ trụ, do khả năng và điều kiện không cho phép.

* * *

Dĩ nhiên những thứ có giá trị sử dụng cao bị làm giả trước tiên. Do đó, vàng giả, đô-la giả, tiền đồng giả xuất hiện rất sớm. Thứ đến là các loại giấy tờ tùy thân: khai sinh giả, chứng minh nhân dân giả, giấy đăng ký xe giả, bằng cấp giả, hộ chiếu giả, thậm chí giấy hôn thú và giấy ly hôn đôi khi cũng giả nốt. Trong trường hợp thứ nhất, người ta cần bảo lãnh nhau xuất cảnh. Trong trường hợp thứ hai, người ta cần chia nhau chiếm dụng tài sản của nhà nước. Và một khi người ta đã đem cả cái sự ăn đời ở kiếp với nhau ra làm giả để thu lợi, thiết tưởng chẳng việc gì trên đời người ta lại không giả mạo được. Giấy tờ lại là thứ dễ làm giả nhất nên sự gian dối trong lãnh vực này có thể được xem là

bất tận: sổ sách kế toán giả, hợp đồng giả, hóa đơn giả, báo cáo giả, ngay ở ngành y tế vốn được xem là khu vực “tiệt trùng” cũng thỉnh thoảng xuất hiện những bệnh án giả vì những lý do sâu kín nào đó. Nhưng biết làm thế nào được, khi mà ngay cả các vị “thiết diện phán quan” bên ngành tòa án cũng lắm lúc cho ra những án phạt giả khiến dư luận bất bình?

Hàng giả không những lan tràn ngoài xã hội mà còn xâm nhập vào từng gia đình. Hiện nay không ai là không có nguy cơ bị hàng giả tấn công. Trong một gia đình ba người, mỗi thành viên đều có thể làm mỗi cho hàng giả theo mỗi cách khác nhau. Đứa con làm mỗi cho phấn giả, sữa hộp giả, bột ăn giả. Người mẹ giặt quần áo bằng xà phòng giả, nêm canh bằng bột ngọt giả, giải khát bằng nước ngọt giả, trang điểm bằng son phấn giả và đi chợ trên một chiếc xe đạp giả. Người chồng không chịu kém: anh ta nốc bia giả, nhâm nhi cà phê giả và phì phèo thuốc lá giả, viết thư xin tiền bố mẹ bằng một cây bút giả và trong nhiều trường hợp, mua tặng cho cô hàng xóm xinh đẹp một lọ nước hoa cũng giả nốt. Đó là chỉ kể những “tài sản giả” của riêng mỗi người. Những cái giả khác thuộc lãnh vực gia dụng như các loại vải vóc, đồ gỗ, đồ nhựa, đồ kim khí điện máy giả... thì khó mà liệt kê hết từng món.

Đó là nói lúc khỏe mạnh. Bệnh xuống thì còn mệt với các thầy thuốc giả xuất hiện dưới đủ thứ lối bịp đời. Nhưng nếu may mắn gặp được “thầy thật” thì chưa chắc đã gặp được “thuốc thật”. Hiện nay các loại dược phẩm giả đang bày bán tràn lan, từ tây dược đến

đông dược, từ thuốc bắc đến thuốc nam, bốn phương gồm đủ. Ngay cả loại truyền trực tiếp vô máu như huyết thanh mà còn bị làm giả thì có lẽ không loại dược phẩm nào dám tự hào là mình không bị nguy tạo.

Trong các loại hàng giả, dược phẩm giả là thứ bị dư luận lên án gắt gao nhất, bởi lẽ dễ hiểu là nó gây nguy hại cho sức khỏe và ảnh hưởng trực tiếp đến mạng sống của con người. Nhưng nếu lỡ dùng nhầm thuốc giả đi đến chỗ tử vong thì biết đâu nhờ vậy mà nạn nhân thoát được cái “hội chứng hàng giả” của cõi trần gian lộn xộn này? Trước đây có thể tin như vậy nhưng hiện nay thì không ai dám chắc! Gần đây đã xuất hiện hạng người sẵn sàng đào bới mồ mả để tạo nên những bộ hài cốt giả với âm mưu trục lợi. Người sống lo lắng đã đành, mà bây giờ người chết leo xuống mồ vẫn còn nơm nớp.

Bạn làm hàng giả đã thò tay xuống tận địa ngục thì không có lý gì lại bỏ sót thiên đường. Hàng loạt thần thánh giả được dựng lên để phục vụ cho những ý đồ đen tối. Các loại bùa môn tả đạo như đạo Vuốt, đạo Sờ, đạo Nằm, các loại thầy bùa thầy ngải, đồng cô bóng cậu tiếp tục thay nhau mê hoặc những kẻ nhẹ dạ, cạn lòng.

* * *

Như vậy, không có cách nói nào khác hơn là hàng giả đã tồn tại như một thế giới thứ hai bên cạnh thế giới của hàng thật. Trước bao xi măng giả và trước bao

thuốc trừ sâu giả, người nông thôn và kẻ thành thị đã vượt lên trên hoàn cảnh sống khác nhau để tìm thấy một nỗi khổ giống nhau. Thiên đường và địa ngục cũng chưa bao giờ xích lại gần nhau đến thế để tìm cách đối phó với thứ nạn dịch khủng khiếp này của loài người!

Ồ, nhưng còn loài người, còn con người? Người ta có thể làm giả cả thế giới, kể cả thế giới... bên kia, nhưng con người thì ai mà làm giả được! Đã gọi là “cây sậy có tư tưởng” thì đổ có ai phát minh được một thứ tựa tựa như thế! Có họa là thánh... thứ thiệt!

Hứng khởi trước niềm tin mới mẻ về con người, người viết tự cho phép mình rung đùi ngắm nghía một bóng hồng mỹ miều vừa lướt ngang trước mặt. Đang say sưa trước vũ điệu nhún nhảy của những đường cong tuyệt mỹ kia, sức nhớ đến những tin tức gần đây trên báo, người viết bỗng mất hẳn hào hứng và đắm ra bản thân. Không biết những thứ ngồn ngộn trước mắt là của thật hay của giả. Và ngay cả cái “đáng giá ngàn vàng” vốn được canh giữ cẩn mật tận chốn thâm sâu kia, chắc gì không phải là mặt hàng vá víu, tân trang? Nhưng rồi lại tự an ủi: dù sao cái giả này cũng chỉ có “tính cách bộ phận” chứ không mang “ý nghĩa toàn cục”. Ngực giả hay mông giả bất quá cũng như bầu bì giả - kho chứa hàng di động của những con buôn - hay thương tật giả của những đệ tử bang khát cái!

Nhưng đến khi những gã ma cô giả trang thành phụ nữ để trấn lột khách tìm hoa thì sự thể quả đã đến mức nghiêm trọng. Con người bị giả mạo như một tổng thể

hoàn chỉnh, kể cả giới tính. Sự xúc xiểm, như vậy, đã lên tới tột đỉnh. Nhưng thôi, mặc xác bọn vô lương đó, công an sẽ làm việc với chúng.

Nhưng ngay cả công an - với tư cách là con người xã hội - cũng thường xuyên bị “làm giả”. Để trấn lột, bọn xấu không chỉ giả phụ nữ mà còn giả cả công an, bộ đội, dân phòng. Rảo một vòng qua các lãnh vực hoạt động khác mới hay những nơi này “hàng giả” cũng nhiều không kém. Kinh tế có giám đốc giả lãnh đạo các công ty ma, giám đốc thật lại có nữ thư ký giả. Thể thao có vận động viên giả, đặc biệt trong các giải trẻ. Lãnh vực thông tin có phóng viên giả, mạo danh báo này báo nọ để đi hù dọa, làm tiền. Điện ảnh có đạo diễn giả. Văn học có nhà văn giả, nhà thơ giả. Sân khấu và ca nhạc thỉnh thoảng xuất hiện cả một đoàn giả mạo, chuyên đi lừa bịp khán giả ngoại thành và các tỉnh xa. Có người nghĩ ra cách giả Việt kiều để lường gạt các bà các cô nhẹ dạ, giả cả lính Mỹ để ngụy tạo những bức ảnh về tù binh hồng kiếm chác! Ở miền Nam trước 1975, người ta đã “sản xuất” ra cả một cô công chúa giả để moi tiền quốc vương Bokassa ở tận châu Phi khi ông này tỏ ý muốn tìm lại đứa con rơi ở Việt Nam lúc theo chân đoàn quân viễn chinh Pháp. Cách đây một, hai năm, có người bạo gan giả cả một vị bộ trưởng đã khuất núi để đi nói chuyện khắp nơi. Còn giả mạo con cháu các vị lãnh đạo cao nhất của quốc gia để đi lừa đảo, trường hợp này cũng từng xảy ra và gây rúng động không ít cho một số cơ quan, đơn vị.

* * *

Tất cả mọi nhà nước đều coi nạn hàng giả là đại họa của quốc gia. Nó gây khốn đốn cho người tiêu dùng và lao đao cho nhà sản xuất. Nếu không bài trừ tận gốc thì cùng với hàng nhập lậu và các thứ âm binh khác, hàng giả sẽ kềm hãm động lực phát triển của xã hội và bào mòn sức khỏe của nền kinh tế vừa mới gượng dậy và hít thở bầu không khí trong lành chưa được bao lâu. Đó là chưa nói đến những sản phẩm tinh thần giả mạo, những hành vi xã hội giả mạo ngày một nhan nhản gây tác hại không nhỏ cho cộng đồng.

Tóm lại, kiếm lợi bằng cách lừa gạt niềm tin của người khác là biểu hiện của thứ tâm lý bất lương. Tiếc thay, những sản phẩm của loại chủ nghĩa thực dụng không rào chắn này ngày càng nhiều và không có dấu hiệu gì cho thấy chúng sẽ bị triệt hạ. Nếu bây giờ tổ chức một cuộc triển lãm “hàng giả - hàng thật” thì chưa biết mặt hàng nào sẽ dồi dào, phong phú và đa dạng hơn mặt hàng nào. Đó là điều nghịch thường, nhưng không nghịch lý! Buồn thay!

* * *

Não nề trước viễn ảnh khuynh loát của hàng giả, người viết định kết thúc bài này bằng một dấu chấm than âm ảm. May sao, ông cậu họ vừa kịp đến chơi. Nhìn ông vừa cười vừa lấy tay che hàm răng giả, người viết bỗng reo lên mừng rỡ hệt như Christophe Colomb

phát hiện ra châu Mỹ. Thì ra trên cuộc đời này không phải chỉ toàn những thứ của giả vứt đi! Răng giả, tay giả, chân giả, xương giả, thận giả, tim giả... quả là những ngoại lệ đáng yêu. Đó là kỳ công của một nền văn minh thực sự vì con người. Thực ra chữ “giả” dùng trong trường hợp này có phần nào gượng ép. Gọi là “nhân tạo” nghe phải lẽ hơn: răng nhân tạo, tay chân nhân tạo, tim nhân tạo. Cũng như người ta đã dự định sản xuất ra vàng nhân tạo, kim cương nhân tạo, máu nhân tạo, thịt bò nhân tạo...

Nhân tạo, có nghĩa là con người đã có thể chinh phục và khám phá những bí ẩn của tự nhiên để tạo ra những thứ vốn là sản phẩm độc quyền của đấng toàn năng. Đoạt quyền tạo hóa để làm ra những thứ “của giả” nhằm phục vụ con người so với việc “đoạt quyền sản xuất” để tạo ra những mặt hàng giả mạo hòng lừa bịp khách tiêu dùng quả là khác nhau xa!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 25-7-1993

hoa đào trong tranh

Ngồi trong một hiệu phở, nếu chịu khó quan sát, ai cũng có thể nhận thấy không phải mọi thực khách đều “xử lý” tô phở trước mặt với một phong thái như nhau. Kẻ hì hà hì hục ăn lấy ăn để chẳng có gì tương đồng với người gấp từng đĩa một cách khoan thai, vừa ăn vừa nhẩn nha nhấm nháp mùi vị của từng cọng rau thơm hoặc khoái trá hít hà vị cay của quả ớt. Giữa một người ăn cốt lấy no với một kẻ ăn để thưởng thức, thái độ thật khác nhau xa.

Con người trước món ăn vật chất còn khác biệt thái độ, hưởng chi đối diện với món ăn tinh thần. Kẻ đọc

sách cốt để hiểu nội dung ý nghĩa với kẻ đọc sách để thưởng thức cái hay đẹp lấp lánh trong từng câu chữ tuy đều là khách mê văn, xem ra vẫn “đồng sàng dị mộng”.

Nghệ thuật khác với khoa học, không thể chiếm lĩnh nó chỉ bằng khả năng nhận thức đơn thuần. Người ta không thể đến với sự ảo diệu của thi ca trên con đường dùng để chinh phục các phép giải phương trình. Nghệ thuật đòi hỏi tiếp cận theo cách khác: ngoài trình độ tri thức, nó đòi hỏi trình độ cảm thụ.

Đọc thơ Hồ Xuân Hương, ai cũng hiểu. Văn phong của nữ sĩ họ Hồ nôm na, rành mạch, ít giấu diếm. Và người đọc nào cũng có thể bật cười vì những liên tưởng ngộ nghĩnh trong đầu mình. Nhưng từ chỗ bật ra tiếng cười hồn nhiên đến chỗ ngẩn ngơ về phép dụng chữ phong phú, sống động và độc đáo của bà, thái độ đối với văn chương đã khác. Rồi từ chỗ xuýt xoa thán phục đến chỗ nắm bắt được cái thần của con chữ, nghe được hơi hướm của câu thơ mà cảm thấu được đằng sau lối nói ngổ ngáo đầy thách thức kia là nỗi đắng cay của một thân phận phụ nữ lặn lội giữa một xã hội nhiều nhưng lại thêm một tầng khác biệt nữa. Sự khác biệt đó, chẳng qua do trình độ cảm thụ bất đồng.

* * *

Cảm thụ về đẹp của một tác phẩm nghệ thuật không giống với cảm thụ về đẹp của một bông hoa. Cái đẹp của tự nhiên là cái đẹp uyên nguyên, cái đẹp

trực tiếp. Đứng trước một rừng đào hoa nở, ai cũng cảm nhận được vẻ đẹp của nó, bất kể sự khác biệt về tuổi tác, trình độ, thậm chí dân tộc. Nhưng đứng trước bức tranh vẽ chính rừng đào đó thì chưa chắc khách thưởng lãm đã nhất trí trong sự phẩm bình. Rừng hoa khi đi vào trong tranh, nó không còn là chính nó nữa, mà đã được tái tạo bằng biện pháp nghệ thuật. Nói cách khác, nó đã được “mã hóa” bằng ngôn ngữ của nghệ thuật. Bởi vậy, nó không còn là hoa. Nó là tranh, đòi hỏi phải “giải mã”, đòi hỏi sự am hiểu nhất định về hội họa.

Văn chương cũng vậy. Đó là một thế giới đã được sắp xếp lại dưới bàn tay sáng tạo của nhà văn, muốn khám phá và cảm thông, người đọc ngoài tri thức không thể không trang bị khả năng cảm thụ. Trang bị từ đâu? Thiết nghĩ, từ môn văn trong nhà trường.

Có thể nói chất lượng của lớp công chúng văn học ngày mai tùy thuộc phần lớn vào chất lượng giảng dạy môn văn trong hiện tại. Cố nhiên những môn học khác như lịch sử, địa lý... cũng góp phần bồi đắp tâm hồn của học sinh, nhưng làm cho học sinh biết xúc động trước một trang văn hay, xao xuyến trước một câu thơ đẹp, qua đó biết yêu quý, trân trọng tiếng mẹ đẻ và phát triển lòng say mê văn học, đó là trách nhiệm của môn văn. Giải quyết tốt hay không tốt những vấn đề của mình, môn văn sẽ góp phần tạo ra hay không tạo ra lớp công chúng có trình độ cảm thụ văn học nói riêng, và khả năng lãnh hội cái đẹp nói chung.

Dân trí phát triển, trình độ thưởng thức văn học của công chúng sẽ biến chuyển theo. Nhưng nếu nâng cao dân trí chỉ bó hẹp trong phạm vi tri thức mà xem nhẹ việc giáo dục thẩm mỹ, sự biến chuyển đó e rằng chẳng mấy sâu xa. Đã có một thời, môn văn được giảng dạy như một môn chính trị đạo đức. Học sinh học văn cốt để hiểu bài văn nói gì chứ không phải nói như thế nào. Khi hình thức nghệ thuật không được chú trọng, văn chương đánh mất vẻ duyên dáng của chính nó. Học sinh học để hiểu hơn là để cảm. Khổ thay, phần cảm đã không đậm đà thì phần hiểu cũng dễ trở thành lớt phớt. Cũng như khi ta đứng trước một người con gái, đã không cảm nàng thì còn mất thì giờ tìm hiểu làm chi!

Đọc sách để cảm thụ rồi đi đến chỗ yêu mến, gắn bó với một nền văn học không phải là chuyện giản đơn. Sự hứng thú đối với văn chương sách vở nếu không được chuẩn bị chu đáo ngay từ khi còn mài đũa quần trên ghế nhà trường sẽ dễ bị sự bề bộn của cuộc sống làm cho phai nhạt.

* * *

Ông bà ta dạy “Học ăn học nói học gói học mở”. Những chuyện “đời thường” đó còn phải học, thưởng thức nghệ thuật lẽ nào là chuyện “tự nhiên nhi nhiên”?

Không phải cặp mắt nào cũng nhìn thấy được vẻ đẹp của một bức tranh trù tượng, một điệu múa ballet.

Cũng như không phải đôi tai nào cũng động đậy khi nghe một vở opéra, một bài giao hưởng. Không được đưa vào làm quen - dù là làm quen có tính cách “xã giao” - trong nhà trường, những loại hình này ngày càng xa lạ với đám đông. Nhưng đó không phải là số phận dành riêng cho nghệ thuật hiện đại. Những loại hình nghệ thuật truyền thống như tuồng, chèo cũng chịu một nỗi hẩm hiu không kém. Với cùng một lý do như trên, công chúng ngày nay không cảm thụ nổi cái đặc sắc của nghệ thuật hát bội, và càng ngày loại hình này càng có nguy cơ tàn lụi nếu không kịp thời biến tướng để thành một thứ gì đó không phải là mình. Tuổi trẻ bây giờ đa số thích nghe ca khúc, xem kịch nói, phim ảnh - những nghệ thuật có ngôn ngữ gần với đời thường nhất, vì vậy ít “lỗi thời” nhất.

Bàn về nghệ thuật, những người có liên quan đều nói một cách dễ dàng: “Phải kết hợp dân tộc với hiện đại”. Nhưng nếu để mặc sự kết hợp đó xảy ra bên ngoài môi trường giáo dục và đào tạo chính quy của quốc gia thì sự bền vững và sức lan tỏa của nó phỏng có là bao!

Trong thực tế, không ai thi vào Trường Nghệ thuật sân khấu chỉ để học cách thưởng thức môn hát bội, cũng chẳng làm gì có người ghi tên vào Nhạc viện cốt để mai này biết rung động trước bản giao hưởng *Anh hùng* của Beethoven. Những nơi này đào tạo những người hành nghề chứ không phải những người thưởng ngoạn, những nghệ sĩ chứ không phải là công chúng bao la.

Công chúng chỉ được tạo nên từ chỗ của mình. Nếu chúng ta vô tình xem nhẹ vai trò có ý nghĩa nền tảng của việc hướng dẫn cảm thụ nghệ thuật trong nhà trường thì những lời than vãn triền miên về các kho sách ế hoặc những lời báo động về một đoàn hát bội hay một đoàn ballet đang giấy chết liệu có khác gì tiếng vọng giữa thình không!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 13-3-1994

người Quảng đi ăn mì Quảng

1 Ở Sài Gòn, nếu bạn nhìn thấy một người khách bước vô một quán bán mì Quảng, kêu một tô mì, ăn xong gật gù khen ngon, trả tiền rồi đi ra, lòng không hề vương bận một điều chi thì bạn có thể dàng hoàng kết luận: khách không phải là người Quảng Nam.

2 Người Quảng Nam đi ăn mì Quảng không có được một thái độ hồn nhiên như thế. Họ thường trực bận tâm “Chả biết mì Quảng quán này có đúng là... mì Quảng không?”. Trước khi kêu một tô mì Quảng, họ hỏi chủ quán “Đúng không?”, sau khi ăn

một tô mì Quảng, họ bảo chủ quán “Không đúng!”. Họ là người Quảng.

3 Ăn phở, ăn hủ tiếu, ăn bún bò hoặc ăn bất cứ thứ nào khác, người Quảng ăn trong tỉnh lặng. Còn khi bắt gặp một thực khách người Quảng vừa ăn vừa oang oang nhận xét, đánh giá, bình phẩm, thậm chí cần nhần, cầu nhàu cái món mà họ đang ăn, bạn có thể quả quyết ngay là họ đang ăn mì Quảng. Khách A bảo “Sợi mì không đúng”. Khách B phán “Rau sống sai rồi”. Khách C khẳng định “Nhưn trật lất”. Cũng có khách khen “ngon”, nhưng quay sang con gái ngồi cạnh, thông thêm một câu “Nhưng bà nội mầy nấu ngon hơn”...

4 Có phải đó là đặc tính của “Quảng Nam hay cái”? Không rõ lắm. Nhưng điều này thì rất rõ: mì Quảng là món ăn đặc trưng và phổ biến bậc nhất ở Quảng Nam. Xét về tính đại chúng (trong phạm vi cộng đồng của nó), có lẽ mì Quảng đứng hàng đầu trên... thế giới. Không một khu phố, làng mạc, chợ búa, góc ngách nào ở Quảng Nam là không bán mì Quảng. Nhưng điều này mới đáng đưa vào sách Ghi-nét: Có thể có người Bắc suốt đời chưa từng nấu phở, có thể có người Nam từ bé đến già chưa từng nấu hủ tiếu, nhưng chắc chắn không một người Quảng Nam nào chưa từng nấu mì Quảng tại gia.

5 Có gì đâu! Ra ngoài chợ mua vài lá mì, ít rau sống, ít tôm thịt, miếng bánh tráng, rang thêm mấy hột đậu phộng là có ngay một tô mì Quảng nóng hổi và thơm phức cho cả nhà xì xụp. Mì Quảng là món ăn bình dân bậc nhất và cũng dễ nấu bậc nhất.

6 Mì Quảng dễ nấu còn ở chỗ nó là món ăn thích nghi với mọi hoàn cảnh. Tất nhiên có một số “chi tiết” căn bản phải tuân thủ: lá mì phải thoa dầu phộng, rau sống phải có bắp chuối, tô mì phải có rắc đậu phộng, phải có bánh tráng bẻ rôm rốp, có quả ớt cắn lụp bụp, không có những thứ này sẽ “bất thành mì Quảng”. Riêng “nhum” mì Quảng thì đa dạng và “biến ảo” vô cùng. Thông thường là nhum tôm thịt heo, nhưng lúc tìm không ra thịt heo thì người miền biển bắt cua bắt cá, người miền núi bắt gà bắt vịt làm nhum, ăn vẫn thấy ngon, vẫn ra hương vị mì Quảng. Mì Quảng là món ăn của người bình dân, vì vậy không xếp mình vào những đòi hỏi khe khắt như những món ăn dành cho giới thượng lưu. Và chính nhờ vậy, mì Quảng có một sức sống mạnh mẽ, nó tồn tại và phổ biến ở mọi thủy thổ.

7 Ngay tại Quảng Nam vẫn tồn tại những quán mì Quảng nổi tiếng với các loại nhum khác nhau: mì gà, mì vịt, mì tôm, mì tôm thịt heo, mì cua... Thị trấn Hà Lam bé xiu, nơi kẻ viết bài này trải qua

suốt thời thơ ấu, mà cũng đã có *mì gà Ba Tư* và *mì tôm bà Rì* nổi tiếng song song, thuở nhỏ xách gà mên đi mua về cho ba mẹ, dọc đường cứ phải nuốt nước miếng ừng ực.

8 Tất cả những lời con cà con kê này giờ rớt lại chỉ nhằm giải thích cái cốt cách “hay cãi” của người Quảng Nam khi đi ăn mì Quảng. Thì ra, có gì đâu: Người Quảng Nam từ bé đến lúc rời khỏi quê đi lập nghiệp phương xa, đa số thường sinh sống, hít thở và lớn lên trong cái kiểu mì Quảng mà mình biết, mà mình quen thuộc gần gũi. Người thuở nhỏ thường ăn mì tôm nhất quyết mì Quảng như gà là “lai căng vô số tội”, “phải nấu như quán bà Cả Ngô ở đầu làng tôi mới đúng”, người lớn lên trong mì gà lại một mực khẳng định mì Quảng nấu tôm là sai bét bè be, “không tin về hỏi... bà nội tôi coi”. Cứ thế mà đổ mặt tía tai! Giả dụ bây giờ mở một cuộc thi nấu mì Quảng thế nào cho đúng, chắc chắn thí sinh sẽ ấu ả với thí sinh, giám khảo sẽ ấu ả với giám khảo ba ngày ba đêm chứ chẳng chơi! Mà tô mì Quảng đúng nhãn hiệu sẽ không bao giờ được xác định trên cõi đời này! Bởi mì Quảng là món ăn chỉ đúng với ký ức và trải nghiệm của từng người!

9 Nhưng “đúng” hay “không đúng” phỏng có gì mà phải buồn bực đến thế? Tới một quán

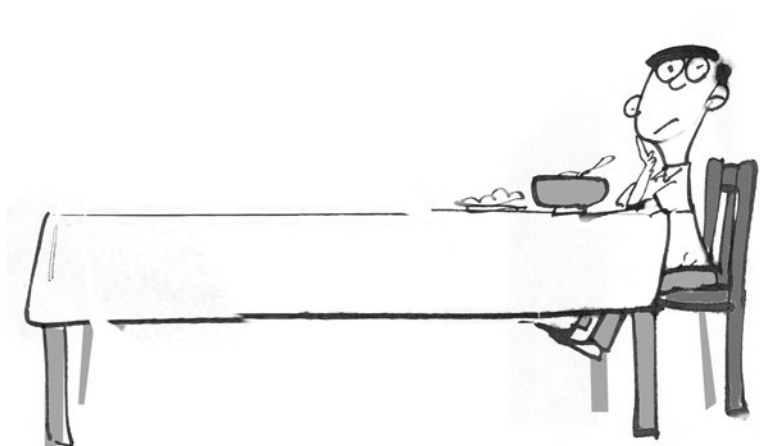
ăn, ngon thì quay lại, dở thì đi luôn, đơn giản quá mà! Việc gì phải cầu nhau, tức tối, buồn khổ cho một người rồi trí? Hỏi như vậy là chưa hiểu sự gắn bó giữa người Quảng và món mì Quảng. Người Quảng xa xứ đi ăn mì Quảng không giống như khi đi ăn những thứ khác như lẩu dê hay bò bảy món. Họ không chỉ ăn bằng miệng, bằng vị giác hay khứu giác, không phải đơn thuần chỉ để thưởng thức cái ngon. Người Quảng đi ăn mì Quảng là đi ăn bằng tâm trạng. Họ bước vào quán bán mì Quảng với bước chân hồi hộp, thắc thỏm, với tất cả nỗi háo hức phập phồng như đến điểm hẹn với người quen cũ. Gặp tô mì Quảng giữa Sài Gòn, với người Quảng đó là nỗi mừng rỡ “tha hương ngộ cố tri”. Bẻ một miếng bánh tráng hay cắn một trái ớt là biết bao nhiêu kỷ niệm ấu thơ ùa về trong tâm trí. Người Quảng ăn mì Quảng bằng cả tấm lòng, bằng kỷ niệm. Vì vậy, khi thấy “người quen cũ” mà họ náo nức muốn hội ngộ lại không giống với “người quen cũ” họ từng gặp nơi “quán bà Cả Ngô” mấy mươi năm trước, họ cầu nhau thất vọng là chuyện hoàn toàn dễ hiểu. Gặp “người quen cũ” (hay “người tình cũ”), thấy cố nhân mất mũi, cách ăn vận không giống thời đi học, thấy “tình đã khác xưa”, làm sao bắt họ không nhận xét, đánh giá, bình phẩm, lâu bầu, bực bội.

10 Nhưng người Quảng đi ăn mì Quảng không chỉ lâu bầu bực bội. Giận thì giận mà thương thì thương. Sau khi tuôn một tràng bình phẩm, cuối

cùng bao giờ cũng là những góp ý nhiệt tình: Nhum phải thế này, rau phải thế này, bánh tráng phải thế này.... Điều đó thật ra là gì? Chẳng qua họ nóng lòng muốn món mì Quảng quê hương phải ngon hơn, phải “đúng” hơn, phải danh giá hơn để họ có cái mà giới thiệu, mà kể lể, mà tự hào với bè bạn xứ người và với đám con cháu sinh ra và lớn lên nơi đất ngụ cư. Khi rời khỏi vùng đất sản sinh ra nó, mì Quảng không còn thuần túy là món ăn nữa mà trở thành một trong những biểu tượng văn hóa của một vùng đất lắm kẻ tha hương. Về điều này có thể mạo muội mượn hai câu thơ của thi sĩ Chế Lan Viên để cải biên cho hợp:

Khi ta ở chỉ là nơi “mì” ở

Khi ta đi “mì” đã hóa tâm hồn!



11 Tất nhiên, nghe khách góp ý, chủ quán nếu là người Quảng Nam chính gốc sẽ gân cổ cãi lại cho kỳ được để vừa bảo vệ cho món “mì Quảng của làng mình” vừa bảo vệ cho câu tục ngữ “Quảng Nam hay cãi”. Nếu không phải là người Quảng, chủ quán sẽ cười cười “Vâng, tôi sẽ tiếp thu và cố gắng sửa chữa...”. Dĩ nhiên sau đó, chẳng chủ quán nào chịu mất công sửa chữa, vì nếu sửa theo thực khách A, chắc chắn thực khách B sẽ nổi trận lôi đình...

12 Thôi thì cứ để vậy, cái chính là ăn cho đỡ nhớ quê hương. Không biết làm sao cho “đúng”, chỉ cố làm cho “ngon”. Vì vậy, mãi mãi về sau ai cả gan mở quán bán mì Quảng, đành phải mỉm cười chấp nhận công thức: Một tô mì Quảng đúng nghĩa gồm: lá mì, nhum, rau sống, đậu phộng, bánh tráng... và món gia vị “*Đúng không?*”. Bán mì Quảng mà không bị khách trố mắt nghi ngờ “*Đúng không?*” thì dứt khoát là... không đúng!

Tuần san Sài Gòn Giải Phóng thứ bảy, số Xuân 1999

2



buồn gì đâu!

Phong linh, còn gọi là chuông gió, hay chuông nhận, một tên gọi có nguồn gốc từ những miếng đồng dẹp, mỏng, có hình chim nhận, va vào nhau mỗi khi có gió thổi qua. Chúng ta thường bắt gặp phong linh ở các nghĩa trang hoặc ở các chùa chiền. Không biết có phải vì vậy mà tiếng reo vui tai của phong linh luôn tạo nên cảm giác bình yên, thư thái. Đường như các văn nhân và các tiểu thư cũng thích treo phong linh ở trước mái hiên.

Cách đây dăm năm, tôi vất vả đi lòng khắp các cửa hàng trong thành phố để tìm mua một cái phong linh. Không đâu có. Tới một tiệm nọ, tôi hỏi chuông gió,

chủ tiệm lắc đầu. Tôi hỏi chuông nhận, chủ tiệm nhún vai. Tôi hỏi phong linh, chủ tiệm sáng mắt reo “Thứ đó thì có, chờ một chút”. Một lát sau, ông ta đem ra đưa tôi một cái “phone-link”. Mặt ông ta hí hửng, còn vẻ mặt tôi không cần nói chắc các bạn cũng có thể hình dung ra được rồi.

Thế đấy, tôi buồn rầu nhủ bụng, bây giờ thì người ta chỉ biết “phone-link” chứ đâu biết phong linh, cái hiện đại đã thay chỗ cho truyền thống rồi chẳng? Nhưng không, gần đây phong linh đã được bày bán tràn lan. Toàn phong linh ngoại nhập, màu sắc sặc sỡ, lòe loẹt, hình thù thô kệch, lại vẽ rồng vẽ phượng chi chút, âm thanh thì chỉ tổ làm người ta giật mình mất ngủ. Không, phong linh của tôi, cái chuông gió trong trí nhớ, cái chuông nhận trong kỷ niệm của tôi là những cánh nhận mảnh mai thanh nhã, và những tràng reo vui của nó mới thánh thót làm sao. Từ đó, tôi không còn thói quen treo phong linh trước cửa phòng viết nữa. Tôi thà để hồn mình lắng nghe tiếng reo của cái chuông nhận trong ký ức vọng về.

Cũng đau khổ cho những ai như tôi là sự “cải tiến” của cái kính vạn hoa. Nếu được bỏ phiếu, tôi sẽ không ngần ngại bình chọn ống kính vạn hoa là đồ chơi kỳ thú nhất của tuổi thơ, là quà tặng tuyệt diệu nhất mà người lớn đã nghĩ ra cho trẻ em. Hằng hà bông hoa lần lượt xuất hiện dưới tay mình, chỉ sau mỗi cái lắc nhẹ. Những cánh hoa không ngừng thay dáng, những sắc hoa không ngừng đổi màu, và có tới hàng vạn, hàng triệu những bông hoa như thế, và tuyệt vời thay,

không bông hoa nào giống bông hoa nào trong hàng vạn hàng triệu cái kia.

Và trò chơi kính vạn hoa lý thú, hấp dẫn, giá trị ở chỗ cái động tác “lắc”. Cứ lắc một cái, một thế giới mới lại hiện ra. Hệt như ông bụt vung cây phất trần. Hệt như nàng tiên vẩy cây đũa phép. Thật là thần tiên, cái lắc đó. Cái đồ chơi kỳ diệu này cũng đã một thời biến mất, cũng đã khiến tôi một thời vất vả đi tìm. Rồi cũng theo cái cách xuất hiện bí hiểm của cái phong linh, gần đây nó được bày bán khắp nơi. Và thật kỳ cục, chả rõ nhà sản xuất nào đã cải tiến cái “kính vạn hoa lắc” thành cái “kính vạn hoa vịn”. Cầm ống kính bằng hai tay, một tay giữ, một tay vịn. Vịn một cái, một bông hoa lại hiện ra. Tất nhiên, thích thì cũng có thể lắc, nhưng nhìn cái kính vạn hoa gồ ghề với hai lớp bao quanh kia thật chẳng còn gì hứng thú để mà cầm về.

Nếu bạn không hiểu được sự phản cảm của tôi thì bạn hãy tưởng tượng trước mặt bạn là một nàng tiên đang nghiêng rằng vịn lấy vịn để cây đũa phép thay vì ve vẩy nhẹ nhàng như... tiên. Nàng tiên hiện đại đó, dù đẹp đến mấy, chắc cũng chẳng khiến bạn phải mất công mơ mộng, phải không?

Buồn gì đâu!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 27-5-2001

“bà đi siêu thị...”

hồi tôi còn bé, nhà tôi ở kế chợ. Chợ làng tôi chỉ họp ban đêm, với vô số những ngọn đèn dầu lung linh trong các sạp hàng. Và một trong những niềm vui của tôi hồi đó là được mẹ dắt xuống chợ, nhiều khi chẳng để mua gì. Tôi thích cầm tay mẹ len lỏi hàng tiếng đồng hồ giữa những gánh cá tươi, những rổ rau, những chiếc lồng gà, mê mẩn nhìn ngắm những vòng xuyên xanh đỏ, những hộp chì màu, những viên bi ve sắc sỡ bày trên những chiếc sạp tre...

Ngôi chợ quê mùa đó đã in sâu vào ký ức tôi đến mức sau này nó trở thành một phần trong kỷ niệm tuổi thơ của tôi. Và tôi ngờ rằng mọi em bé thôn quê đều thế.

Cuộc sống người Việt Nam bao giờ cũng gắn bó với chợ búa. Chợ búa quan trọng đến mức ông bà ta không ngại ngần khẳng định “nhất cận thị, nhị cận giang”. Nơi nào trên chợ dưới thuyền nơi đó chắc chắn sầm uất, thịnh vượng. Bắc Trung Nam đều có những ngôi chợ nổi tiếng, thậm chí như biểu tượng của một vùng đất: chợ Đồng Xuân, chợ Đông Ba, chợ Bến Thành...

Chợ gắn bó mật thiết với đời sống người dân đến mức vào thẳng trong ca dao: “*Nhớ dừa Quảng Hán, Lưu Khê. Nhớ cơm chợ Bần, thịt dê Quán Lào*”, “*Ai về Hoàng Hóa mà coi. Chợ Quăng một tháng ba mươi phiên chiều*”, “*Chợ Nhàng lắm bún, nhiều phi. Trăm công nghìn việc cũng đi chợ Nhàng*”...

Một trung tâm kinh tế thương mại như thành phố Hồ Chí Minh đương nhiên lắm chợ. Thậm chí có thể gọi thành phố Hồ Chí Minh là thành phố chợ với trên 200 chợ lớn nhỏ, với rất nhiều ngôi chợ nổi tiếng: chợ Bình Tây, chợ Cầu Ông Lãnh, chợ Bà Chiểu, chợ Trần Chánh Chiểu... Có những chợ lâu đời như chợ Kim Biên, hình thành từ năm 1778.

Nhưng theo thời gian, theo sự phát triển của các hệ thống siêu thị, những ngôi chợ truyền thống đang có nguy cơ teo tóp.

Siêu thị thực ra cũng là chợ, nhưng là “siêu chợ” (supermarket). Siêu thị bây giờ bày bán không thiếu một thứ gì. Nếu trước đây không lâu, siêu thị chỉ bày bán một vài mặt hàng cao cấp thì bây giờ vào siêu thị, khách tiêu dùng có thể mua từ một chiếc quần gin đến

một bịch mắm ruốc, một bịch chè, từ một chiếc đồng hồ, một chai rượu Tây đến một lát cá, một tép rau thơm.

Siêu thị có ưu thế là không gian sạch sẽ, suốt ngày đêm máy lạnh chạy mát rượi, mùa nắng không phải hít bụi, mùa mưa không phải lội sình lầy nhép như đi ngoài chợ.

Về giá cả, các mặt hàng trong siêu thị bằng hoặc thấp hơn ngoài chợ. Vì khối lượng hàng của siêu thị lớn, nên giá mua vào (và bán ra) đương nhiên rẻ hơn.

Nhưng có lẽ cái hấp dẫn nhất ở siêu thị là phương cách phục vụ: Giá niêm yết từng món, không có nạn kỳ kèo trả giá. Hàng hóa sạch sẽ, vệ sinh, bao bì đẹp mắt, lại được lựa chọn tha hồ, lật tới lật lui cả chục lần không bị ai lườm nguýt. Xách bịch chả giò đi lòng vòng cả buổi, tự nhiên không thích mua nữa, quanh lại trả vào chỗ cũ, cũng chẳng ai gây khó dễ. Ở ngoài chợ, điều đó là bất khả thi.

Vì vậy mà các bà nội trợ bây giờ có vẻ thích vô siêu thị mua sắm hơn là ra ngoài chợ. Đối tượng đi chợ tất nhiên cũng còn đông, nhưng đã bị các siêu thị san sẻ dần.

Tất nhiên siêu thị không phải mặt nào cũng... siêu. Siêu thị cũng có những hạn chế của mình. Hàng hóa trong các siêu thị bây giờ đã khá phong phú, nhưng vẫn chưa hoàn toàn thay thế được chợ, vì có những thứ người ta chỉ có thể mua được ngoài chợ chứ không mua được trong siêu thị. Hàng hóa trong siêu thị đều

sao cũng là hàng công nghiệp. Để mua một bó rau tươi thật tươi, dăm quả trứng gà ta vừa mới “ra lò”, người mua chỉ có thể tìm đến chợ, nơi có mặt những người nông dân “tự sản tự tiêu” vừa chân ướt chân ráo từ ngoại ô lên.

Gửi xe ở siêu thị cũng là một vấn đề. Chẳng khách tiêu dùng nào chịu mất công loay hoay nơi bãi giữ xe cả buổi để vào mua chỉ mỗi một món đồ cón con. Điều quan trọng nữa: từ “siêu thị” từ lâu đã đồng nghĩa với từ “tiêu tiền”. “Đi siêu thị”, là “đi shopping”, “đi mua sắm”. Đã vào siêu thị, khó mà trở ra với cái ví còn nặng bằng một phần ba so với lúc đi vào. Sức quyến rũ của siêu thị lớn đến mức một người phụ nữ bước chân vào với ý định chỉ mua một cuộn chỉ thế nào cũng trở ra với một đồng quần áo lủ khủ trên tay. Vì vậy, người ta thích đến siêu thị mà cũng ngần đến siêu thị.

Nhưng rồi sẽ đến một ngày, siêu thị sẽ thay thế hầu như hoàn toàn được chợ, nhất là khi mặt bằng kinh tế của xã hội được nâng lên, đời sống của người dân khá hơn. Lúc đó việc “tiêu tiền” đã trở thành sinh hoạt bình thường của mỗi gia đình, thậm chí là “nghĩa vụ” đối với quốc gia như ở một số nước phát triển, giúp cho tiền tệ lưu thông. Lúc đó thói quen mua sắm của người dân sẽ thay đổi mạnh mẽ và số phận các ngôi chợ truyền thống e rằng sẽ rất bất bênh. Cho đến nay, chưa một ngôi chợ nào đứng cửa trước sự cạnh tranh của siêu thị, nhưng việc mua bán đã bắt đầu có dấu hiệu ế ẩm. Và trong tương lai, nếu tình hình tiếp tục diễn biến như hiện nay, có khả năng những gánh

hàng rong, những quầy hàng nhỏ, những xe hàng lưu động sẽ giành lấy vị trí của những ngôi chợ trước đây để phục vụ cho nhu cầu mua sắm dọc phố của khách, điều mà siêu thị không làm nổi.

Điều đáng suy nghĩ: Kinh phí xây dựng một số chợ vừa qua có lẽ không kém kinh phí xây dựng của một vài siêu thị, nhưng hiệu quả hoạt động không cao và cung cách phục vụ không có gì thay đổi để kịp thích ứng với tình hình. Phải chăng do siêu thị được xây dựng và quản lý bằng kinh phí của một công ty, một hợp tác xã, một tập đoàn tư nhân cụ thể, còn chợ thì do kinh phí nhà nước và điều hành bằng ban quản lý chợ cũng của nhà nước nên mối ưu tư cho chợ không được đầy đủ chăng?

Chợ rồi sẽ đi về đâu? Có thể vẫn còn đó, nhưng quy mô, không khí và vai trò sẽ không còn được như cũ. Đó là điều nên buồn hay nên vui? Cuộc sống tiện nghi hơn, văn minh hơn, nhưng chị em tiểu thương rồi sẽ xoay xở ra sao? Hình ảnh em bé nắm tay mẹ dạo chợ để xem xiếc, xem múa lân... rồi sẽ xảy ra trong các siêu thị đa năng, nhưng bóng mát của cây bàng già, của cây điệp vàng rắc hoa lên mái tóc huyền của cô hàng sẽ mãi mãi thuộc về kỷ niệm của một thời đã xa? Và bà già yêu đời kia nữa, bà sẽ không còn dịp “*đi chợ Cầu Đông. Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng*”, mà thay thế vào đó, trẻ con sẽ hát “*Bà đi... siêu thị Miền Đông*”. Chắc thế!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 7-10-2001

quanh chuyện đọc sách

Đã có rất nhiều người lo sợ rằng đến một ngày nào đó, cuốn sách trong hình thức truyền thống sẽ bị “tuyệt chủng” khi kỹ thuật sách điện tử ồ ạt ra đời. Chữ *e* (*electronic* - điện tử), vốn là một phát minh đáng tự hào của loài người, nay đã bắt đầu cuộc chinh phục với quy mô mới, và với một sự hăm dọa gây lo ngại. Nó chưa bằng lòng với việc đứng chễm chệ trước chữ *mail* (thư) để thành *e-mail* (thư điện tử), một hình thức thư tín phải thừa nhận là nhanh gấp trăm lần và tiện gấp nghìn lần so với việc thư từ theo kiểu cũ, mà đang muốn bành trướng thế lực bằng cách đứng

chỉnh in hình trước chữ *book* (sách) để thành một *e-book* (sách điện tử) khiến những nhà làm sách truyền thống hoang mang và lo ngại.

Theo thông tin trên báo chí thì nhà văn chuyên viết truyện kinh dị Stephen King nếu không phải là người duy nhất cũng là người mở đầu cho sự cách mạng gây chấn động này. Nói có sách mách có... *internet*, bây giờ giờ bất kỳ một trang *web* phát hành sách nào trên mạng, cũng có thể thấy cuốn *Riding the Bullet* của King được giới thiệu kiêu hãnh là *e-book*, còn kèm theo chú thích phần mềm phải tải xuống để đọc nó là Microsoft Reader (cung cấp cho khách hàng miễn phí).

Miễn phí đây tất nhiên là miễn phí chương trình Microsoft Reader dùng để đọc cái *e-book* của ông King, chứ cuốn *Riding the Bullet* kia thì vẫn phải bỏ tiền ra mua堂堂 hoàng (bằng thẻ thức thanh toán qua thẻ tín dụng - theo như giá ngày hôm nay là 2.25 USD, sau khi đã giảm giá 10%), đại khái như mua một cuốn sách thì được tặng một cặp kính để đọc vậy.

Điều đáng nói ở đây là giả như ông Stephen King (hay cái công ty của ông) có tặng cả cái phần mềm Microsoft Reader lẫn cuốn sách kia thì người viết bài này thiệt tình thấy cũng không ham lắm. Tải cuốn sách điện tử đó xuống cái máy vi tính của mình thì dễ (phần quảng cáo sách có cẩn thận ghi rõ: chừng 595 Kbytes) nhưng ngồi lì trước cái máy, lấy con chuột *click* từng trang để đọc thì... cực hình quá.

Suy cho cùng, cái thú của chuyện đọc sách đâu chỉ

đơn giản do cốt truyện đem lại mà còn do cái cách đọc, cái tư thế đọc, cái khung cảnh đọc. Chiều ra ngoài vườn, mắc chiếc võng giữa hai gốc khế, vừa đọc sách vừa nằm đu đưa, tai nghe chim hót lích chích, mũi nghe mùi mực in, mùi giấy mới thơm tho, da nghe gió mát mơn man, hoặc tối nghe mưa rơi tí tách trên mái tôn, leo lên giường quần mền nằm đọc sách, cầm theo một trái bắp nướng hoặc một bịch đậu phộng rang, vừa đọc vừa gặm vừa nhai thì cái thú đọc sách mới có thể gọi là lên tiên được. Cuốn *e-book* của Stephen King không thể đem lại được cái đó, dù truyện ông viết có hồi hộp, hấp dẫn đến đâu chăng nữa. Bởi đọc sách muốn nâng lên thành một cái thú thì không chỉ có hai con mắt tham dự, mà phải có cái tai động đậy, cái miệng nhúc nhích, cái mũi hít hà, tay chân cơ thể cựa quậy thì mới là... trọn bộ. Thiếu những yếu tố đó phụ họa vào, chuyện đọc sách mất đi gần hết cái quyến rũ của nó. Lưu cái truyện trên máy thành một *file* rồi in ra tờ giấy khổ A4 mà đọc, nó cũng lúng lúng, khó chịu thế nào. Nó vẫn khác xa với cái rung động khi cầm trên tay một cuốn sách xinh xắn, vừa vạm, có ruột, có gáy, có bìa. Và nhất là nó không thể gọi lại nơi chúng ta nỗi háo hức, hồi hộp khi được cha mẹ mua cho cuốn sách đầu tiên.

Cho nên mới nói, bà con đừng lo. Người viết bài này không định phản bác sáng kiến về sách điện tử, thậm chí còn thấy hay hay, vì nó vẫn có cái ưu thế nhất định của nó, ít ra là trong khâu phát hành, nhân bản và



lưu trữ. Nhưng dầu sao, nó vẫn không thay thế được *cuốn-sách-không-điện-tử*. Nó chỉ và sẽ chỉ tồn tại song hành cùng cuốn sách mà ông cha ta và ta đã biết. Vì kỹ thuật không phải bao giờ cũng thay thế được thói quen, và hiện đại không có nghĩa là chỗ nào cũng đòi tẩy chay tập quán, nhất là cái tập quán đó từ lâu đã được xem như một nghệ thuật thưởng ngoạn, đã trở thành một phong cách sống, một thái độ sống.

Cũng như *e-mail* có tiện lợi đến mấy thì khi người con trai tỏ tình với người con gái cũng dõ dám dùng; hẳn vẫn phải xé tập học trò ra để loay hoay nắn nót và gửi đi theo cái cách mà ông bà, cha mẹ hẳn đã từng gửi, dù có thể một ngày xui xẻo nào đó hẳn buộc phải ngồi sụt sùi ngâm thơ Xuân Diệu:

*Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất
Gửi cho em kèm với một lá thư
Em không nhận tức là tình anh mất
Tình mất đi không lấy lại bao giờ...*

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 22-4-2001

khi mãnh long quá giang

(Tản mạn về những “con rồng” trong phim võ thuật Trung Hoa)

từ rất lâu rồi, tức là từ thời của “Độc thủ đại hiệp” Vương Vũ, của cặp bài trùng Địch Long - Khương Đại Vệ, của “Tứ đại thiên vương” Trần Tinh, Trần Quang Thái, Sương Điền Bảo Chiêu và La Liệt, các loại phim võ thuật Hồng Kông mang một cái tên chung là “phim kiếm hiệp”. Đó là thời của những hiệp sĩ nhảy tót một cái đã đứng trên mái nhà cao chót vót, đang ngồi trong tử lâu quơ đũa một cái đã gấp ngay chóc một... con ruồi bay ngang. Thời của kỹ xảo, của

phi thân bằng cách đeo dây, của những màn đánh đấm không thực.

Phải đợi đến sự xuất hiện của diễn viên thượng thặng Lý Tiểu Long trên màn bạc vào đầu thập niên 1970, phim võ thuật Hồng Kông mới bắt đầu mang màu sắc chân thực. Có thể khẳng định rằng, với loạt phim *Đường Sơn đại huynh*, *Tinh võ môn*, *Mãnh long quá giang*..., họ Lý đã thổi một luồng gió mới vào phim võ thuật Hồng Kông. Với những pha trình diễn chân thực, đẹp mắt và gần gũi, “phim kiếm hiệp” từ đây có một sức hấp dẫn mới, một khái niệm mới, và một cái tên mới: “phim quyền cước”.

Bên cạnh sự cách tân quan trọng đó, một trong những nét mới trong phim họ Lý là đưa bối cảnh của phim ra bên ngoài lục địa châu Á (phim *Mãnh Long quá giang* quay tại một góc đấu trường cổ xưa ở La Mã), và đặc biệt thành công là sự xuất hiện lần đầu tiên của những diễn viên phương Tây trong vai phản diện. Ở đây, có sự tham dự quan trọng của yếu tố tâm lý: Khán giả châu Á hả hê khi chứng kiến người hùng da vàng Lý Tiểu Long nện cho đám mắt xanh mũi lõ những trận chí tử. Sự tủi hận của người da vàng bị khinh miệt, bị hiếp đáp, bị xâm lăng trong lịch sử được họ Lý trả thù giùm, dù là trả thù trên phim, dù những diễn viên da trắng kia thực ra là môn sinh của Lý như Bob Baker hay bạn bè như Chuck Norris, Bob Wall...

Từ phim đầu tiên *Đường sơn đại huynh* ra mắt năm 1971, Lý Tiểu Long nhanh chóng “độc bá quần hùng”, một mình khuynh đảo màn ảnh võ thuật, một mình

chinh phục toàn cõi châu Á với những cú “liên hoàn cước” nhanh như chớp và tuyệt kỹ “nhị khúc côn” độc nhất vô nhị. “Độc thủ đại hiệp” tròn mắt chiêm ngưỡng, “Tứ đại thiên vương” xúm xít ngợi khen. “Nữ hiệp” Trịnh Phối Phối thôi bay lên nóc nhà, leo xuống đất ngồi xếp bằng coi Miêu Khả Tú ông ọo đóng cặp với diễn viên họ Lý. Các nhà phê bình điện ảnh cao hứng xếp loạt phim quyền cước của Lý Tiểu Long trên cả các phim điệp vụ lòng lầy của James Bond, trên cả các phim Viễn Tây hay nhất của Clint Eastwood, Steve Mc Queen. Các nhà phê bình đã thế, khán giả còn cuồng loạn hơn. Phim *Tinh võ môn* chiếu ở Philippines ăn khách sáu tháng liên tục, đến mức chính quyền sở tại phải ban lệnh hạn chế nhập cảng phim nước ngoài để nền điện ảnh nội địa khỏi tiêu vong. Các rạp chiếu phim ở Hồng Kông và Singapore nâng giá chợ đen lên gần 20 lần mà khán giả vẫn chen chúc đi xem nghệt đường đến nỗi nhà chức trách phải đề nghị lui ngày chiếu lại cả tuần lễ để... cảnh sát tính toán, sắp xếp phương thức giao thông mới.

Nhưng cuộc cách mạng của Lý Tiểu Long quá ngắn ngủi. Cú đột tử đầy nghi vấn năm 1973 đã chấm dứt sự nghiệp điện ảnh của họ Lý trong tiếc nuối ngán ngờ của khán giả Indonesia, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Việt Nam và... Hồng Kông, dĩ nhiên.

Lý Tiểu Long đột ngột ra đi, màn ảnh võ thuật Hồng Kông trống vắng một thời gian dài. Đàm Đạo Lương với *Triều Châu nộ hán*, biểu diễn những cú đá liên hoàn và màn “bích hổ công” lạ mắt, chỉ lóe lên như ngôi

sao xẹt rồi mất hút, càng làm người ghiền phim quyền cước thêm nhớ con rồng nhỏ họ Lý.

Phải gần mười năm sau cái chết của Lý Tiểu Long, “ngôi vua” bỏ trống kia mới tìm được người kế vị. Là thay, đó cũng là một “con rồng”: Thành Long.

Thành Long là ai? Có đội mồ sống dậy chắc họ Lý cũng không tin được vào mắt mình: Đó là một trong những chàng trai trước đây có tham gia trong phim của mình, đóng những vai phụ nhí nhố trong các băng đảng lôm cô, chuyên đưa mặt đưa lưng cho mình đấm đá một xui.

Nói gì Lý Tiểu Long đã ngủm, người viết bài này còn sống nhăn, mắt mở thao láo mà vẫn không tài nào nhìn ra Thành Long trong phim họ Lý. Xem lại các trích đoạn đó trong cuốn phim về cuộc đời và sự nghiệp của Thành Long, mặc dù có giọng thuyết minh hét vào trong tai, có mũi tên đỏ chớp nháy trên màn hình chỉ trỏ, cố lắm cũng chỉ thấy đó là một trong hàng chục cái bóng đen thui, nhếch nhác bị Lý Tiểu Long đá văng vào tường lộp bộp như đá một bao gạo.

Vậy mà cái bóng đen lẩn khuất trong cỏi nhân sinh đó đã lên ngôi, cá chép đã hóa rồng: Trong tháng 8 này, phim *Giờ cao điểm 2* của Thành Long sau hai tuần trình chiếu đã nghênh ngang dẫn đầu doanh thu toàn nước Mỹ.

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 2-9-2001

cuộc náo loạn Hollywood

(Tản mạn về những “con rồng” trong phim võ thuật Trung Hoa)

Quyền” là đấm, và “cước” là đá. “Phim quyền cước” nói văn hoa là phim võ thuật, còn nói nôm na là phim đấm đá. Và Lý Tiểu Long đấm đá trong phim phải nói là quá sức dữ dằn. Vì họ Lý là võ sư thứ thiệt, là kẻ khai tông lập phái, được ca ngợi là một trong mười đại tôn sư hàng đầu của thế kỷ 20 - ngang hàng với bậc đại danh Trương Tam Phong của Võ Đang (!) - theo sự đánh giá mới đây của một tạp chí võ thuật quốc tế. Từ một môn sinh của phái Vịnh

Xuân, Lý Tiểu Long đã bỏ sung vào sở đặc của mình những tinh hoa võ thuật của nhiều trường phái khác nhau, cải tiến và hoàn thiện để lập ra một môn võ mới, lấy tên là *Triệt quyền đạo* (Jeet Kune Do). Phương châm của *Triệt quyền đạo* là “đơn giản, trực tiếp, chính xác, hiệu quả”, là “gây ra tác động tối đa bằng một động tác tối thiểu”, là “gửi địch thủ đến... một bệnh viện gần nhất trong thời gian ngắn nhất”. Họ Lý không chấp nhận những trận đấu dài dai như những cảnh trong phim võ thuật truyền thống. Đòn thế một khi đã tung ra, theo quan niệm của Lý Tiểu Long phải là đòn sát thủ, mỗi cú đấm cú đá phải là sự bùng nổ của cơn cuồng nộ bị đè nén.

Lý Tiểu Long đã thực hành và trình bày quan niệm đó trong những phim của mình. Khi lâm trận, mặt mày họ Lý bao giờ cũng bao phủ sát khí, và mỗi đòn thế tung ra đúng là chỉ muốn “gửi địch thủ đến bệnh viện gần nhất” mà thôi.

Thời gian đầu, khi được tấn phong làm người kế vị họ Lý, Thành Long cũng bắt chước y chang bậc “tiền vương”, cũng đi đứng khệnh khạng, cũng mặt lạnh như tiền, cứ như không phải đi đóng phim mà đang đi trả thù cho cái chết của họ Lý. Và dĩ nhiên, Thành Long không gây được ấn tượng nào, ngoài việc tạo cảm giác rằng khoảng trống Lý Tiểu Long để lại mệnh mông đến mức không thể lấp đầy.

Chỉ đến loạt phim *Kế hoạch A*, *Câu chuyện cảnh sát*, *Bộ giáp thần...* vào những năm đầu thập niên 1980, Thành

Long mới thực sự thoát ra khỏi cái bóng quá lớn của họ Lý. Có thể nói từ đây Thành Long đã xác lập lối đi riêng của mình.

Lối đi riêng tất phải dựa trên bản sắc riêng. Với Thành Long, lần đầu tiên phim võ thuật tràn ngập tiếng cười. Ở đây, sự vui nhộn không chỉ là sự điểm xuyết mà đã trở thành một yếu tố chủ đạo của loạt phim quyền cước mang nhãn hiệu Thành Long. Nó thể hiện một cách nhìn nhẹ nhõm, lạc quan về cuộc đời, thông qua những màn chiến đấu đẹp mắt và không kém phần hoạt kê.

Với sự hài hước, phim hành động của Thành Long đã triệt giảm tối đa màu sắc bạo lực vốn thường thấy trong phim võ thuật trước đây, đặc biệt là trong phim Lý Tiểu Long, để đem lại sự nhẹ nhàng, thư giãn cho khán giả loại phim quyền cước. Điều đó cắt nghĩa tại sao Thành Long có đông đảo *fan* nữ giới, điều rất đặc biệt đối với một diễn viên phim hành động. Những lời khen tặng của báo chí Mỹ dành cho phim *Giờ cao điểm 2* mới đây đã xác nhận điều đó: “vui vẻ” (Chicago Tribune), “vui tươi, nhẹ nhàng” (CNN), “vui bất tuyệt” (Atlanta Journal)...

Như vậy, lần thứ hai sau họ Lý, phim võ thuật Hồng Kông một lần nữa được cách tân bởi một “con rồng” khác và đạt được thành công ngoài mong đợi. Cũng như các phim của Lý Tiểu Long ở thập niên 1970, loạt phim *Tuý quyền*, *Trái tim rồng*, *Rồng sinh đôi*, *Quán ăn lưu động*, *Tôi là ai*, *Siêu cảnh sát...* của Thành Long được chào đón nồng nhiệt ở toàn châu Á.

Tất nhiên phim Thành Long thành công không chỉ đơn giản dựa trên chất hài, mặc dù đó là yếu tố then chốt tạo nên bước ngoặt của loại phim quyền cước. Về phương diện võ thuật, những pha trình diễn của Thành Long cũng chân thực và đẹp mắt không kém họ Lý, lại thêm nhiều đòn thế ngẫu hứng, bất ngờ đến sững sốt. Thứ hai, ý tưởng “toàn cầu hóa” của Lý Tiểu Long trước đây đã được Thành Long tiếp thu và phát triển bằng cách thực hiện loạt phim của mình với sự cộng tác của các diễn viên phương Tây và trong bối cảnh của nhiều quốc gia khác nhau, thậm chí ở tận nước Nga xa xôi. Bên cạnh đó, những màn đua xe tốc độ, nhảy từ nóc nhà cao tầng này sang nóc nhà cao tầng nọ, nhào lộn dưới lườn xe tải và vô số những pha ngoạn mục và nguy hiểm khác đã được Thành Long thực hiện một cách khéo léo, dũng cảm và hoàn hảo như một diễn viên xiếc thượng thặng, càng làm tăng thêm màu sắc hiện đại trong phim. Riêng ở khía cạnh này, việc Thành Long tự đóng lấy những cảnh đứng tim, không cần cascadeur (hầu như không có cái xương nào trong người Thành Long là chưa bị gãy, do vậy không hãng bảo hiểm nào trên thế giới dám nhận bảo hiểm cho con người liều lĩnh như anh), đủ khiến khán giả khâm phục và yêu mến.

Sau khi đoạt giải Kim Mã 1995 ở Hồng Kông với phim *Câu chuyện tội ác*, năm 1996 Thành Long bắt đầu cuộc chinh phục khán giả Mỹ quốc với phim *Cuộc náo loạn phố Bronx*. Thấp thoáng biết đến môn *kung-fu* qua sự khơi mào của Lý Tiểu Long (qua các phim của Lý,

đặc biệt với vai Kato trong bộ phim truyền hình nhiều tập *The Green Hornet* chiếu trên tivi Mỹ), khán giả Mỹ bây giờ bắt đầu say mê *kung-fu* qua lối diễn xuất hiện đại và vui nhộn của Thành Long. Thành công tiếp nối thành công: *Giờ cao điểm*, *Trưa Thượng Hải*, bây giờ là *Giờ cao điểm 2*, mà nhiều người tiên đoán với sự thành công vượt bậc như thế này chắc chắn sẽ có *Giờ cao điểm 3*, và khi đó cát-xê của Thành Long ít nhất phải là 20 triệu đô-la, là cát-xê kịch trần của một ngôi sao Hollywood...

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 9-9-2001

ngọa hổ tàng long: khi mũi kiếm nở hoa

(Tản mạn về những “con rồng” trong phim võ thuật Trung Hoa)

Khán giả truyền thống của phim võ thuật chắc chắn sẽ thất vọng nào nề khi xem phim đoạt 4 giải Oscar năm nay: *Ngọa hổ tàng long*. Vì xét về mặt hình thức, *Ngọa hổ tàng long* của đạo diễn Lý An là một bước thụt lùi so với những gì Lý Tiểu Long và Thành Long đã cách tân đối với loại phim này trong ba mươi năm qua. “Phim quyền cước” qua tay Lý An đã trở lại

là “phim kiếm hiệp” của thời Vương Vũ, Trịnh Phối Phối bay lên ngọn cây sau một cái nhún mình.

Có người lý giải: Vì Lý An là đạo diễn Đài Loan chứ không phải Hồng Kông, không thể xếp chung hoặc so sánh với các đạo diễn La Duy, Trương Triệt, Vương Gia Vệ của Hồng Kông hay Trương Nghệ Mưu, Trần Khải Ca, Khương Văn của Trung Hoa lục địa được. Đúng vậy, Lý An là người Đài Bắc, sau khi tốt nghiệp Đại học nghệ thuật Đài Loan đã sang Mỹ học đạo diễn tại Illinois và học sản xuất phim ở New York. Lý An sống ở Mỹ hai mươi năm nay và đã được giới điện ảnh nước ngoài biết đến qua các phim *Lý trí và cảm xúc*, *Bão băng...*, thậm chí có thể coi ông là đạo diễn Mỹ gốc châu Á. Và cũng đúng là xưa nay, người xem vẫn có cảm tưởng Hồng Kông chuyên làm phim quyền cước, Đài Loan chuyên sản xuất phim tình cảm, Trung Hoa lục địa chuyên về thể loại phim lịch sử, xã hội. Xét về số lượng đề tài, có thể cho là như thế, nhưng sự phân ranh này chỉ thuần túy cảm tính và gần đây, với sự cộng tác ngày càng thường xuyên giữa lực lượng đạo diễn và diễn viên của ba vùng đất này, những đề tài đã có sự biến đổi, có sự xâm nhập lẫn nhau và cái ranh giới chông chênh kia có phần mờ nhạt đi nhiều.

Tuy nhiên, vấn đề quan trọng nằm ở chỗ võ thuật là yếu tố mang tính truyền thống của người Trung Hoa. Không phải tự nhiên mà Lý Bạch sáng tác *Hiệp khách hành* và Tư Mã Thiên soạn *Thích khách liệt truyện*, *Du hiệp liệt truyện* thành hẳn hai chương trong bộ *Sử ký*. Và khắp thế giới chỉ ở Trung Hoa mới thịnh hành thể loại

kiếm hiệp như một dòng văn học độc đáo. Cho nên, dù là đạo diễn Hồng Kông, Đài Loan hay Trung Hoa lục địa, khi đã đụng đến đề tài này, tất chịu ảnh hưởng của một lịch sử chung, và ảnh hưởng lẫn nhau, nhằm kế thừa và phát triển. Có nghĩa là khi dàn dựng *Ngoa hổ tàng long*, Lý An không thể không quan tâm đến những thành tựu mà Lý Tiểu Long và Thành Long đã đem lại cho thể loại này. Thế mà *Ngoa hổ tàng long* đã thật lùì thê thảm, ăn khách dữ dội ở Mỹ nhưng đem về chiếu ở Trung Quốc, người xem chẳng có là bao.

Thực ra, Lý An không chủ định làm phim kiếm hiệp, càng không làm phim quyền cước. *Ngoa hổ tàng long* thực chất là phim tình cảm trá hình. Có điều tình cảm ở đây nảy nở và dằng dai rồi rầm giữa các kiếm khách của một thời lịch sử xa xưa. Mà đã là kiếm khách thì không thể cất kiếm hoài trong bao. Phải có đấu kiếm. Mà đã đấu theo kiểu kiếm khách thì không thể ẩu đả dưới đất như bọn phàm phu đánh lộn. Phải rượt nhau trên vách như thần lằn, phải đáp trên mặt nước như chuồn chuồn, phải bay trên nóc nhà, liệng trên ngọn cây như chim. Lý An cho các nhân vật của mình xài tuyệt kỹ tha hồ: “Bích hổ công”, “Thủy thượng phiêu”, “Lăng không phi hành”. Ở đây, so với các phim kiếm hiệp của Trương Triệt, phim của Lý An đã có khác biệt căn bản: tính thẩm mỹ.

Rõ ràng Lý An không ngại dùng kỹ xảo. Vì hiện nay, kỹ xảo là một yếu tố không thể thiếu trong phim phương Tây, thậm chí người ta còn tự hào về điều đó. Người châu Á Lý An đã suy nghĩ rất Mỹ: hiệu quả trên

hết. Ông đã dựa vào kỹ xảo để thể hiện nhịp điệu, mọi pha chiến đấu hay rượt đuổi đều được tính toán sao cho có ấn tượng như một điệu múa, một khúc ca, thậm chí như một bài thơ. Rốt cuộc ông đã làm được điều đó: bối cảnh trong phim cực kỳ thơ mộng, những màn song đấu như những vũ khúc và âm nhạc du dương tựa những tình ca. Và màn đấu kiếm trong rừng trúc giữa Lý Mộ Bài (Châu Nhuận Phát) và Ngọc Kiều Long (Chương Tử Di) đã lên đến đỉnh điểm của sự nên thơ: đó là một bức tranh, một bài thơ, hay nói cách khác, với trường đoạn tuyệt vời này, những mũi kiếm đã nở hoa. Xem đoạn này, người viết bài này không khỏi ngỡ ngàng nhớ tới hình ảnh Trương Vô Kỵ dùng cành mai lấm tấm hoa chiến đấu với kẻ địch trên Quang Minh đỉnh trong *Ý thiên đồ long ký* của Kim Dung. Trong cả hai trường hợp, cuộc chiến đấu đều không có sát khí, chỉ có những kiếm khách lãng mạn giữa một thiên nhiên quá đổi trữ tình. Ý đồ thi vị hóa này của Lý An xuyên suốt tập phim, cả với cảnh Ngọc Kiều Long lững lờ khi lao mình từ trên cầu xuống vực, cả với khi mô tả La Tiểu Hổ, tên kẻ cướp si tình giữa sa mạc quạnh hiu.

Nói cho công bằng, với những ai đã xem nhiều thể loại này thì nội dung của *Ngọa hổ tàng long* không có gì mới mẻ, độc đáo, thậm chí về mặt cốt truyện, phần sau hụt hơi thấy rõ. May thay, khán giả Mỹ và quý vị trong Viện hàn lâm điện ảnh Mỹ không thuộc số này. Giữa những cảnh hoành tráng quen mắt của *Gladiator* của Ridley Scott (đoạt giải phim hay nhất) hoặc *Traffic*

của Steven Soderbergh (đoạt giải đạo diễn xuất sắc nhất), họ phần nào đã bị chất trứ tình nên thơ của Đông phương mê hoặc. Nhưng *Ngọa hổ tàng long* cũng chỉ thành công đến thế, chỉ đoạt các giải “phim nước ngoài”, “mỹ thuật”, “âm nhạc”, “quay phim”, ứng với từng mặt mạnh nhất định của phim. Ở đây có một điều thú vị: Diễn viên thủ vai Bích Nhân Hồ Ly, sư phụ của Ngọc Kiều Long, chính là Trịnh Phối Phối, nữ hiệp một thời chuyên bay nhảy trên cây. Về già, quay trở lại với loại phim kỹ xảo, tiếp tục được bố trí leo lên nóc nhà nằm phóng âm khí, nào ngờ lần này phóng trúng... giải Oscar, âu cũng là niềm an ủi.

Ý nghĩ cuối cùng: nếu không được Lý Tiểu Long và Thành Long tập cho quen với thể loại phim võ thuật Trung Hoa suốt bao nhiêu năm qua, liệu khán giả Mỹ quốc có ùn ùn đi xem *Ngọa hổ tàng long* và các thành viên Ban giám khảo có đồng tình giơ tay bỏ phiếu, hay “ngọa hổ” sẽ suốt đời nằm trong bóng tối và “tàng long” sẽ mãi mãi ẩn mình?

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 16-9-2001

ấm áp trong mưa

Gió heo may đã về, Già ơi... chào bạn, Những người trẻ lạ lòng là những tập tùy bút, tản văn thú vị của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc. Lạ thay, người chuyên bàn về thế giới của người già đó lại là một bác sĩ nhi khoa. Có gì đâu, tác giả thú nhận: thoát đầu khám cho một em bé, một thời gian sau khám cho con của em bé đó, một thời gian sau nữa lại khám cho con của con của em bé đó, suốt đời chỉ bắt mạch trẻ con mà cảm nhận được nhịp đập của thời gian trong cơ thể mình. Quanh năm soi mặt mình vào khuôn mặt trẻ thơ, tới một chiều thu nọ, bác sĩ băng khuâng cảm khái: “gió heo may đã về”.

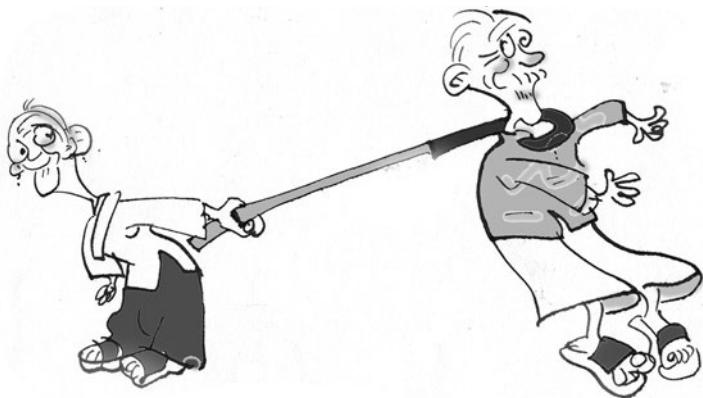
Một tâm hồn thi sĩ trong con người một bác sĩ, như học giả Nguyễn Hiến Lê từng yêu mến nói về anh.

Đỗ Hồng Ngọc viết về tuổi già nhưng không khiến người ta ngán tuổi già. Bằng cái nhìn tinh tế, nhân hậu và trầm tĩnh, bằng lối viết hóm hỉnh, nhẹ nhàng, anh cho chúng ta thấy tuổi già là tuổi có những thú vị, có những nét duyên dáng rất đáng yêu.

Trong cuốn sách mới nhất của anh, *Những người trẻ lạ lùng*, tôi đặc biệt thích bài *Chiều chiều dắt ra bờ sông*. Anh bảo hỏi nhỏ anh nghe người ta hát “*Bà già lấy le ông già, chiều chiều dắt ra bờ sông, hai người nói chuyện tâm tình...*”. Hỏi nhỏ tôi cũng từng nghe bài hát đó và từng hát bài hát đó. Và tôi chỉ thấy đó là sự nghịch tếu của trẻ con. Lớn lên, tôi không hát bài hát đó nữa, và cũng không còn nhớ nữa. Nhưng Đỗ Hồng Ngọc nhớ. Anh nhớ và anh gật gù tâm đắc: “*Bà già lấy le ông già, chiều chiều dắt ra bờ sông*”, không nói ai dắt, nhưng chắc phải là bà già dắt, vì như đã nói, bà già thường nhanh nhẹn tháo vát hơn, sáng suốt hơn nên sẽ dắt ông già ra bờ sông. Tại sao bờ sông? Bởi vì chỉ có ở bờ sông người ta mới hưởng được không khí trong lành. Ở bờ sông, người ta mới có được sự yên tĩnh nghỉ ngơi, tránh ồn ào phố thị, có dịp nhìn thấy dòng sông trôi đi, lắng nghe dòng sông nhiều điều mách bảo. Dĩ nhiên, họ sẽ “*nói chuyện tâm tình*”. Cái thú vị ở đây là họ không cần cãi nhau nữa làm gì, họ chỉ cần tâm tình thôi cũng đủ thấy sướng khoái rồi. Điếc lác một chút cũng hay. Ông nói già bà nói vẹt vẫn vui vẻ cả làng, thay vì như hồi xưa luôn đấu lý, tranh luận, căng thẳng thần kinh. Bây giờ thì bà nói gì cũng đúng mà ông nói gì cũng hay”...

Anh nhìn vấn đề một cách điềm đạm, khoan hòa, nhưng tôi đoán khi viết đoạn này, miệng anh túm túm và ánh mắt anh cười sau tròng kính.

Nhưng nếu viết bài này chỉ để trích những câu tôi thích thì thà giới thiệu cho bạn đọc mua nguyên cuốn sách còn hơn. Nguyên nhân của bài viết này xuất phát từ một lần ghé anh chơi, thấy trên bàn viết của anh có lá thư của nữ sĩ Vân Trang, tác giả tập truyện ngắn *Chiêm bao ban ngày* do Nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh vừa tái bản. Tôi xin phép đọc lá thư và ngạc nhiên một cách thú vị khi thấy một “bà già” ở tuổi bảy mươi hăng hái ủng hộ chuyện “bà già lấy le ông già”.



“Đây là câu hát đùa của trẻ con ngày trước. Trong cái đùa này có ý châm biếm. Bà già rồi mà còn lấy le! Với ai, chớ với ông già ở nhà thì không khéo ông ta lại nạt cho”. Sau khi mở đầu thư theo lối “phản đề”, nữ sĩ Vân Trang quả quyết rằng cần khuyến khích chuyện “bà già lấy le ông già” vì thời “lấy le” của người phụ nữ rất ngắn, chưa kịp biết cái vui của tuổi con gái đã phải oằn người dưới gánh nặng của người vợ, người mẹ với bao nhiêu trách nhiệm trên vai, còn thì giờ và tâm trí đâu mà “lấy le”. Chỉ đến khi về già, con cái trưởng thành, chỉ còn vợ chồng hủ hỉ với nhau, người phụ nữ bấy giờ mới có cơ hội để thực hiện cái “quyền” đó: “Nếu phụ nữ đến tuổi sáu mươi, bảy mươi... mà mỗi tuần (chỉ cần mỗi tuần) được “lấy le” với ông già đã cùng chung sống đến cái lệ ngân hôn, kim hôn, được dắt tay nhau ra bờ sông nói chuyện tâm tình thì đã ngăn được biết bao cuộc ly hôn đau lòng vào lúc cuối đời như báo chí từng đăng tải. Có thể lỗi ở ông, có thể lỗi do bà, nhưng nói chung vì cả hai đều sống tất bật, ẩn ức cả thời gian dài, chưa lần nào nghĩ đến chuyện “chiều chiều dắt ra bờ sông”, trong khi cuộc sống muốn khỏi đơn điệu cần phải “làm mới” không ngừng”.

Nữ sĩ Vân Trang hào hứng một hồi, rồi giật mình thấy cái chỉ tiêu “mỗi tuần một lần” này coi bộ khó khăn quá, chủ yếu là về phía các “ông già”, liền khiêm tốn hạ xuống “mỗi tháng một lần”. Hạ xuống nhưng vẫn kiên quyết: “Bao giờ người phụ nữ được chồng đưa đi chơi mỗi tháng một lần cũng rất là hơn hử rồi”. Thư kết thúc: “Trời lúc này đang mưa to. Tôi định viết một bài về “những người trẻ lạ lùng” mà viết không nổi, vì tôi cũng vào

giai đoạn... trể lạ lùng rồi. Chỉ có thể viết một bức thư không đầu không đuôi để anh đọc cho qua một cơn mưa vậy”.

Đó là nữ sĩ Vân Trang nhún mình mà nói thế, chứ lá thư của nữ sĩ rất có đầu có đuôi, và những ý nghĩ trong thư phải nói là rất tươi tắn, mới mẻ và bộc lộ một tâm hồn nhân ái, thiết tha với thân phận của người phụ nữ nói riêng và với con người nói chung.

Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc đã vào tuổi hoa giáp, nữ sĩ Vân Trang đã vượt ngưỡng thất thập cổ lai hy. Nhưng sự đồng cảm với con người và quan tâm đến xã hội của họ, tôi thấy sao mà... trể lạ lùng! Đọc những tâm tình đó, tôi tin bạn đọc, nhất là bạn đọc lớn tuổi, sẽ cảm thấy ấm áp hơn để vượt qua những cơn mưa lớn trong cuộc đời.

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 9-9-2001

sách của một thời

Gặp buổi nắng đẹp sau những ngày mưa gió ẩm ướt, tôi lui cui đem sách ra phơi. Lâu lắm rồi, để đã vài năm tôi không đụng đến các kệ sách cũ. Sách mua về, đọc xong, cất vào ngăn, ít ai lấy ra đọc lại. Những loại sách thường dùng, thường xem, thường tra cứu thì đã được bày ở một chỗ riêng, ngay bàn làm việc.

Bây giờ, ngồi tỉ mẩn giở từng trang sách cũ, mới hay hầu hết đã gần như không còn đọc được. Vì đó là sách của một thời. Thời công nghệ in còn lạc hậu, máy vi tính chưa có, sách báo sắp bằng chữ chì, vào nhà in trở ra bột nhũ dính vàng tay; thậm chí nhiều nhà in còn

in ty-pô, máy dập nện rầm rầm, làm gì đã có kỹ thuật in ốp-sét. Thời giấy má còn khan hiếm và chất lượng thì quá tệ. Ngay giấy Tân Mai, bây giờ ít nhà xuất bản nào dùng in sách, hồi đó được xem là sang lắm. Mà sách in trên giấy Tân Mai, bây giờ cũng đã khó đọc lắm rồi. Giấy ố vàng, ngày càng chuyển qua đen, chữ nổi lờ mờ, cố đọc vài trang đã nghe nhức mắt. Đó là nói loại giấy hạng nhất hồi đó. Còn phần lớn sách đều in trên loại giấy kém hơn, thậm chí là giấy tái sinh, sờ tay lên trang sách, thấy lợn cợn như sờ lên cát ướt.

Những trang sách ấy, bây giờ làm sao đọc nổi. Trừ trường hợp bất đắc dĩ, không ai có đủ can đảm cầm lên lần mò từng chữ. Nhất là bây giờ ra hiệu sách, thấy những tác phẩm in cách đây mười lăm, hai mươi năm đã lần lượt được tái bản và bày bán đầy, giấy ruột trắng tinh, giấy bìa dày cộp, sáng sủa, tinh tươm, sang trọng.

Sách đã không đọc được, còn giữ làm chi. Những cuốn đem bán ve chai cho đỡ chật nhà, chật tủ. Nhưng rồi lần giở, thấy ở trang đầu cuốn *Viết dưới giá treo cổ* của J. Fucik có ghi dòng chữ “Kỷ niệm năm cuối cùng đại học”, chợt bồi hồi nhớ lại đó là cuốn sách mình mua từ thời sinh viên kham khổ, thời nhịn ăn để chất chiu từng đồng mua sách báo. Dòng chữ ở trang đầu cuốn *Chuyện thường ngày ở huyện* của V. Ovetskin: “Liên đội cơ động 7, những ngày về phép” lại gợi nhớ đến những ngày còn đội nắng dầm mưa đào kênh ở Củ Chi dưới màu áo thanh niên xung phong. Ngày mưa ghi ở bộ *Tuyển tập Nguyễn Tuân* cũ xì thì nhắc đến những ngày công tác ở Quận đoàn quận 6, lúc đó muốn chui

vào hiệu sách quốc doanh ở đường Tháp Mười mua bộ sách này phải có giấy giới thiệu cơ quan, rồi còn phải giành giật xếp hàng đồ mờ hôi sôi nước mắt. Rồi loạt sách của Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới *Cội rễ, Thế kỷ ánh sáng, Lửa và hủi, Những miền trái chín, Đất dữ...* in trong những năm 1984-1986 giúp tôi nhớ lại thời kỳ đi dạy học ở trường Bình Tây, cứ mười bữa nửa tháng lại đạp xe đạp lọc cọc lên chi nhánh Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, bây giờ đổi tên thành Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, ở một con hẻm đường Hai Bà Trưng để hí hửng khuân về những cuốn sách mới.

Những tháng những ngày những kỷ niệm những gương mặt bạn bè, đồng đội, đồng nghiệp... cứ thể hiện ra theo từng dòng chữ ngắn ngủi, từng con số ngày tháng ghi nguệch ngoạc trên trang đầu mỗi cuốn sách. Kéo theo nó là những thước phim về từng giai đoạn xã hội, những biến cố, những dâu bể đổi thay như những trang biên niên sử nao lòng.

Thế là phơi xong, tôi nâng niu xếp từng cuốn sách lại, trân trọng xếp vào kệ sát tường. Sách cũ, giấy đen, không còn đọc được, nhưng nó lại có giá trị của những trang nhật ký cuộc đời. Nó là kỷ niệm, là nhắc nhớ, là những cuốn sách không phải để đọc mà để nghĩ ngợi, để suy tư, để ngẩn ngơ cùng năm tháng đời người.

Bán chúng làm chi. Vì giữ chúng thì chật nhà nhưng không có chúng, cuộc đời ta bỗng hóa ra buồn tênh, trống rỗng...

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 15-7-2001

chia tay buổi chiều

hôm rày, trời cứ mưa rả rích suốt ngày. Nhất là buổi chiều, những cơn mưa lê thê khiến người ta ngại ra đường kinh khủng. Cứ chiều xuống là nước kín trời kín đất, hàng loạt đường phố bị ngập, xe cộ tắt máy, người người bì bõm lội nước dắt xe đi. Cái cảnh oái oăm này thật quen thuộc quá đỗi, dường như mùa mưa năm nào người thành phố cũng được chứng kiến. Có vẻ như nhà cửa bên trên mặt đất ngày càng phình ra thì cái quan trọng bên dưới là hệ thống thoát nước ngày càng teo lại hay sao ấy. Có vẻ như khi thi nhau xây dựng những tòa cao ốc, người ta quên rằng để trở thành một đô thị văn minh, hiện đại, bên cạnh

những tiêu chuẩn khác, hệ thống cống ngầm là một yếu tố không thể không tính đến. Đến một thành phố để tham dự một giải bóng đá, một đại hội âm nhạc, một festival sinh viên thanh niên chẳng hạn, khách nước ngoài chắc chắn cần biết khi nước ở trên trời trút xuống cái thành phố mình đang ở, nó sẽ chảy về đâu. “Thiên thượng lai” thì rõ rồi, nhưng nếu không có đường rút thì nước cũng chẳng thể “bôn lưu đảo hải” nổi, trời ạ.

Ngày xưa khi viết những ca từ lãng mạn “*Em đến thăm anh một chiều mưa. Mưa dầm dề đường trơn ướt tiêu điều*”, chắc chắn nhạc sĩ Tô Vũ không được chứng kiến “nạn hồng thủy” như chúng ta hiện nay. Ông thấy “mưa dầm dề”, nhưng ông cũng thấy “đường trơn ướt”. Còn chúng ta không thấy đường sá đâu cả. Em có muốn đến thăm anh cũng chẳng có đường nào mà đến, cố dọ dẫm không khéo lại lọt xuống miệng cống hay hầm hố đang đào dở thì chỉ có thăm ông vải!

Người viết bài này không dám đến thăm ai, ngay cả đến sở làm cũng ngại, thôi thì ngôi nhà mở computer lang thang trên mạng, coi như một cách tiếp xúc với bên ngoài. Vào trang web của Netnam, đọc mục thăm dò ý kiến, thấy nhiều thứ vui vui, ngộ ngộ. Trước câu hỏi “Thời gian ưa thích trong ngày của bạn?”, có 124 ý kiến tham gia. Kết quả: Buổi sáng chiếm 29% số phiếu, buổi trưa có 3%; và trong khi buổi tối và ban đêm giành được tới 33% sự ưa thích thì buổi chiều chỉ vón

vẹn có 2%. Thế là đi tong những chiều vàng trứ tình trong thơ ca, âm nhạc. Buổi chiều đã bị đẩy ra ngoài lề trái tim, đã bị khai tử trong tâm hồn của những chàng trai cô gái trẻ tham gia cuộc bỏ phiếu mini kia.

Bất chấp hình ảnh tuyệt vời của buổi chiều trong thơ Huy Cận “*Nắng chia nửa bãi chiều rồi. Vườn hoang trính nữ xếp đôi lá rầu*”, bất chấp Hồ Dzếnh làm nguyên một bài thơ *Chiều* trứ danh, các chàng trai cô gái thời nay vẫn nhất quyết “tẩy chay” buổi chiều.

Thi sĩ Xuân Tâm còn “lạc hậu” thê thảm hơn nữa. Ông tuyên bố hùng hồn:

*Tôi đổi hai mai lấy một chiều
Để tìm trong đó ít lời yêu
Ban ngày sáng quá, ban đêm tối
Tôi sợ không mơ tưởng được nhiều...*

Khổ cho ông, cái mà ông sẵn lòng đánh đổi mọi thứ để lấy cho được kia, nay đã mất giá lắm rồi.

Lỗi tại ai? Tại trời đất thất thường, tại cái cống quá bé, tại những con đường thành phố không chịu cao ngang đỉnh Lang Biang cho nước khỏi ngập? Nếu lỗi thuộc về con người, thì chắc tại bọn trẻ tham gia bỏ phiếu kia lòng dạ mau thay đổi quá. Chứ ngoài ra, những người khác có trách nhiệm gì đâu!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 26-8-2001

một chuyện nhỏ trong nhà

Gã họ Đỗ làm bên báo Sài Gòn Tiếp Thị điện thoại kêu tôi viết một bài về giáo dục giới tính cho con cái. Tôi la rần: Viết làm sao được. Mà có biết gì đâu mà viết. Nhóc con nhà tôi là con gái, chuyện giáo dục gì gì đó là chuyện thì thầm của hai mẹ con, tôi đâu có đủ tiêu chuẩn can thiệp, dù là “dự thính” đi nữa! Gã họ Đỗ kì kèo “Ráng nhớ kỹ đi!”. Tôi nổi quạu “Nhớ cái con khỉ! Con nhà ông là con trai, hể có “nhút cử nhút động” gì lạ lạ là nó chạy đi méc với ông nên ông có khối chuyện. Tôi thì ngược lại, chẳng có gì để nói đâu”. Giọng họ Đỗ xiu như bún thiêu “Hết cách thiệt rồi hả?”. Thấy họ Đỗ buồn tình như sắp bỏ đi



uống rượu tới nơi, tôi bóp muống bóp cái trán. Và rồi mắt bỗng sáng trưng “Có rồi”. “Có rồi hả? Thấy chưa! Mà chuyện gì vậy?”. Bên kia đầu dây, mắt họ Đỗ chắc sáng hơn mắt tôi ít nhất tám lần. Tôi nhớ là có lần, lâu lắm rồi, con gái tôi hỏi ý kiến tôi về chuyện kết bạn khác phái và tôi hí hửng kể lại cho họ Đỗ nghe cái lần giáo dục hiềm hoi đó của tôi. Họ Đỗ hét lớn đến nỗi tôi phải đẩy cái ống nghe ra xa (nếu là điện thoại truyền hình thì tôi đã thấy gã nháy tung tung rồi): “Tuyệt lắm. Tình cảm cũng là vấn đề giới tính đấy. Chuyện ông kể quá hay, viết lẹ đi, thứ hai đưa cho tôi”. Tưởng gì chứ nhớ lại và viết ra cái cuộc đối thoại ngắn ngủn giữa hai cha con tôi thì quá dễ, tôi hỏi “Bao nhiêu chữ?”. “Tám trăm chữ”. Tôi tính hỏi nhuận bút bao nhiêu, hy vọng gã đang tròn miệng sẽ nói “Tám trăm ngàn” nhưng sợ cái bệnh trùn sò mẩn tính xui gã nói “tám trăm đồng” thì lỗ to, tôi bèn thôi và ném cái ống nghe vào giá đỡ, ba chân bốn cẳng chạy đi tìm con gái để khoe. Nào ngờ, nghe xong ý định của tôi, nhóc con phản đối kịch liệt “Không! Không! Không! Ba không được đưa chuyện của con lên báo”. Tôi chưng hửng “Chuyện đó có gì đâu, con. Chuyện nhỏ như con kiến mà!”. “Con kiến, con cũng không muốn ba đưa lên báo”. Tôi tìm cách đánh vô lòng tham của con người ta “Chuyện như con kiến mà nhuận bút như con voi đó con! Tám trăm ngàn chứ ít à”. “Tám triệu cũng không!” - Nhóc con hét lên với cái khẩu khí biết là không lay chuyển được - “Đó là chuyện riêng tư của con, con không muốn cho bất kỳ ai biết!”.

Tôi gọi điện cho họ Đỗ “Hồng rồi”. “Sao?” “Con nhóc phản đối quyết liệt”. Họ Đỗ ngơ ngác y hệt tôi “Lạ thật! Chuyện đó có gì đâu! Chuyện “thắc mắc biết hỏi ai” của thằng con tôi, tôi đưa lên báo cả tử, nó cười hì hì”. “Tại con ông là con trai”. Họ Đỗ im lặng một lát rồi thở đánh thượt “Ừa, con trai khác, con gái khác. Mà cái chuyện đó xảy ra hồi con nhóc nhà ông mấy tuổi?”. “Mười ba tuổi”. “Bây giờ nó mấy tuổi?”. “Mười sáu rồi”. Họ Đỗ reo lên, nghe như giọng của thằng cha Archimède vừa từ bồn tắm bước ra “Vậ thì đúng rồi! Không những con gái khác con trai, mà tuổi mười ba cũng khác tuổi mười sáu ông à. Làm việc với tụi nó ba cái vụ này rắc rối, tế nhị, phức tạp lắm chứ không dễ như mình tưởng đâu!”. Tôi thấp thỏm “Vậ vụ bài báo sao?”. “Bỏ quách đi chứ sao”. Nghĩ tới “tám trăm ngàn”, tôi tiếc hùi hụi nên viết cái kinh nghiệm đau thương này ra, may mà được đăng vô mục tiểu phẩm cũng vót vát được chút đỉnh. Lạ trôi!

Sài Gòn Tiếp Thị, 24-3-2001

bóng đá và cuộc đời

1 Bạn có tin trong bóng đá cũng như trong cuộc đời, số phận luôn thích thú với những màn đùa cợt? Một thí dụ nhỏ về vở kịch năm màn nhé! Màn một: Nếu Croatia không tách ra khỏi Nam Tư, World Cup 98 sẽ có một cặp tiền đạo tuyệt đẹp trong mọi nghĩa: Mijatovic - Suker. Cả hai đều là siêu kỹ thuật gia, đều là đại biểu đáng ngả nón của lối đá tấn công đẹp mắt. Màn hai: Số phận phân cho mỗi người một lá cờ để phụng sự nhưng lại dồn họ vào một câu lạc bộ để phục vụ: Real Madrid. Màn ba: Ở Real Madrid, khổ thay, chàng trai tài hoa Croatia là cầu thủ dự bị cho

chính chàng trai tài hoa Nam Tư. Màn bốn: Thật trớ trêu, trong những ngày hè ở Pháp cầu thủ dự bị Suker trở thành vua phá lưới và đội bóng của chàng trở thành đề tam anh hào thế giới trong khi đội Nam Tư của cầu thủ chính thức Mijatovic bị chặn lại trước ngưỡng cửa tứ kết. Nhưng nếu số phận chỉ trêu người có vậy thì bóng đá cũng chưa đáng sánh với cuộc đời cho lắm. Màn năm - màn đùa dai này mới thật là *c'est la vie*: Suker là người duy nhất trong giải sút thành công hai lần cùng một quả 11 mét (bị trọng tài bắt đá lại) để tiến đoàn quân của Hagi ra phi cảng, còn Mijatovic lại là người duy nhất trong giải sút hỏng phạt đền và bằng cách đó đã... sút thành công đội bóng mình về nước êm ru. Tôi là người yêu cả Suker lẫn Mijatovic: sự khổ tâm này chính là màn sáu vậy!

2 Nhưng nếu đã nói đến các quả pénalty, không thể không nhắc đến quả pénalty bi hùng và thống thiết do Roberto Baggio thực hiện trong trận Ý gặp Chi Lê. Anh là người đá quả 11 mét cuối cùng cho đội Ý ở World Cup 15 và là người đá quả 11 mét đầu tiên cho đội Ý ở World Cup 16. Giữa hai quả 11 mét này là cả một quãng đời bị dày ải và vùi dập. Bị cả đất nước quay lưng và qui tội sau quả đá hỏng năm 94, từ “thiên thần tóc đuôi ngựa” trở thành “kẻ tội đồ”, Roberto Baggio vẫn không chịu để mình bị ngã quỵ. Vẻ mặt của anh lúc tiến đến chấm phạt đền trước khung thành của đội Chi Lê là vẻ mặt của người đàn

ông quyết lấy lại thanh danh, trong khi vẫn chưa đủ sức gạt bỏ được sự ám ảnh ghê gớm của định mệnh. Đó là vẻ mặt vừa cương quyết vừa náo nùng, vừa tự tin lại vừa chịu đựng. Tôi gần như không dám nhìn Roberto Baggio sút quả bóng mang màu sắc số phận đó. Lúc này quả sút đó không còn là trò chơi nữa. Mà là sự thách thức số phận. Mà là bi kịch cổ điển Shakespeare - *to be or not to be*. Đó không thể là quả bóng trung hòa. Quả bóng sẽ chỉ đi về một trong hai hướng: hoặc là về phía chiếc nôi ru hoặc là về phía nắm mồ - điểm khởi đầu và điểm kết thúc của cuộc đời. Nếu sút thành công, Roberto Baggio một lần nữa được sinh ra. Nếu thất bại, là một sự chôn vùi vĩnh viễn. Lúc đó, không còn là Roberto Baggio nữa, mà là... Marilyn Monroe "*river of no return*" - dòng sông vĩnh biệt! Ôi, cái hình ảnh Roberto Baggio lầm lũi tiến đến chỗ quả bóng lúc đó sao lại gợi nhắc đến thể cái hình ảnh của Kinh Kha trước khoảnh khắc vượt qua sông Dịch: Anh hùng nhất khứ bất phục phản, may sao Roberto Baggio đã trở về! Cuối cùng, Roberto Baggio là con phượng hoàng phục sinh từ tro than hất hủi. Theo tôi, anh là người chơi hay nhất trong đội Ý 98 và là một trong những cầu thủ chơi thứ bóng đá giàu cảm xúc nhất giải!

3 Chúng ta cũng có thể chứng kiến không ít những nghịch lý cuộc đời trong bóng đá! Chẳng hạn tôi không thể hiểu tại sao khi Kluivert nhảy lên đánh đầu vào lưới Taffarel thì các hậu vệ Brazil không

những không nhảy lên truy cản, lại còn nhất tề rùn thấp người xuống cho bóng dễ bay qua. Ngược lại, khi tiền vệ Petit của Pháp sút một quả bóng sệt từ xa vào lưới Schmeichel trước một rừng chân thì các hậu vệ của Đan Mạch lại đồng loạt thi nhau nhảy lên để bóng... chui qua cho tiện. Lúc đó nếu một và chỉ cần một hậu vệ không nhảy lên thì quả bóng hú họa kia có lẽ sẽ bị chặn lại. Bạn có hiểu được tại sao như vậy không? Chắc là không. Và may mà bạn không hiểu. Bởi nếu hiểu rõ ràng bóng đá, chắc chẳng ai thèm xem đá bóng. Cuộc đời cũng vậy thôi, đôi khi trong một tích tắc ta phải quyết định “nhảy lên” hay “rùn người thấp xuống”, cái quyết định nhiều lúc chính ta cũng không hiểu tại sao, dù chỉ cần một sai lầm bé bằng cái mất muối là ta phải lập tức trả giá bạn à!

Sài Gòn Tiếp Thị, 8-1998

chuyện miền tây

1 Lễ Quốc khánh vừa rồi, vợ chồng tôi đi Bến Tre chơi nhà một người bạn - anh Ba Đực. Nói đúng ra, vợ chồng anh Ba Đực là bạn của thằng em tôi. Thằng em tôi thứ Sáu, mười năm trước đi buôn trà từ Bảo Lộc xuống miền Tây, quen với anh Ba, hay ở lại nhà anh.

Tôi với anh bằng tuổi nhau nhưng vì tôi là anh của thằng Sáu nên vợ chồng anh kêu tôi bằng anh, con cái anh kêu tôi bằng bác - bác Hai. Trước nay chưa có ai kêu tôi bằng bác; nghe đám con cái bạn bè tôi kêu tôi bằng chú đã là quá mạng, đã thấy mình già

lắm rồi. Xuống miền Tây tự nhiên được phong chức “bác” ngang xương, tôi thấy mình già khom. Nhưng sự đời đâu có dừng lại ở đó. Dân quê thường dựng vợ gả chồng sớm hơn dân thành phố; con tôi năm nay mới vô lớp mười hai mà hai đứa con gái anh Ba Đực đã lấy chồng sinh con từ đời nảo đời nao rồi. Cho nên vợ tôi mới bước vô nhà đã nghe tiếng con nít lanh lảnh “A, bà Hai xuống chơi, má ơi! Ông Hai có xuống không, bà Hai?”. Tôi loay hoay cởi giày đứng trước hiên, tai nghe rõ từng lời nhưng đâu có nghĩ hai cái chữ “ông Hai” khùng khiếp kia là nhằm để chỉ ngay chóc mình! Đến khi biết mình chính là “nhân vật ông Hai” đó, tôi thiếu điều muốn sụm.

2 Tôi tới nhà anh Ba Đực lúc hai giờ chiều, tắm rửa ăn uống qua loa rồi chui vô giường nằm nghỉ. Không biết ngủ được bao lâu, đang mơ mơ màng màng, tôi nghe tiếng người ồn ào, tiếng gà vịt quang quác. Tôi ngồi dậy, lò dò đi ra, thấy nhà đầy nhóc người. Dòm quanh một vòng, thấy cá bơi trong thau này, tôm bơi trong thau kia, góc này một con gà, góc kia một con vịt, tôi ngó anh Ba “Ủa, bữa nay có đám giỗ hả chú Ba?” - “Giỗ quảy gì đâu! Nghe nhà tui có khách Xi Gòong xuống chơi, bà con lối xóm...”. Ra đó là cách bày tỏ tình cảm và lòng hiếu khách của dân miền Tây. Lúc tôi xuống xe đò, đi dọc theo con lộ đất vô nhà anh Ba thì lối xóm đã “phát hiện” rồi. Và trong khi tôi chộp mắt thì anh Ba đã kịp sai thằng con quăng

lưới xuống ao bắt lên mấy con cá tai tượng to đùng, anh Mười đã kịp sai vợ xách qua con vịt xiêm, dì Sáu ẵm qua con gà, chú Phước chở tới thùng bia và ông Út cũng kịp vớt đem qua mấy con tôm sú to cộ nuôi dưới đĩa. Nội chừng đó, tôi đã ngạc nhiên quá sức rồi. Đến khi nghe anh Ba chỉ tay vô từng người giới thiệu, tôi càng sững sốt hơn nữa. Những con người nhiệt tình đó hóa ra đâu có bà con gì với vợ chồng Ba Đục, nghĩa là chẳng có bốn phận gì, dù là bốn phận sơ sơ để tiếp tụi tôi, chỉ trừ anh Mười là ông sui của anh. Chẳng qua thấy có khách từ xa ghé xóm, bà con muốn bày tỏ chút tình địa chủ. Cảm động nhất là cô Tư sau hè, nghe vợ chồng Ba Đục có khách, trong nhà đang trống trơn, cô dòm quanh quất thấy đằng góc bếp có chai mỡ liền lật đật quơ lấy chạy qua.

3 Tôi xuống Bến Tre nhằm mùa mưa, bùn sinh lầy lội, lui tới khó khăn. Cây cối gặp lúc trái mùa, mận xoài trụi lủi. Mấy đứa con anh Ba đề nghị chèo xuồng ra vàm sông hái bần. Tôi theo sắp nhỏ cỡi xe gắn máy đi cả chục cây số. Tới nhà quen gửi xe, cả đám mượn xuồng chèo ra cửa sông. Trái bần trông đẹp mắt, bần non cắn vô nghe chua chua chát chát, chấm muối ớt hay mắm ruốc ăn cũng vui miệng, nhưng bần chín thì chua lè chua lét, dân “Xi Gòong” cắn thử một miếng đều liệng hết xuống sông. Thành Trương, con Ba Đục, tính mượn xuồng đuôi tôm chạy qua cồn bên kia sông nhưng chẳng may trời đổ mưa đành quay lại. Lúc

lên bờ, người ngòm ướt như chuột lột, ngó con đường nhão nhề nhão nhẹt, mặt mày tôi méo xẹo, không biết làm sao quay về. Đang lúc ngán ngẫm thỉnh thoảng thấy một chiếc xe lôi lao tới. Ngồi trên xe là thằng Lẹ, cháu chú Phước. Lẹ lái xe lôi, đang ngồi nhậu nhà Ba Đực, thấy trời đổ mưa biết tụi tôi bị kẹt, chẳng cần ai nhờ, tự động đứng lên xách xe lôi chạy vô đón. Bữa đó, Lẹ bỏ “mần”, ngồi lai rai với khách. Hôm sau tới phiên thằng Tư Con, cháu anh Mười, sống bằng nghề chở trái cây giao hàng trên thị xã cũng bỏ “mần”, lái vô lái chở vợ chồng tôi đi khắp xứ. Tư Con hào hứng nói “Bác Hai thích, con bỏ mần mấy bữa chở bác Hai qua Trà Vinh chơi”. Cũng là cách tỏ tình địa chủ. Chủ có thể nhịn, có thể thiệt thòi, chứ khách bao giờ cũng được tiếp đón nồng hậu, ưu tiên số một. Cũng như chú Phước, chủ tiệm vải lớn trên chợ xã, hẹn vợ chồng tôi lên chơi, sẵn sàng đóng cửa tiệm nghỉ bán một ngày để cả gia đình tiếp khách cho chu đáo. Mà đâu phải là khách thân thuộc hay khách làm ăn mới lái gè cho cam. Chỉ là khách đi chơi lông bông, mới gặp lần đầu. Hiếu khách đến mức đó, tôi nghĩ chắc chỉ có ở miền Tây.

4 Dân miền Tây hiếu khách quá, khách cũng khổ. Ở chơi có hai ngày mà cả chục nhà chèo kéo tới thăm. Rồi lúc về, nhà nào cũng bắt ghé qua. Người tặng quây dừa, người biếu nải chuối, người gửi bó mía, kẻ ký tôm, kẻ ký cá... Mùa mưa đường lầy, xe đồ đổ trên lộ đá xa cả cây số, vậy mà vợ chồng tôi phải

è lưng khệ nệ xách theo đủ thứ đùm đề. Mà những thứ đó, ngay tại thành phố hay dọc đường ở đâu chẳng có, tấp xe vô mua lúc nào chẳng được. Nhưng tôi vẫn phải đem theo, vì cái nặng của đồ vật vô tri có thể bỏ lại nhưng trong mớ quà tặng kia có cái nặng của tình cảm bà con miệt vườn. Mà cái tình cảm đó thì hồn nhiên và đáng yêu biết bao. Như thằng con Ba Đực, tôi đi một quãng xa vẫn còn nghe nó hãnh diện khoe với bạn phía sau: “Bác Hai tao đó, ở Xi Gòong bác tao ‘đặt thơ’ đó nghe mậy”. Tôi đâu có “đặt thơ”. Ở Sài Gòn tôi làm báo, viết văn. Nhưng với dân Bến Tre, dường như cái gì liên quan đến chữ nghĩa đều gọi chung là “đặt thơ” hết ráo. Không biết có phải vì vùng đất đó quá nổi tiếng với thi hào Nguyễn Đình Chiểu nên mọi chữ nghĩa trên đời đều ngấm ngấm mang hơi hướm *Lục Vân Tiên*!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 22-9-2002

lại chuyện miền tây

kỳ trước, tôi kể chuyện xuống Bến Tre. Kể về cái tính hiếu khách đặc biệt của dân miền Tây. Chuyện đã cạn lời, tưởng không còn gì để hầu chuyện bạn đọc. Không ngờ cách đây ba ngày tôi nhận được một phong thư dày cộm từ ấp Mỹ Đức gửi lên.

Ấp Mỹ Đức là ấp vùng sâu vùng xa trong tám ấp thuộc xã Hưng Mỹ, huyện Mỏ Cày, đường sá lầy lội rất khó đi. Gặp trận mưa lớn, xe gắn máy hết lối đi đã đành mà xe lồi, xe ngựa cũng tắc đường. Vợ chồng thằng Đạt con anh Mười ở ấp này. Hôm tôi ghé nhà nó chơi phải đi bằng vỏ lãi của Tư Con, chạy men theo kênh rạch khoảng chục cây số.

Ghé nhà thằng Đạt, nói ba điều bốn chuyện, tôi nhìn quanh quất thấy trên vách treo tờ giấy ngồ ngổ, không ra huân chương cũng chẳng giống các loại bằng khen tôi thường thấy. “Giấy gì vậy, mậy?”, tôi hỏi. - “Dạ, cái này là thư cảm ơn đó, bác Hai”. Tôi tò mò bước lại coi. Ra đó là thư cảm ơn của ấp, về chuyện vợ chồng thằng Đạt đóng góp một trăm ngàn đồng để ấp làm đường. Tôi ngó ra con lộ đất nhão nhẹt trước nhà: “Con đường này đây hả?”. - “Dạ, sắp tới ấp tính sửa đường cho bà con đi lại mà hổng đủ tiền, mới vận động các hộ trong ấp đóng góp”. Nghe thằng Đạt nói một hồi, tôi mới biết sửa đường theo kiểu nhà nghèo của ấp Mỹ Đức xét ra cũng chẳng to tát chi, không lát đá cũng không trải nhựa, chỉ mong kiếm đủ tiền mua vài ghe sỏi về rải lên để người lớn đi mần, con nít đi học - mơ ước thật đơn sơ quá đỗi. Tự nhiên tôi nói “Ê, cho tao góp với được không, mậy?”, rồi sợ nó không chịu, tôi nói thêm “Để mai mốt tao có trở xuống đây, tao cỡi xe máy đang hoành tới thăm mầy cho oai!”. Đạt hớn hờ “Được chứ, bác Hai! Ấp con là ấp nghèo mờ, nghe bác góp tiền làm đường chắc trên ấp mừng lắm”.

Tôi móc túi đưa thằng Đạt một trăm ngàn. Trăm ngàn dưới này chắc là lớn chớ ở “Xì Gòong” chẳng ghê gớm chi. Cho nên tôi quên mất chuyện đó. Về thành phố, cũng chẳng nhớ, kỳ rồi viết bài về Bến Tre cũng không nhắc tới. Hổng dè cách đây ba ngày, tôi đang ngồi nhà bỗng thấy thằng Đạt lù lù đi vô. “Lên chơi hả mậy?”. - “Dạ, con lên đưa bác Hai cái này”. Đạt



giúi vô tay tôi một phong thư dày cộm. Tôi giở ra coi, thấy lá thư cảm ơn của ấp Mỹ Đức: *“Thay mặt Đảng và nhân dân ấp Mỹ Đức, chúng tôi đón nhận tấm lòng hảo tâm và chân thành cảm ơn ông bà đối với hoàn cảnh ấp nhà của chúng tôi, đã nhiệt tình ủng hộ một trăm ngàn đồng để sửa chữa lại đoạn lộ từ ấp Mỹ Đức đến hương lộ 23 (Bình Đông). Đây là tình nghĩa hết sức trân trọng, đã hộ giúp nhân dân chúng tôi trong lúc cơ sở hạ tầng còn nhiều hoàn cảnh đối với một vùng xa xôi hẻo lánh. Với vốn quý này, sẽ tận dụng xứng đáng vào việc sửa chữa đoạn lộ Mỹ Đức - Bình Đông để xe cộ lưu thông dễ dàng hơn, mà chúng tôi đang ao ước. Chúng tôi sẽ thông báo cho nhân dân trong ấp được rõ tấm lòng “nhiệt-hộ” của ông bà. Chúng tôi và nhân dân trong ấp quyết tâm bảo vệ đoạn lộ lâu bền, để khỏi phụ lòng giúp đỡ của ông bà. Chúc ông bà dồi dào sức khỏe, an khang hạnh phúc”*. Ở dưới ký tên dày đặc: Bí thư chi ủy - chi bộ ấp, trưởng ấp và trưởng ban công tác mặt trận. Chữ nghĩa của lá thư khá cộc cạch, nhưng tình cảm và sự trân trọng thật chân thành, cảm động.

Trong phong bì còn có thêm lá thư của ông Nông Thành Nam, một cán bộ hưu trí ở ấp: *“Kính gửi anh chị. Tôi là một cán bộ nghỉ mất sức của Công ty Điện ảnh Bến Tre, tưởng rằng về quê an nhàn bồi dưỡng sức khỏe. Nhưng ở ấp nhà, bà con còn quá khó khăn, hệ thống giao thông chưa có gì cả. Thế là còn hơi thở cuối cùng tôi cũng tham gia với bà con xây dựng. Nhưng do ấp nằm xa chợ búa, trong chiến tranh ít học hành nên kiến thức kinh tế bà con chưa bao nhiêu, và nảy ra tình trạng nghèo nàn lạc hậu. Ấp hiện nay*

có phân nửa đường đá đỏ (mà hư hỏng nhiều), nửa ấp còn lại hiện là đường đất lầy lội vào mùa mưa. Chúng tôi cố gắng xin cấp trên được hai mươi triệu và vận động bà con đóng góp mỗi hộ một trăm sáu chục ngàn đồng, nhưng sức đóng góp của bà con không có (hiện đang mùa giáp hạt, có hộ chạy ăn từng bữa lấy đâu ra tiền). Hôm nay tôi mạo muội viết thư này đến anh chị với tấm lòng biết ơn một nghĩa cử, thương tình một ấp ở vùng sâu vùng xa, ảnh hưởng nhiều bom đạn trong chiến tranh và nghèo nàn trong kiến thiết. Anh chị quan tâm thương cho ấp nhà, chúng tôi vô cùng cảm động, ơn này chúng tôi nhớ mãi”.

Thú thật tôi đọc xong hai lá thư, lòng vừa cảm động vừa thấy mắc cỡ. Hôm đó ở nhà thằng Đạt, tôi có móc túi lấy ra một trăm ngàn cũng không nghĩ ngợi gì sâu xa đến dân tình của ấp, cái “nghĩa cử” đó được thực hiện một cách có thể nói là hời hợt. Không ngờ chính quyền và người dân ấp Mỹ Đức coi đó là cái ơn lớn, bắt thằng Đạt cỡi xe gắn máy từ Mỏ Cày lên tuốt thành phố giao thư cảm ơn tận tay tôi khiến tôi phải ngỡ ngàng.

Cho đến khi thằng Đạt quay xe về rồi tôi vẫn cứ ngồi ngây ra với hai lá thư trong tay. Mà cái tâm trạng đó nếu có ai rơi vào chắc cũng giống như tôi. Xã hội tất nhiên khó khắc phục ngày một ngày hai khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, giữa người giàu và người nghèo, vả lại đó là trách nhiệm của những vị điều hành đất nước. Nhưng đứng về mặt con người, khi gặp phải chuyện này, thú thật là tôi không khỏi áy náy về cái tâm lý thờ ơ, cũng như sự thiếu thấu hiểu về

hoàn cảnh sống của một bộ phận lớn đồng bào mình. Trong những ngày này, tôi đọc trên báo của Bộ công an thấy kể chuyện hai cậu ấm con nhà quan thi nhau xem ai đốt nhiều tờ 100 USD hơn, cậu ấm thứ ba xài bốn mươi triệu một tháng cho việc hút sách, cậu ấm thứ tư xài sáu mươi triệu một tháng cho karaoke có “tay vịn”. Rồi tôi nhớ đến bọn tham nhũng đục khoét của dân hàng tỉ, hàng chục tỉ, hàng trăm tỉ đồng... Mà chẳng nói chi đến những gương mặt đen, chỉ nội trong cuộc sống đời thường thôi, những cuộc nhậu hàng triệu, hàng chục triệu diễn ra hằng đêm và quanh năm suốt tháng ở các quán nhậu thành phố, hoặc một cặp vé chợ đen giá một triệu rưỡi để vào xem cuộc thi hoa hậu mới đây đủ khiến tôi chạnh lòng nhớ đến cái áp Mỹ Đức xa xôi nọ. Chính quyền và người dân chất phác, nghèo nàn ở đó nếu có được khoản tiền tương đương một bàn nhậu hay chừng năm cặp vé kia thì chắc họ hạnh phúc biết bao!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 29-9-2002

nghe cải lương bên sông Tiền

Cuối tuần tôi về chơi nhà bạn ven sông Tiền. Buổi chiều trèo cây hái dừa xuống bờ ra uống, chập tối lưới cá dưới ao, đợi trăng lên hai anh em trải chiếu trước sân nướng cá lên nhậu lai rai với ba xì đế, thật không có cảnh nào thú vị và thanh bình cho bằng.

Hai anh em vừa cụng ly vừa nhìn ra con sông chảy ngang trước nhà, tiếng sóng vỗ ì oạp lúc triều lên thoảng qua tai nghe sao buồn man mác.

Đúng lúc đó, bản *Tình anh bán chiếu* qua giọng ca Út Trà Ôn bất thần vọng ra từ máy cassette nhà hàng xóm khiến lòng tôi bỗng liêu xiêu ngây ngất. Tôi nghe

“đệ nhất danh ca” Út Trà Ôn hát bản này qua radô từ hồi còn học tiểu học, nay băng đi mấy chục năm trời, nghe lại giữa khung cảnh trữ tình mênh mông sông nước, thấy bồi hồi tuyệt diệu làm sao. Không biết tại trăng thanh gió mát, tại hơi men hay tại Út Trà Ôn ca tiếp bản *Ông lão chèo đò* mà tôi cảm thấy chiếc chiếu mình đang ngồi chột bênh bỗng chệnh choáng.

Tôi không phải là người mê cải lương, nhưng vẫn phân biệt được hay dở. Cho nên, khi máy cassette nhà bên mở tuồng *Áo Vũ Cơ Hàn* thì tôi ngạc nhiên quá cỡ. Cốt truyện không lấy gì làm hay nhưng có ít nhất là bảy nhân vật, bảy giọng ca, lạ một điều, giọng nào nghe cũng “quá đã”.

Cứ mỗi lần nghe một giọng mới, tôi quay sang ông bạn “Ai ca vậy?” - “Minh Phụng đó”. - “Còn người này?” - “Minh Vương” - “Giọng *cha* này trong quá há. Còn *tay* này?” - “*Tay* này là Dũng Thanh Lâm”. Một lát tôi lại nhảy nhồm: “Ê, giọng nữ nào nghe véo von quá vậy hả ông?” - “Mỹ Châu đó”. Tôi hỏi một hồi, biết thêm Phượng Liên, Thanh Thanh Hoa và Hữu Phước.

Bạn rủ tôi xuống quê chơi, chủ đích nhờ tôi tham mưu về chuyện xây hồ chứa nước và hệ thống lọc phèn, rồi cuộc cả buổi tối hai anh em chỉ bàn “chuyên đề” nghệ sĩ cải lương.

“Chuyên đề” một hồi, tôi bỗng ngạc nhiên “Sao hồi đó nhiều giọng ca hay quá vậy? Bộ bao nhiêu danh ca tập trung hết vô tuồng này sao?”. Bạn tôi cười hề hề

“Đừng giỡn! *Áo Vũ Cơ Hàn* này đâu đã có “đệ nhất danh ca vọng cổ” Út Trà Ôn, “cải lương chi bảo” Bạch Tuyết, đâu đã có Út Bạch Lan, Thanh Nga, Thành Được, Thanh Sang, Lệ Thủy, Minh Cảnh, Ngọc Giàu...

Tôi nghe bạn tuôn một tràng, lòng bùng hết hai lỗ tai. Như đã nói, tôi không mê cải lương nhưng bạn nhắc đến tên người nào, tôi biết ngay người đó. Có người tôi đã từng xem, có người ngay từ nhỏ, tôi đã nghe các bà các cô các chị chung quanh nhắc riết tới họ, thậm chí còn cắt ảnh các nghệ sĩ này từ trong báo ra dán đầy bốn vách nhà nên đã quen thuộc lắm. Họ là những nghệ sĩ tài năng, có chất giọng riêng, có fans hâm mộ riêng, nghĩa là có chỗ đứng vững vàng trong lòng công chúng. Hồi đó, tivi còn hiếm, những người hâm mộ ở ngoại thành Sài Gòn và các tỉnh xa chỉ có thể thưởng thức các giọng ca qua radô, nhà giàu thì nghe qua máy hát đĩa. Do đó, các nghệ sĩ cải lương phải đi lên bằng chân tài, phải khổ công rèn luyện giọng ca để chinh phục thính giả, cái “thanh” được chú trọng hàng đầu. Không biết có phải vì vậy mà thời đó có khá nhiều giọng ca xuất sắc chẳng?

Đang lẩn thần nghĩ ngợi, đã nghe lời bạn rót vào tai như một “dẫn chứng”: “Thú thiệt tui là dân ghiền cải lương, nhưng bây giờ chỉ nhớ lõm bõm được một vài tên tuổi, trong đó chỉ có Vũ Linh và Ngọc Huyền may ra là sánh được với các bậc đàn anh đàn chị! Vậy biểu làm sao cải lương không càng ngày càng vắng khán giả cho được!”.

Tôi bỗng nhớ tới khoảng những năm 1986, 1987, thành phố có lập ra đoàn cải lương 284, bao gồm một loạt những tài danh gạo cội: Bạch Tuyết, Minh Vương, Lệ Thủy, Ngọc Giàu, Diệp Lang, Thanh Sang, Thanh Tòng... sau khi đi lưu diễn ở châu Âu, về thành phố diễn liên tục ở Nhà hát Hòa Bình các vở *Đời cô Lựu*, *Sân khấu về khuya*... Lần đó tôi có lò dò theo bạn bè đi xem, thấy khán giả đông nghìn nghịt, vé chợ đen giá đẩy lên tới trời vẫn không đủ bán. Bây giờ ngẫm lại, thấy hoàn toàn dễ hiểu. Cải lương, xét về yếu tố thu hút công chúng, cũng tương tự như bóng đá. Phải có ngôi sao. Phải có những tài năng thực thụ. Phải có những danh thủ, những danh ca đủ sức làm mê mẩn, làm điên đảo người xem, người nghe. Để khi nghe có Bạch Tuyết, có Vũ Linh, có Kiatisak, người hâm mộ ùn ùn kéo nhau đi xem. “Đội hình” 284 với Minh Vương, Bạch Tuyết, Diệp Lang, Lệ Thủy, Ngọc Giàu... chẳng khác gì một đội bóng có Lê Huỳnh Đức, Nguyễn Hồng Sơn, Trần Công Minh, Đỗ Khải, Văn Sỹ Hùng... Chỉ tiếc là đoàn 284 giải thể quá sớm, mà tài năng cải lương các thế hệ tiếp theo lại lác đác như lá mùa thu. Ở điểm này, cải lương cũng rất giống với bóng đá.

Không có giọng ca hay thì không thể có cải lương, cũng như không có bột thì không thể gột nên hồ. Tôi đón ly rượu từ tay bạn, nốc vào thấy cay xè, vì đang mãi nghĩ không biết đến bao giờ cải lương mới khôi phục lại được vị trí xứng đáng trong lòng người hâm mộ.

Cuốn băng cassette nhà hàng xóm đang quay lại từ đầu. Vẳng bên tai tôi là giọng ca mộc mạc đầm ấm của danh ca đất Trà Ôn “*Chiều này tôi chẳng bán đầu. Tìm cô không gặp... ờ... ơ... tôi gói đầu mỗi đêm... ơ...*”. Các đoàn cải lương lẽ nào rồi cũng thế: Giọng ca hay không có, đành phải “gói đầu mỗi đêm” để mơ về dĩ vãng?

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 31-3-2002

từ quạt Cophaco đến... quạt ba tiêu

Gần Tết, lôi đồ đạc trong nhà ra chùi rửa, loay hoay thế nào tôi lại làm rớt cái quạt treo tường xuống đất. Thế là phải khệ nệ xách cái quạt Cophaco ra bác thợ quen gần nhà nhờ sửa chữa. Đang mò hôi mò kê nhể nhại tha cái quạt ngang qua một cửa hàng nọ, nhác thấy mấy cái quạt giấy sặc sỡ treo trước cửa tiệm, tôi bỗng muốn vút quách cái cục sắt trên tay vào thùng rác. Ủa nhỉ, cái quạt giấy nhẹ tênh thế kia sao không mua, sắm chi cái quạt máy nặng ì để bây giờ phải khổ với nó.

Ngó lên mấy cái quạt kia lần nữa, thấy cái nào cái nấy kích cỡ to đùng, trên mặt quạt vẽ đủ thứ tranh phong cảnh, mới sực nhớ loại quạt này là để trang trí trong nhà chớ chắc không phải để... quạt. Thì ra cái quạt máy chỉ cốt để... quạt cho mát, chứ cái quạt truyền thống đôi khi còn làm chức năng của một bức tranh. Ờ, đúng rồi, người xưa không chỉ vẽ tranh mà còn đề thơ trên quạt: thi-họa gồm đủ. Rồi nhớ người xưa (à quên, cả người nay nữa) còn dùng quạt để múa, mới nhớ nó liên quan đến cả âm nhạc và vũ đạo.

Như vậy cái “quạt tay cầm” thoát trông có vẻ tầm thường kia gắn bó với văn học nghệ thuật mật thiết biết chừng nào. Gắn bó còn ở chỗ: những người kể chuyện dạo thời xưa chỉ với một cái quạt trên tay mà diễn tả đầy đủ sắc thái tình cảm của con người: quạt che lên mặt để tả thiếu nữ thẹn thùng, e ấp, xếp quạt đập lên lòng bàn tay là giận dữ bực mình, phát vào bụng người nghe là ra điều sát phạt binh đao...

Nhắc đến hai chữ “binh đao” mới nhớ cái quạt không chỉ gắn gũi với văn mà còn ruột rà với võ. Tuy không được liệt tên trong thập bát binh khí, nhưng xem trong phim đọc trong sách, thấy cao thủ thời xưa vẫn không ít người dùng quạt làm vũ khí, trong trường hợp đơn đả độc đấu, quạt gọn nhẹ, tiện dụng khi quét, đánh, đỡ, điểm. Để tăng phần hiệu dụng, cao thủ đúc quạt bằng kim loại, bộn gian ác còn giấu ám khí trong quạt, bấm cán quạt, ám khí bay ra như lông nhím, cắm vào người “tách, tách, tách...”. Xem phim *Ngọa hổ tàng long*, thấy Lý Mộ Bài khiển quạt vô cùng thiện nghệ.

Nhưng chuyên gia sử quạt phải kể đến Đạo soái Sở Lưu Hương, đệ nhất cao thủ giang hồ nhưng chưa bao giờ làm chết một người. Bỏi cao thủ dùng quạt khác với cao thủ dùng đao, thương, chùy, kích, phong thái phải ung dung, cử bộ phải nhẹ nhàng, xuất chiêu phải nho nhã, đẹp mắt, bị dồn vào thế phải chiến đấu thì đương nhiên cố thắng đối phương nhưng đánh sao cho máu đừng chảy đầu đừng rơi thì mới đúng là... dân chơi quạt. (Cái quạt máy ngày nay mà đem ra đánh nhau thì võ sĩ nếu không giống Trương Phi thì cũng ra Lý Quì là cái chắc). Nhưng cái quạt nổi tiếng nhất cổ kim chắc phải là cái quạt Ba Tiêu của Thiết Phiến công chúa trong truyện *Tây Du*. Quạt tắt núi lửa thì phải biết nó lợi hại cỡ nào. Chả thế mà Tôn Ngộ Không lon ton gây sự bị quạt một phát bay tới mấy vạn dặm, thiếu điều rớt luôn ra ngoài trái đất.

Bàn đến phong thái của người sử quạt, lại nhớ đến phim *Khang Hy vi hành*, thấy rõ ràng ông vua có cách sử quạt nghiêm cẩn, ra khí độ của kẻ ngồi trên ngôi cửu ngũ, dân dã có cách cầm quạt của dân dã mà phùng côn quang cũng có cách dùng quạt của riêng mình. Cho nên khi Khang Hy muốn trà trộn vào bọn sản xuất thuốc giả để điều tra, buộc phải học cách dắt quạt vào cổ áo như... dân chơi cầu Ba Cẳng để dễ bề tiếp cận đối tượng. Và lạm cái thói du côn đầu đường xó chợ đến mức khi trở về bản lai diện mục của một ông vua rồi, vẫn quen cái thói đi đứng khệnh khạng và dắt quạt vô cổ áo như một tên du thủ du thực khiến bọn hầu cận thiếu điều muốn xỉu.

Suy ra, cái quạt nó nói lên nhiều điều về con người. Chẳng thế mà Khổng Minh thời xưa cố tình chơi xì-tin quạt lông, cho đúng phong độ của bậc kinh luân quyết thắng ngoài ngàn dặm. Cái quạt thăng Bờm bọc lộ sự hồn nhiên, trong trẻo, cái phẩm chất thật thà trung hậu của người nông dân. Cái quạt trong chuyện tiểu lâm “*O, mồ hôi trên người tao đi đâu cả rồi? - Bẩm ông, nó qua hết bên mình con ạ*” nói lên sự phân biệt giai cấp hàm ý nghĩa phê phán, thậm chí tố cáo. Còn câu chuyện người vợ quạt mồ trong *Trang Tử cổ bồn* đích thị là lời than thở về thế thái nhân tình.

Bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương từng cảm hứng về cái quạt:

*“Chành ra ba góc da còn thiếu
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa”.*

Bà khoái cái quạt đến mức làm một bài chưa đã, phải viết thêm bài nữa cho hết ý:

*“Càng nóng bao nhiêu thời càng mát
Yêu đêm không phỉ lại yêu ngày”*

Trong khi thơ nữ sĩ họ Hồ đậm hình ảnh sinh thực tảo bạo thì cái quạt trong thơ Huy Cận là cánh tay nối dài của trái tim:

*“Sợ buồn con nhện giăng mau
Em ơi hãy ngủ... anh hầu quạt đây
Lòng anh mở với quạt này
Trăm con chim mộng về bay đầu giường”.*

Nghĩ lan man tới đây, tôi cúi xuống cái quạt máy gãy cổ đặt dưới đất này giờ, giật mình thẫn nhủ: May mà thi sĩ Huy Cận không quạt cho người yêu bằng cái quạt vù vù này, nếu không chắc bài thơ tuyệt tác *Ngâm ngợi* chả bao giờ ra đời cho bao cặp tình nhân ngâm ngợi.

Tôi nhắc cái quạt máy lên, tự nhiên ước phải chi có thể thu nhỏ nó lại như quạt Ba Tiêu của Ngưu Ma Vương phu nhân để ngâm trong miệng mang đi cho khỏe cặp giò. So với cái quạt của Khang Hy, của Lý Mộ Bài, của thằng Bờm, cái quạt ở thế kỷ 21 vẫn nặng nề hơn, lại không thơ không nhạc không họa không văn không võ. Nó chẳng gây được chút xú “trữ tình ngoại đề” nào, chỉ chăm chăm làm sao cho... mát. Chức năng của nó đã được “chuyên môn hóa”. Thời hiện đại, cái quạt chỉ là một cái quạt. Bây giờ, trời nắng đã có nón Nike, nón Guess, cầm tay đã có túi Elle, túi Black Paw, tâm sự thoải mái đã có Eriksson, Nokia. Chứ cái quạt đâu còn như ca dao nói:

*“Nắng thì em lấy che đầu
Khi bức em quạt, đi đâu em cầm
Ra đường gặp bạn tri âm
Quạt che lấy miệng thì thầm nhỏ to”.*

Ôi, xa lắc rồi ca dao!

Tuần san Sài Gòn Giải Phóng thứ bảy, 4-2002

những mùa world cup

World Cup 1982 ở Tây Ban Nha, anh ngồi xem giải bóng đá thế giới qua chiếc tivi đen trắng đặt trong nhà bảo vệ của một đơn vị Thanh niên xung phong. Lúc đó anh còn là một chàng trai trẻ, độc thân vui tính, vai còn khoác áo màu cây rừng, ngồi chen vai thích cánh cùng đồng đội hò reo ồm tỏi trong căn phòng chừng 14 mét vuông. “Đội bóng ngoài hành tinh” Brazil của Zico, Socrates, Falcao bị loại tức tưởi bởi sát thủ Ý Paulo Rossi ở vòng hai khiến anh rơi nước mắt.

World Cup 1986 ở Mexico, lấy vợ được một năm,

vẫn ở nhà tập thể Thanh niên xung phong tuốt lên tầng lầu thứ bảy của một chung cư không có thang máy, anh cùng đồng đội hân hoan chào đón sự lên ngôi của ông vua mới Maradona trên màn ảnh truyền hình màu đã bắt đầu phổ biến. Hai bàn thắng vào lưới đội Anh, một bàn của thiên thần một bàn của quỷ dữ, báo hiệu một tương lai nhiều vinh quang nhưng cũng lắm cay đắng của ngôi sao Argentina này. Đó cũng là năm anh sắm được chiếc xe gắn máy đầu tiên trong đời. Một chiếc Vélo Solex cọc cạch, thường xuyên bị tắt máy nửa chừng. Gã họ Đỗ, bạn anh, mượn xe chạy một ngày, tối dắt về trả, mồ hôi mồ kê đầm dề, lắc đầu than thở: “Đó chẳng qua là chiếc xe đạp có đèn thêm cục sắt tổ bố phía trước để hành xác người đạp thôi”.

World Cup 1990 ở Ý, anh đã là một ông bố của đứa con năm tuổi. Lần đầu tiên trong đời, xem bóng đá anh phải dặn volumn thật nhỏ. Lần đầu tiên anh chỉ dám reo khê, hét thảm và trầm trồ trong cổ họng. Lần đầu tiên anh biết có một điều còn quan trọng hơn bóng đá: giấc ngủ bình yên của trẻ thơ. Vả lại, chất lượng giải 1990 suy cho cùng cũng không đáng hò reo. Đôi chân khập khiễng của Maradona đã tập tễnh vào tới trận chung kết và thua đội Đức một quả cho đến nay vẫn còn rất mù mờ.

World Cup 1994 ở Mỹ, bây giờ ngồi xem bóng đá bên cạnh anh có thêm một người đồng điệu: đứa con gái chín tuổi. Lần đầu xem giải bóng đá thế giới, *fan* nhí nhà anh ủng hộ cuồng nhiệt cho đội Brazil, không hiểu tại sao, mặc dù các trận đấu khuya, nó chỉ đủ



sức xem mỗi hiệp đầu. Suốt một tháng trời, sáng nào thức dậy anh cũng phải trả lời câu hỏi của con “Trận hôm qua, cuối cùng ai thắng hờ ba?”. Trận duy nhất nó xem đủ hai hiệp là trận chung kết Brazil thắng Ý bằng những quả luân lưu. Ở Los Angeles, cú sút hỏng của Roberto Baggio đã đưa “tóc đuôi ngựa thần thánh” xuống thành “kẻ tội đồ”. Và ở bên này nửa vòng trái đất, đứa bé chín tuổi đã bắt đầu biết mua album: từ trang đầu tiên đến trang cuối cùng tràn ngập hình ảnh và những bài báo ca ngợi đội tuyển Vàng - Xanh. Anh vốn yêu đội Brazil từ trước, đến World Cup này, anh ủng hộ Brazil nồng nhiệt hơn nữa. Vì anh ủng hộ con anh, mặc dù khách quan mà nói, đội vô địch World Cup 1994 chơi một lối chơi không đáng cổ vũ chút nào.

World Cup 1998 ở Pháp, bé con nhà anh đã là cô gái mười ba tuổi, học chương trình song ngữ Pháp - Việt, yêu văn hóa Pháp, mơ lớn lên đi du học ở Pháp nhưng... ghét đội tuyển Pháp cay đắng. Chỉ vì đội tuyển Pháp phạm một lỗi lầm tày trời: hạ gục đội Brazil 3-0 trong trận chung kết ở Saint-Denis. Zidane bị ghét nhất, vì Zidane chơi hay nhất. Lần đầu tiên anh biết thế nào là nỗi buồn của người hâm mộ bé con. Sau khi đau khổ chứng kiến trận chung kết tệ hại đó, con gái anh chui vào góc nhà khóc rưng rức và không trò chuyện với bất cứ ai trong một tuần lễ liền. Tất cả các báo thể thao, các tờ tin nhanh ra sau ngày chung kết, anh chỉ dám đọc qua loa rồi lén lút liệng vào thùng rác. Anh không muốn con anh nhìn thấy

hình ảnh đội Pháp đang quang bên cạnh đội Brazil ủ rũ hay đọc thấy những bài ca ngợi “kẻ thù” của nó lên mây. Lần thứ hai anh biết có điều quan trọng hơn bóng đá: nỗi buồn của trẻ thơ.

Khi anh viết những dòng này, lại một mùa World Cup nữa sắp về. World Cup 2002 Hàn - Nhật. Thế là đã 5 mùa World Cup trôi qua. Cũng là 20 năm đã trôi qua, một quãng thời gian đủ để chuyển giao một thế hệ. Chàng trai trẻ ngày nào bây giờ đang ngồi ôn lại những mùa World Cup của riêng mình. Nói khác đi, đang ôn lại những kỷ niệm trong đời mình qua những mùa World Cup. World Cup sắp tới đây, sẽ có những kỷ niệm nào đáng nhớ nữa chăng? Còn không đây một tháng nữa, anh bắt đầu mơ mộng.

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 5-5-2002

cái thú đọc quảng cáo

Chị ít khi bước ra khỏi nhà. Chiều chiều chị chỉ ra ngồi chơi ở chiếc bàn kê trước quán ăn nhỏ trong hẻm. Chị ngồi đó, phụ thằng con coi xe cho quán mỗi khi thằng nhóc có việc chạy đi đâu đó. Rảnh rỗi, chị mượn xấp báo trong quán, ngồi đọc để giết thì giờ.

Hôm rày trời mưa, tôi định mua cái mái che, che trước hiên nhà. Điện thoại tới chỗ bán hỏi, người ta cho giá một triệu rưỡi, bảo nếu đồng ý thì chiều chở tới. Tôi khoe chị, chị gạt ngang: “Tụi nó ba xạo đó. Cái mái che có tám trăm ngàn hà!”. Tôi ngạc nhiên: “Sao chị biết? Bộ chị có người quen sản xuất mái che hả?”. Chị chỉ vô tờ báo trên tay: “Tui đọc trong này nè. Người ta quảng cáo hà rầm”. Nhờ chị, bữa đó tôi mua cái mái che rẻ được phân nửa tiền.

Hôm khác, bạn tôi tới chơi, than chuyện định mua căn nhà nhỏ mà tìm hoài chưa ra. Chị nghe chuyện, sốt sắng giới thiệu một lô một lốc địa chỉ: Nhà trệt cũng có, nhà lầu cũng có, hộ chung cư cũng có. Nhà ở tứ xứ: quận 1, quận 3, Gò Vấp, Bình Chánh, có những căn ở tuốt quận 9, quận 12. Chị thao thao: Căn này 130 lượng SJC, căn kia 62 lượng, căn nọ 80 lượng. Rồi đất nữa. Đất chỗ này 2,3 triệu một mét vuông, bao sang tên giấy tờ, đất chỗ kia có sáu trăm ngàn một mét. Nghe chị ngây ngất liệt kê một hồi, tôi muốn xây xẩm mặt mày, tưởng chị là cò đất cò nhà chi đây. Còn bạn tôi thì mua được nhà, lại đúng căn nhà phù hợp với túi tiền eo hẹp của mình.

Hỏi chị, chị lại chỉ tay vô tờ báo: “Cò vạc chi! Tui coi trong này chớ đâu!”.

Từ đó trở đi, tôi bắt đầu để ý và ngạc nhiên nhận thấy chị đọc những trang quảng cáo rất kỹ lưỡng, chăm chú, có thể nói là chí thú nữa. Mấy trang nội dung chị cũng đọc, nhưng đọc qua loa, đến khi đọc mấy trang quảng cáo, nét mặt của chị thay đổi hẳn, mày nhíu lại, thỉnh thoảng gật gù hoặc lắc đầu thờ dãi, nghĩa là không những rất tập trung mà dường như còn vui buồn với nhân tình thế thái qua... việc giá đất lên xuống, việc giải thể các công ty hay cấm cảnh trước chuyện những sinh viên tốt nghiệp vác đơn đi tìm việc tràn lan.

Từ khi để ý quan sát, tôi phát hiện không ít người khoái đọc các trang quảng cáo giống như chị. Trong khi những người khác mua tờ báo về, việc đầu tiên là

rút xấp quảng cáo vút sang một bên để đọc trang nội dung cho nhẹ, thì những người như chị lại làm ngược lại: vút mấy trang nội dung qua một bên để đọc sau, chúi mũi vào trang quảng cáo đọc trước.

Có gì trong các trang quảng cáo? Một hôm tôi tò mò lôi một xấp quảng cáo ra bắt chước chị và những người như chị, chăm chú đọc. Và nhận ra la cà trong các trang này đúng là có cái thú của nó. Bước vào trang quảng cáo y như bước vào các siêu thị, thứ gì cũng có, hàng hóa bày biện ê hề. Còn hơn siêu thị ở chỗ người ta còn bày bán cả nhà cửa đất đai, xe cộ các loại, vào “siêu thị” này không phải mất công gửi xe, không phải chen lấn với ai và khi đi ra cũng không phải... tốn một xu nào. Cho nên người ta rề rà ở siêu thị thế nào thì cũng rề rà ở đây y như vậy.

Thực ra, nội dung của các trang quảng cáo trên báo phong phú, bao la hơn siêu thị nhiều, vì không chỉ giới thiệu sản phẩm mà còn bao gồm cả các hoạt động đa dạng khác trong xã hội như du lịch, việc làm, tuyển dụng, y tế, học tập, các sinh hoạt thể thao và nghệ thuật, v.v... Chỉ đọc các trang quảng cáo là biết đã sắp đến Quốc Khánh, Trung Thu, Tết Nguyên Đán, SEA Games, Tiger Cup hay World Cup, biết ban nhạc hay tài tử nước ngoài nào sắp qua Việt Nam, bộ phim nào sắp chiếu, vở kịch nào sắp diễn...

Các trang quảng cáo, như vậy, đã đáp ứng cái nhu cầu thiết thân của con người là nhu cầu được thông tin, được hóng chuyện. Không cần mục đích, không cần đề tài hay chủ đề, người khoái đọc các trang quảng

cáo khi tiếp nhận các thông tin đủ loại trên trời dưới đất chắc cũng cảm thấy lý thú như khi đang ngồi trò chuyện cà kê dê ngỗng với mấy bà hàng xóm. Cái nhu cầu đó là có thật, và có lẽ nó bắt nguồn từ một nhu cầu khác sâu xa hơn: nhu cầu được ở giữa cộng đồng, được giao tiếp với cộng đồng, dù là giao tiếp qua... trang quảng cáo. Điều đó cắt nghĩa tại sao các du học sinh hay công nhân lao động xa xứ thêm đọc báo tiếng Việt ghê gớm, và các trang báo được đọc một cách ngẫu nhiên kia tất nhiên có cả... những trang quảng cáo.

Thiết tưởng những trang quảng cáo ít nhiều cũng phản ánh xã hội dưới khía cạnh đặc biệt của nó, đó là sinh hoạt xã hội thu nhỏ dưới hình thức... quảng cáo. Cho nên cái xã hội đó, hay cái trang quảng cáo đó, nhất thiết phải có văn hóa, ít nhất là ở chỗ không nói dóc, không bịa đặt, không cường điệu, không đại ngôn, không treo đầu dê bán thịt chó, hay treo thịt dê non mà bán... thịt dê cụt. Chắc chắn có người vì xem vì nghe quảng cáo mà té lộn cổ khi đi cáp treo ở khu du lịch này, bị nổ banh ta lông vì mua phải bắp ga mini xạc lại ở chỗ sản xuất kia, bị đập mặt khi mua máy tập thể dục ở đơn vị trời ơi nọ.

Quảng cáo phải có văn hóa, hay nói rõ ra, nếu không có văn hóa quảng cáo thì có ngày bà chị khoái đọc các trang quảng cáo trước hẻm nhà tôi sẽ bị chửi te tua nếu chẳng may một hôm mái che nhà tôi bị lủng, hay tệ hại hơn căn nhà của bạn tôi sập xuống làm bạn tôi móp xẹp cái đầu!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 1-9-2002

cảm ơn sân khấu

1 Chở con đến lớp học thêm ở IDECAF, tôi chui vào sân khấu kịch cạnh đó để chờ giờ tan học đón con về. Đã lâu lắm, tôi mới bước vào một rạp kịch, dù trước đây tôi là người khá gắn bó với sân khấu. Lần cuối cùng tôi đi xem kịch là năm 1997, tôi còn nhớ lần đó Sân khấu 5B Võ Văn Tần đang diễn vở *Dạ cổ hoài lang* do Thành Lộc, Việt Anh, Hồng Vân thủ vai.

Còn hôm nay, sân khấu IDECAF diễn vở *Sông dài* của soạn giả Hà Triều - Hoa Phượng. Lúc tôi bước vào, màn nhung chưa mở, ánh sáng trong phòng chưa tắt, nhạc chưa thổi, dây đèn folo trên cao chưa chớp nháy,

nhưng chỉ mới đặt chân qua ngưỡng cửa khán phòng và lướt mắt qua những dãy ghế lô nhô khán giả thôi, lòng tôi đã cảm thấy nôn nao rồi.

Tôi ngồi vào đúng số ghế của mình, thế ngồi cũng tự dung trang trọng khác thường. Và đến khi đèn trong phòng vụt tắt, âm nhạc dìu dặt cất lên và bức màn nhung từ từ mở ra thì tôi có cảm giác rõ ràng tôi đang bước vào một thế giới khác.

Cái thế giới nghệ thuật do sân khấu tạo ra cũng có nam phụ lão ấu đi đi lại lại, ăn uống nói cười; họ ăn những thứ chúng ta vẫn ăn, uống những thứ chúng ta vẫn uống, những lời nói của họ cũng giống như những gì chúng ta vẫn nói ngoài đời thường, nghĩa là không có gì triết lý cao xa hay bí mật hiểm hóc lắm, nhưng không hiểu sao vẫn khiến tôi cảm thấy đó là một thế giới tráng lệ và sang trọng lạ lùng. Tráng lệ và sang trọng ngay cả khi đang đi lại trong cái thế giới đó là một anh Niềng xấu xí, dị dạng, một cô Lụa mù lòa, chân què.

2 Trong đêm nay, tôi rất vui khi gặp lại Thành Hội trong vai ông Hai Tất. Anh vẫn xuất sắc như ngày nào anh đóng vai Út Hồn (*Cơn mê cuối cùng*) hay ông Năm Biền (*Chuyện bây giờ mới kể*). Qua những vở diễn mà tôi đã có dịp xem, tôi cho rằng Thành Hội và Tấn Thi là hai nghệ sĩ đóng vai ông già Nam bộ

xuất sắc nhất, dù so ra Thành Hội diễn chân phương, giản dị và kiệm động tác hơn.

Thanh Thủy là một nghệ sĩ mà tôi luôn yêu mến. Tôi thích chị qua hầu hết những vai chị đóng (trong *Chuyến xe cuối cùng*, *Niềm thương trong sâu xa...*), thậm chí ngay từ vai ra mắt của chị trong vở *Chuyện ngụ ngôn năm 2000*. Có lẽ Thanh Thủy là một trong số vài diễn viên sân khấu có cái duyên đầm thắm tự nhiên. Không hiểu sao cứ mỗi lần xem chị đóng xuất sắc các vai trẻ vai già, tôi lại liên tưởng đến nghệ sĩ tài hoa Ngọc Giàu. Hôm nay, một lần nữa chị lại làm tôi cảm động qua vai cô Lụa hồn nhiên, chất phác nhưng lắm nỗi oan tình.

Sông dài hẳn không phải là vở hay nhất của soạn giả Hà Triều - Hoa Phượng. Xét về tầm vóc, dung lượng và ý nghĩa xã hội, *Sông dài* không thể sánh với *Đời cô Lụa* của Trần Hữu Trang. Gần với *Tô Ánh Nguyệt*, *Nửa đời hương phấn* hơn, *Sông dài* đặt ra vấn đề đạo lý làm người, cái truyền thống của một vùng đất trọng đạo nghĩa, thể hiện rất rõ trong Kịch nói Kim Cương. Trong văn học, truyền thống này đi từ Nguyễn Đình Chiểu qua Hồ Biểu Chánh tới tận các tác giả hiện đại.

Không phải là vở hay nhất của Hà Triều - Hoa Phượng nhưng *Sông dài* đã khiến khán giả đầy kín rạp đêm nay phải xúc động đến ngấn ngò, phải chẳng là nhờ vào dàn diễn viên tài năng IDECAF. Bên cạnh Thành Hội và Thanh Thủy là Thành Lộc, Tú Trinh, Hữu Châu.

Cũng phải năm năm, từ vở *Dạ cổ hoài lang*, tôi mới xem lại Thành Lộc trên sân khấu. Anh vẫn tài hoa như ngày nào, diễn như không, như chẳng gắng sức và khả năng hóa thân thật tuyệt vời. Tôi xem Thành Lộc đóng vai anh chàng Niềng có đến mười lăm phút, mới nhận ra đó là anh. Chi tiết này khiến tôi nhớ lại ở Liên hoan sân khấu nhỏ thành phố lần thứ nhất diễn ra cách nay khoảng mười lăm năm, Thành Lộc đã khiến khán giả lẫn anh em trong nghề phải ngả nón bái phục khi anh tham gia tới 21 vở, với đủ loại nhân vật, đủ loại hoàn cảnh, đủ loại tâm trạng, đủ loại tuổi tác... Mà vai nào anh diễn cũng hay, cũng độc đáo, từ anh chàng mù Inacio (*Trong hào quang bóng tối*) qua lão già (*Một cuộc đời bị đánh cắp*) đến cậu bé loắt choắt (*Sân ga tình người*)... Báo chí đã nói nhiều về Thành Lộc, về các vai diễn ấn tượng của anh như Chu Xung trong *Lôi vũ* hay ông Tư trong *Dạ cổ hoài lang*. Riêng tôi, không hiểu sao mỗi lần nghĩ đến anh, tôi lại nhớ tới vai chàng nông dân bay bướm Maskêep trong vở *Trên mảnh đất người đời* với các điệu nhảy Nga, gót giày va lốp cốp nghe vui tai lạ lùng.

Đêm nay Thành Lộc trong vai anh chàng Niềng xấu xí có tấm lòng cao thượng nhưng gặp phải một mối tình quá đối éo le đã khiến người xem rung rung nước mắt. Cái lối múc nước rửa chân mỗi khi bôi rối, cái kiểu vắt ống quần người yêu cho ráo nước hay kiểu bọc lộ niềm vui bằng cách công cô Lượm mù lòa chạy

quanh đồng rom - những cách diễn vô cùng ngẫu hứng nhưng lại hợp lý đến mức tài tình một lần nữa cho thấy tài năng kỳ lạ của anh.

Tú Trinh và Hữu Châu đêm nay không có đất diễn nhưng bằng phong độ của mình đã góp phần đáng kể cho sự thành công của *Sông dài*.

3 Tôi ngồi xem Thành Lộc, Thành Hội, Thanh Thủy, Hữu Châu một hồi, chợt nhớ trước và sau họ một chút có biết bao nhiêu nghệ sĩ tài năng: Minh Hoàng, Khánh Hoàng, Hồng Vân, Hồng Đào, Việt Anh, Kim Xuân, Minh Phượng, Ái Như, Tấn Thi, Tấn Thành... Đó quả là thế hệ vàng của sân khấu thành phố. Giống như thế hệ vàng bên bóng đá của những Võ Hoàng Bửu, Huỳnh Quốc Cường, Nguyễn Hữu Đang... Và cũng như bên bóng đá, các thế hệ tiếp theo trong sân khấu tiếc thay không có được sự nở rộ tài năng như thế. Âu đó cũng là điều đáng ngẫm nghĩ.

Con sông nghệ thuật cũng là *sông dài*, nhưng mong rằng đừng có cảnh *cá lội biệt tăm*. Để tôi còn được những đêm hạnh phúc như đêm nay. Để bước ra khỏi “nhà hát của những giấc mơ” tôi còn quay lại thì thầm: Cảm ơn sân khấu!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 28-7-2002

cô bé Xiu Quầy

Dãy nhà tôi ở thuộc khu phố người Hoa. Đây nhà hai tầng, cũ kỹ, người Chợ Lớn vẫn gọi là phố Tàu. Hàng xóm láng giềng toàn là bà con người Hoa: A Hương, A Lìn, A Mãnh, A Bình... Đây hành lang thông từ nhà trên xuống nhà bếp được xây theo kiểu xưa, cứ hai nhà một đầu mặt vào nhau; ngồi ăn cơm, ngồi làm việc hay đi tắm bên này đều nghe nhà bên kia trò chuyện, cãi nhau, tất nhiên toàn bằng tiếng Quảng, tiếng Tiều, tiếng Bắc Kinh...

Nhà tôi ở trên lầu, muốn vào phải theo một con hẻm cụt dẫn lên cầu thang. Đầu hẻm là quầy bán nước ngọt,

thuốc lá... của A Phò. Trong cái khu phố người Hoa ở chỗ tôi, có lẽ A Phò là người tôi trò chuyện nhiều nhất, vì ngày nào tôi cũng ghé cái quầy bình dân nho nhỏ đó mua một gói thuốc lá, một thỏi chewing-gum hay uống một ly sữa đậu nành.

Riết rồi quen, A Phò dần dà dạy tôi vài câu tiếng Quảng Đông để thỉnh thoảng “xổ” ra với hàng xóm lấy le. Buổi sáng thì bập bẹ “*Chủ xành*” (Chào buổi sáng), trưa thì hỏi “*Xực phàn mì?*” (Ăn cơm chưa?), tối trông bộ đồ bánh tòn vò người “*hui cái*” (đi chơi). “*Hui cái*” một vòng rồi quay về “*phán xể phan cao*” (về nhà đi ngủ).

Bên cạnh những câu nói chơi có tính cách xã giao đó, tôi còn học thêm những câu phục vụ trực tiếp cho “công việc”: “*Mại pỉ ngô xám chí dín*” (bán cho tôi ba điếu thuốc), lại là thuốc “*xám co ượng*” (ba số 5) đảng hoàng. Lúc gặp phải thế kẹt, tôi cũng có được một câu phòng thân “*Xê xô, thính dạch pỉ*” (mua thiếu, mai trả tiền).

Dĩ nhiên bà con người Hoa ở khu phố tôi vẫn nghe và nói tiếng Việt trôi chảy (tất nhiên là nói hơi lơ lơ như ta đã biết), và vốn liếng “ngoại ngữ” học từ A Phò của tôi chỉ đủ để mua dăm điếu thuốc, thốt vài câu chào chứ đâu có dùng vào chuyện “đại sự” gì được. Nhưng dù sao, sáng ra cầm bàn chải ống kem đi dọc hành lang, ngó sang nhà bên kia, thấy A Mãnh, A Lìn, toét miệng ra cười và “*Chủ xành*” một tiếng, lòng bỗng thấy vui vui. Cái vui thân tình, hội nhập.



Mồng ba Tết vừa rồi, tôi ghé nhà A Phò, để thăm viếng đầu năm và cũng cốt để nói câu “*Co xánh nìn*” (Chúc mừng năm mới) vừa học được. Nhưng vừa bước chân qua khỏi cửa, tôi bỗng khựng lại vì ngạc nhiên. Đập vào tai tôi là tiếng đọc sách rõ ràng, lưu loát. Từ nhà sau, giọng một bé gái vọng ra vang vang “*Thôi u không ăn, để phần cho con. Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi. U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn cho thật no, không phải nhường nhịn cho u...*”. Tôi nhận ra đó là đoạn văn trong truyện *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố. Giọng đọc tròn trịa, rành rọt khiến tôi thắc mắc: Ai thế kia? Nhà A Phò thì tôi đâu có lạ: Ngoài A Phò, còn con bé Xiu Quây và hai người dì mà Xiu Quây vẫn gọi là Lục Dí và Ừng Dí. Chẳng lẽ A Phò có một đứa cháu người Việt?

“Ai đọc sách trong nhà thế A Phò?”. Cuối cùng, không kềm được, tôi buột miệng hỏi. “Xiu Quây đó”. Xiu Quây? Tôi như không tin vào tai mình. Và khi A Phò dắt tôi ra nhà sau thì đến lượt tôi không tin vào mắt mình: Quả là Xiu Quây đang ngồi đọc sách đằng bàn. Xiu Quây là con bé lâu nay tôi vẫn khoái chí “xổ” tiếng Tàu với nó, hôm mồng một gặp ngoài đầu hẻm, tôi còn xoa đầu nó, hỏi “*Cấm nìn nị kỷ xôi?*” (Năm nay cháu mấy tuổi?); tôi đâu có biết nó giỏi tiếng Việt... không kém gì tôi.

Thấy tôi có vẻ ngỡ ngàng, A Phò giải thích “Nị không biết hả, con ngộ học lớp 8 rồi đó”. Xiu Quây học lớp 8. Xiu Quây học trường Trần Bội Cơ, là học sinh khá. Và tên nó là Từ Tiểu Huệ, tiếng Quảng

phát âm là Xiu Quây. Mỗi một lúc, tôi mới biết tất cả những điều đó. Tôi cầm cuốn *Tất đèn* lên, hỏi “Truyện này hay không cháu?”. “Dạ hay”. Xiu Quây hớn hở khoe “Trong chương trình ở trường, cháu chỉ được học có một đoạn *Con có thương thầy thương u* nên cháu mua sách này để đọc nguyên cuốn”. Tôi cười “Tết mà cháu không đi chơi à?”. Xiu Quây cũng cười “Cháu chơi ít thôi. Cháu thích đọc sách hơn. Hơn nữa, cô giáo bảo học kỳ 2 sẽ thi phân tích nhân vật chị Dậu nên cháu phải chuẩn bị”.

Xiu Quây đáp lời tôi bằng thứ tiếng Việt sáng sủa, khúc chiết và phát âm không hề lơ lớ như mẹ và các dì của nó. Tôi lướt mắt qua tờ báo *Mực Tím* và những cuốn truyện tranh đang bày cạnh chồng tập trên bàn rồi quay lại âu yếm nhìn Xiu Quây như nhìn một phát hiện, và trong một thoáng chợt nhận ra điều ngộ: trong khi tôi nhiệt tình hòa nhập vào cái cộng đồng người Hoa bé nhỏ ở khu phố tôi thì cư dân người Hoa ở Việt Nam cũng đang từng ngày từng giờ nhiệt tình và âm thầm hòa nhập vào cộng đồng rộng lớn của đất nước tôi.

Bất giác, tôi cảm động nhớ đến nhà thơ tài hoa Hồ Dzếnh trước đây và Lý Lan, Lưu Thị Lương, các bạn văn hiện nay của tôi, những cây bút người Hoa đã dốc tâm tình góp vào nền văn học của một đất nước đã trở thành xứ sở.

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 3-3-2002

ngôn ngữ của chat

Một trong những trò giải trí được ưa thích và khá thịnh hành trong giới trẻ bây giờ là *chat*, còn gọi là *tán gẫu* trên internet. Có khá nhiều bạn trẻ ngồi lì trước computer ở các dịch vụ cho thuê vi tính hằng giờ (các bạn có máy riêng ở nhà còn ngồi lâu hơn nữa) chỉ để trò chuyện với những người quen và không quen (có vẻ như hầu hết thuộc diện “trước lạ sau quen”).

Bài viết này không đề cập đến khía cạnh xã hội của thú chơi này, nên sẽ không nói nhiều đến nội dung và các tác động của *chat*. Trong phạm vi một bài tản

mạn, người viết chỉ giới hạn trong việc ghi nhận cách sử dụng từ ngữ khi *chat* và đôi điều cần lưu ý về ảnh hưởng của nó với giới trẻ.

Tán gẫu (giữa hai người hoặc nhiều người) đôi khi hướng tới những đề tài nghiêm chỉnh, nhưng thông thường là nói những chuyện vu vơ, ngẫu hứng, thù tạc bông lơn trong đó pha trộn những câu chọc cười, những trò trêu ghẹo hoặc có lúc khiêu khích; nói chung một nhóm bạn rảnh rỗi ngồi kháo nhau đủ chuyện trên trời dưới đất thì gọi là “tán gẫu”. *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học định nghĩa “tán gẫu” là “nói toàn những chuyện không đâu chỉ để vui đùa” cũng có ý na ná như thế. Mà đã gọi là kháo chuyện thì không ai lại nói năng mực thước, rề rà, đủng đỉnh, nói như vậy buồn chết. Phải đối đáp, tung hứng nhanh nhẩu, giòn giã, phải “nổ như bắp rang” thì mới “khí thế”!

Tán gẫu qua mạng không thể “đốp chát” bằng tán gẫu qua... miệng, thiếu không khí ồn ào náo nhiệt đã đành, tốc độ gõ phím cũng không thể nhanh bằng tốc độ lời nói. Để khắc phục điều này, dân *chat* mới chế ra hàng mớ ký hiệu bằng tiếng động và hàng mớ ký hiệu khác bằng hình ảnh (chủ yếu là gương mặt) để biểu hiện mọi trạng thái hỉ nộ ái ố của người *chat* hòng tăng phần sôi động. Và để cho cái sự “tán gẫu qua mạng” theo kịp tốc độ của “tán gẫu qua miệng”, nghĩa là để tốc độ của chữ viết nhanh bằng lời nói, dân *chat* toàn cầu mới nghĩ ra cách viết tắt.

Thành thật mà nói, trò viết tắt của dân *chat* đáng kể là... kinh hoàng. Thử đọc một đoạn *chat* trong forum của giới trẻ Pháp, chắc chắn mắt ta sẽ lé xệ: *J'ai bien* thành *g*, *c'est* → *c*, *salut* → *slt*, *tout* → *tt*, *que* → *ke*, *qui* → *ki*, *quand* → *kan*, *quelque* → *kelke*, *pendant* → *pd*, *depuis* → *dp*, *il faut que* → *fo ke*, *exercice* → *exo*, *pauvre* → *povre*, *petit* → *ptit*, *beau* → *bo...* Câu làm quen trên mạng còn kinh dị hơn nữa: SAV?, có nghĩa là “*sexe, âge, ville?*” (bạn là trai hay gái? mấy tuổi? sống ở đâu?). Các thầy cô giáo dạy Pháp ngữ cách đây mười năm mà đọc thấy những câu văn được viết theo lối này chắc chắn sẽ không hiểu được, thậm chí không nhận ra đó là chữ nước nào. Nói thế là còn dè dặt chứ e rằng các giáo viên Pháp ngữ bây giờ gặp các “ký hiệu lạ lùng” này chắc cũng khóc thét.

Các lối viết tắt của dân *chat* Anh ngữ còn phong phú hơn nữa, nghĩa là kinh hoàng hơn nữa, đến mức người ta phải soạn hẳn một cuốn từ điển dành riêng cho dân *chat*. Thôi thì không thiếu thứ kỳ quái gì ở trong đó: *at* → *@*, *to*, *too*, *two* → *2*, *four*, *for* → *4*, *today* → *2day*, *tomorrow* → *2MORO*, *be* → *B*, *before* → *B4*, *Bye For Now* → *B4N*, *Be Back Later* → *BBL*, *Be Home Late* → *BHL8*, *See You* → *CU*, *Call Me* → *CMi*, *See You Later* → *CUL8R*, *Good Luck* → *GUDLUK*, *Hate* → *H8*, *I See* → *IC*, *I Love You* → *ILU*, *Love* → *LUV*, *into* → *N2*, *any* → *NE*, *anyone* → *NEI*, *nothing* → *nufN*, *possible* → *po\$bl*, *people* → *PPL*, *cool* → *QL*, *Are You Coming* → *RU CMNG*, *shopping* → *shopN*, *someone* → *SUM1*, *thank you* → *THNQ*, *Yours For Ever* → *U4E*, *Wait For Me* → *W84M*, *hugs and kisses* → *XOXOX...*

Thật chẳng khác nào một khu rừng, và đối với người “ngoại đạo”, cái lối viết “tối ư giản lược” này chẳng khác nào một ngoại ngữ mới.

Dân chat Việt Nam, để hòa vào xu thế chung, dĩ nhiên cũng không chịu kém dù không phong phú bằng: *không* → *ko*, *qu* → *w*, *qua* → *wa*, *làm quen* → *lam wen*, *biết* → *bit*, *được* → *dc*, *đang* → *dng*...

Nói cho công bằng, viết tắt suy cho cùng là một hình thức tốc ký, nhằm viết cho nhanh, tự thân nó không có gì sai. Từ khi internet phát triển, thứ ngôn ngữ cụt lủn này bỗng nở rộ nhằm đáp ứng nhu cầu của loại hình giao tiếp mới: *chat*, và phần nào đó là *email*. Điều mà người viết bài này cho là đáng lưu ý, và đáng lo, nằm ở chỗ: những người tham gia *chat* hiện nay là giới trẻ, đại đa số là học sinh, sinh viên. Và trên thực tế, không ít bạn trẻ đã nhiễm luôn lối viết “bí hiểm” của ngôn ngữ *chat* vào bài làm ở trường (cả với tiếng Anh, tiếng Pháp lẫn tiếng Việt) đến nỗi thầy cô phải la trời. Một bà ngoại nhận thư cháu: “Chau wan tam ba, trui ui, ko bit ba khoe ko zay?” (“*Cháu quan tâm bà, trời ơi, không biết bà khỏe không vậy?*”), bà đọc xong chắc ai cũng biết, chỉ trừ cháu bà không “bit”, là bà... không những không khỏe mà còn xụi luôn là cái chắc!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 15-9-2002

thư pháp - nghệ chơi cũng lắm công phu

Cho đến bây giờ, mỗi lần đọc lại bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên, lòng tôi vẫn thấy buồn man mác:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua
Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay”*

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu...*

Vì bài thơ này mà các nhà phê bình văn học xếp Vũ Đình Liên vào khuynh hướng hoài cổ. Chữ viết được bao nhiêu người tấm tắc “như phượng múa rồng bay”, ông đồ trong thơ họ Vũ ắt là bậc tài cao.

Đọc lại Nguyễn Tuân, thấy ông Huấn Cao trong truyện *Chữ người tử tù* còn cao hơn một bậc. Ông Huấn là chính trị phạm thuộc loại nguy hiểm đối với triều đình, vậy mà viên coi ngục lại “khép nép hỏi ông Huấn: “Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều. Miễn là ngài đừng làm quá. Sợ đến tai linh tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài muốn gì xin cho biết. Tôi sẽ liệu”. Ông Huấn văng một câu khinh thị đến điều: “Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng tới quấy rầy ta”. Cứ tưởng một trận lôi đình sẽ nổ ra. Nhưng không, viên quan chỉ nói “Tôi xin lĩnh ý”, và nhã nhặn lui ra. Tại sao một viên quản ngục lại nhún mình trước một tên tử tù làm vậy? Chỉ vì Huấn Cao nổi tiếng trong thiên hạ là người viết chữ cực đẹp mà “sở nguyện của viên quan cai ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết”. Mới biết, chữ tốt cũng được trọng nể lắm thay!

Ông Huấn Cao viết chữ gì vậy? Tôi đồ rằng ông viết

chữ Hán. Cả ông đồ trong thơ Vũ Đình Liên cũng vậy. Và ông Huấn Cao hẳn là bậc đại gia về thư pháp.

Thư pháp vốn có gốc tích từ ngàn xưa, là *nghệ thuật viết chữ của người Trung Hoa*. Chữ Hán là chữ tượng hình, nên văn tự rất gần với hội họa. Bản thân chữ *sơn* đã có khí thế hùng vĩ của núi non, ba nét nhô dưới tay bậc danh gia có thể tỏa ra khí thế của tam sơn ngũ nhạc, chữ *xuyên* với ba nét sổ thể hiện sự uyển chuyển, mềm mại như “nước chảy về đông”. Chữ *mã* dưới bút lực của bậc đại gia về lối chữ “cuồng thảo” có thể tạo cho người thưởng ngoạn cảm giác đó là con khoái mã của Từ Bi Hồng đang muốn phá vách phi ra. Cho nên, xem phim Trung Quốc, thấy người ta treo các bức thư pháp trên tường vách như người phương Tây treo tranh cũng không phải là sự lạ. Và thiếp Lan Đình của Vương Hi Chi được người Trung Hoa ngưỡng mộ có lẽ còn hơn người phương Tây ngưỡng mộ bức Mona Lisa của nhà danh họa Leona de Vinci.

Các quốc gia xây dựng văn tự trên hệ thống chữ cái La-tinh hiển nhiên không có được ưu thế này, cho nên chữ *mã* viết bằng quốc ngữ chẳng thể tạo ra uy lực và hiệu ứng tương tự. Chỉ nói về công cụ, cây bút lông đã gần với cây cọ vẽ hơn là cây bút sắt. Nó tạo ra hàng loạt những biến tấu: nét móc, nét sổ, nét ngang, nét chấm, nét móc, nét phẩy...

Cho nên, thư pháp viết bằng chữ La-tinh không thể nào đạt được cái thần như chữ tượng hình. Xét ở góc độ xã hội, thư pháp viết bằng chữ quốc ngữ vẫn xứng

đáng là một thú chơi tao nhã, nhưng để nâng thú chơi này lên hàng nghệ thuật như thư pháp chữ Hán e rằng là điều bất khả, vì bản thân văn tự La-tinh không thể sản sinh ra nghệ thuật thư pháp đúng nghĩa.

Cho dù là một thú chơi, nghề viết chữ vẫn phải có luật lệ, tiêu chí của nó. Cổ nhân khi viết chữ, xin chữ thường tuân theo những đạo lý nghiêm ngặt. Chữ *tâm* chẳng hạn, người mới *tứ thập bất hoặc* chưa đủ cân lượng để phóng bút ban cho thiên hạ, dù bút pháp có tài hoa đến mấy. Phải năm mươi, sáu mươi, đã *tri thiên mệnh* hoặc *nhĩ thuận* rồi mới có cái tâm trầm ổn định để nói đến cái tâm. Ngày nay, thư pháp hiện đại giản lược đi nhiều.

Nhưng dù đơn giản hóa đến mấy, người viết thư pháp trước tiên phải là người viết chữ đẹp. Trên thực tế, có nhiều người viết chữ như rồng bay phượng múa, đáng ngả nón chào. Trong những người viết thư pháp bằng chữ quốc ngữ cũng có số ít là bậc thâm nho. Có lẽ thấy chữ Hán ít phổ biến nên các tiên sinh chuyển qua phóng bút bằng chữ quốc ngữ để đại chúng biết đến thú chơi cao nhã này. Khổ thay, bên cạnh những bậc chân tài, có những người bình thường viết chữ đã không lấy gì làm đẹp, đi học vài khóa “thư pháp cấp tốc” đã về mở lớp dạy thư pháp cho thiên hạ, xem ra thư pháp còn ít công phu hơn nhiều nghề đơn giản khác. Trong khi cổ nhân muốn thành danh gia thư pháp phải khổ luyện mấy chục năm trời, không những phải viết chữ đẹp, phải thông chữ Hán, còn phải am

tường các kiểu chữ: triện thư, lệ thư, thảo thư, khải thư, hành thư, thậm chí cả các loại chữ cổ như giáp cốt văn, khoa đầu văn, có đầu qua loa như chuyện giỡn chơi. Chẳng qua, khi thư pháp được viết bằng chữ quốc ngữ (gần đây lan qua cả tiếng Anh, tiếng Pháp), người ta dễ vô tình hạ thấp nó đi. Bản thân thư pháp là một nghệ thuật, mà nghệ thuật không bao giờ đồng nghĩa với đại trà.

Hiện nay thư pháp ở ta đang rộ lên như một phong trào, chúng ta sẵn sàng cổ vũ nó như một thú chơi lành mạnh và thanh nhã; chỉ mong những ai đeo đuổi thú chơi này phải biết giữ khuôn phép nhất định, chớ biến nghệ thuật của chữ viết thành phong trào kinh doanh (thư pháp mà photocopy ra hàng trăm bản để bày bán thì còn gì là tinh thần của nghệ thuật thư pháp), đừng biến thư đạo của các nhà Âu, Tò, Hoàng, Mễ... thành môn chơi tầm thường của bách tính gia. Âu đó mới chính là quý trọng thư pháp vậy.

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 17-3-2002

khi nhà không có đàn ông

Mấy hôm nay gió se se lạnh khiến chị tôi đâm nhớ quê nhà. Nỗi lòng hoài hương dâng lên từng ngày. Rồi đến một hôm, như không chịu nổi nữa, chị tôi quyết định về quê. Về hẳn. Đã năm mươi tuổi rồi. Tóc đã muối tiêu, da bắt đầu trở đồi mồi. Chị tôi nói “Lá rụng về cội”, rồi âm thầm thu dọn đồ đạc. Đồ đạc cũng chẳng nhiều nhận gì. Mớ quần áo. Mấy hòm sách. Vài thứ vật dụng. Mười lăm năm qua, từ hồi vào thành phố lập nghiệp, cun cút chỉ có hai chị em. Chị tôi chưa lập gia đình, không bận bịu chồng con nên cũng chẳng mấy sắm sửa.

Gia sản lớn nhất của chị là căn nhà, mua từ hồi đặt chân vào thành phố. Căn nhà chẳng rộng rãi gì lắm, khoảng hai chục mét vuông, đủ cho hai chị em ngủ nghỉ, ăn uống, làm việc và bày mấy chậu cây xanh cho mát mắt. Căn nhà đó, tôi xui chị bán, lặn mớ tiền về quê làm vốn sinh nhai. Nhưng chị tôi rất thương tôi. Tôi là con gái út trong nhà, đường tình duyên lặn độn chẳng khác gì chị. Chị không muốn tôi ở nhà thuê. Chị nói mà dân dân nước mắt “Hai chị em sống đùm bọc nhau mấy chục năm trời, nay trước khi chia tay, lẽ nào chị không để lại được cho em một chỗ ở đàng hoàng”.

Sáng hôm nay chị lôi tôi ra công chứng làm thủ tục sang tên căn nhà. Tôi đi theo chị, cảm động và khắp khởi. Có nhà riêng, tôi vẽ trong đầu, tôi sẽ mở một tiệm cà phê, kêu mấy đứa cháu phụ bán. Rồi tôi cũng phải tính đến chuyện chồng con. Gần ba mươi tuổi, chẳng lẽ học theo chị tôi, sống suốt đời một mình một bóng.

Quá phấn khởi, tôi không biết bao thách thức đang chờ tôi trước mặt. Ở phòng công chứng, người ta không chịu sang tên căn nhà, lý do nhà cửa đất đai muốn sang nhượng mua bán phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng. “Nhưng tôi trước nay vẫn sống một mình” - Chị tôi ngược ngạo đáp. “Thế chồng chị đâu?”, người đối thoại nhìn chăm chăm vào mặt chị tôi, hỏi với cái giọng của nhân viên an ninh đang điều tra nơi ẩn nấp của tội phạm. Trông ánh mắt ông ta, cứ như thể chị tôi đang giấu chồng mình ở đâu đó và trong nhà chị tôi chắc chắn có một căn hầm. Chị tôi then quá hóa

bực “Đã gọi là sống một mình thì làm gì có chồng!”. Người đàn ông vẻ như không tin một người phụ nữ ở tuổi chị tôi lại chưa từng có chồng “Thế trước đây chị cũng chưa có... à?”. Chị tôi nghiêng răng ken két, giọng đã muốn khóc “Trước đây, bây giờ và mãi mãi sau này cũng vậy!”.

Thái độ của chị tôi khiến người đàn ông tặc tặc lưỡi. Ông nhún vai đẩy xấp giấy về phía chị tôi “Chị phải bổ sung hồ sơ. Về phường xin họ tấm giấy xác nhận chị độc thân rồi quay lại đây”.

“Thôi đi, chị”, trên đường về, tôi nói “Cứ để thế, khỏi sang tên cho em làm gì cho rắc rối”. Chị tôi chép miệng “Em đừng thối chí. Chỉ về phường xin tấm giấy còn con thôi mà!”.

Nhưng tấm giấy còn con đó, ở phường người ta cũng chẳng chịu cấp. “Ai biết được chị có chồng hay không?”. Chị tôi giận tím mặt, nếu không giới kèm chế chắc chị tôi đã đá tung cái bàn trong trụ sở ủy ban “Anh nói gì thế? Tôi ở trong cái phường này mười lăm năm nay mà anh không biết tôi có chồng hay không à? Các anh quản lý hộ khẩu cái kiểu gì lạ vậy?” - “Bà chị bớt giận” Người đối thoại nói giọng xuê xoa “Tất nhiên là tôi biết bà chị vẫn sống một mình trước nay. Hừm... hừm... tất nhiên là không có người đàn ông nào. Nhưng đấy là nói từ khi bà chị đến cư trú ở cái phường này thôi. Còn trước đó bà chị ở tận đâu tận đâu và đã có anh chồng nào chưa, làm sao tôi biết được!”. Ông ta kết luận “Cho nên tôi không thể xác

nhận trường hợp này” - “Thế bây giờ...” Chị tôi hỏi, như đã hết hơi. Người đối thoại ân cần chỉ về “Từ 18 tuổi đến giờ, chị sinh sống những đâu, bây giờ chị phải quay về từng nơi đã sống, nhờ chính quyền ở đó xác nhận là trong thời gian cư trú ở địa phương, chị... chưa có chồng”. Ông ta cẩn thận nhắc “Mà thời gian xác nhận phải liên tục à nghe!”.

Lùng bùng lỗ tai, hai chị em tôi thất thểu ra về. Tôi đau khổ hiểu rằng mọi chuyện thế là xong. Trước khi định cư hẳn ở thành phố này, chị tôi từng sống nhiều nơi. Bây giờ, với tuổi tác của mình, chị không thể đơn thân độc mã lặn lội quay về từng nơi đã sống. Tốn công, tốn sức, tốn của. Lại chỉ để nhờ thiên hạ chứng minh là mình... chưa hề có chồng. Chỉ riêng với sự tự trọng của con người nói chung và sự e lệ, ý tứ của người phụ nữ nói riêng, chẳng ai làm như thế, thậm chí dù gươm kề cổ. Mà tôi cũng chẳng hiểu tại làm sao, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm không cử cán bộ đi xác minh. Dân bầu cán bộ vào cái ghế đó, đóng thuế trả lương cho cán bộ chỉ để cán bộ lo việc dân, thế mà đến khi dân có việc, cán bộ lại bảo dân phải tự lo lấy. Thế là làm sao?

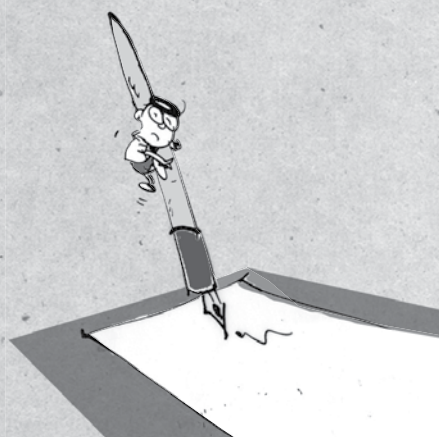
Tôi lẩn thẩn nghĩ: Hay tại vì cái lý do oái oăm này mà chị tôi đến giờ này vẫn một mình một bóng? Muốn có một ông chồng cụ thể bằng xương bằng thịt để thiên hạ khỏi nghi ngờ mình “gian lận” thì chị tôi phải lập gia đình. Nhưng muốn lập gia đình thì chị tôi phải tự chứng minh được sự “trong sạch” của mình, nghĩa

là trước ông chồng này chưa có một ông chồng nào.
Nghĩ đến cái vòng luẩn quẩn đó mà tôi muốn thối chí.
Không có nhà cũng không sao, phen này chắc đến lượt
tôi không có chồng mất, trời đất cha mẹ ời!

Sài Gòn Giải Phóng chủ nhật, 2-12-2001



3



các bạn cũng có những cơ hội...

Những lá thư gửi cho Nguyễn Nhật Ánh, Tuổi vào đời đã chuyển đến anh. Hôm nay, những thắc mắc ấy được trả lời trong một bài viết chung. Tin rằng qua đó, các bạn sẽ hài lòng... (TTCN)

trong những lá thư gửi về, hoặc trong những lần gặp gỡ trực diện, các bạn đọc nhỏ tuổi thường hỏi hớp hỏi tôi: “Rốt cuộc thì các nhân vật của chú sống ra sao? Họ có sẽ yêu nhau không?”. Tôi đã nghe thấy những câu hỏi như vậy không biết bao nhiêu lần. Chúng cứ lặp đi lặp lại như một điệp khúc

và cần được giải tỏa. Các bạn nóng lòng muốn biết điều gì sẽ xảy ra sau đó giữa Chương và Kim Dung, Gia và Thục, Mẫn và Thu Thảo, thậm chí giữa Kha và Hồng Hoa trong những cuốn sách đã được in ra của tôi. Những lúc ấy, tôi trả lời là tôi cũng như các bạn thôi. Tôi không biết. Làm sao tôi có thể biết được các nhân vật của tôi sẽ hành động tiếp theo như thế nào một khi cuốn sách đã khép lại mà không hề nói gì về điều đó.

Đó là tất cả sự thật. Tôi chỉ có ưu thế hơn các bạn trong thời điểm cuốn sách chưa được viết xong. Còn một khi tôi đã đặt dấu chấm hết lên trang bản thảo cuối cùng, lúc ấy tôi cũng giống như các bạn. Tôi cũng đứng xa các nhân vật của tôi bằng một khoảng cách mà các bạn đang đứng và tôi chẳng thể làm gì để can thiệp vào số phận của họ được. Và sau đó, họ có giờ những trò gì thì tôi cũng hoàn toàn mù tịt.

Khi tôi thú nhận như vậy thì một số bạn không tin, một số không hài lòng. Còn số khác thì tỏ vẻ trách móc. Các bạn cứ đinh ninh, hễ là tác giả thì tôi nhất định phải biết hết mọi chuyện, tôi đang cất giữ “hậu vận” của các nhân vật ở trong... túi. Chỉ có điều là tôi không thèm lấy ra, tôi... làm cao. Thật khổ!

Dĩ nhiên, ở phần cuối của mỗi cuốn sách, tôi có thể viết thêm năm hoặc mười trang để cho nhuận bút tác giả tăng lên chút đỉnh và nhất là để cho các nhân vật đi trọn con đường tình cảm của mình, để cho đầu đó rõ ràng và tôi khỏi phải khổ sở vì bị các bạn hạch hỏi và

trách cứ. Nhưng tôi đã không làm như vậy. Tôi không muốn làm thay nhân vật của tôi những gì họ có thể tự làm được. Hơn nữa, “kinh nghiệm tình yêu” của tôi so ra chẳng khác hơn họ là bao, tôi rơi vào có khi hỏng bét. Cứ để tự họ. Tôi chỉ làm người “dọn dẹp” nhiệt thành. Tôi gỡ những cạm bẫy trên đường đi của họ, tôi hòa giải những xích mích và hiểu lầm, tôi giúp họ khám phá những bí ẩn của tâm hồn. Và một khi các nhân vật đã vượt qua một chặng đường dài từ trang đầu tiên đến trang cuối cùng của cuốn sách, những trắc trở đã bỏ lại sau lưng, thì tôi chẳng còn việc gì để làm nữa. Tôi lo viết những cuốn sách khác.

Các bạn đừng trách tôi. Không phải tôi bỏ mặc các nhân vật của mình mà chính ra tôi muốn họ tự làm nốt những gì mà trước đó tôi đã tham dự với họ cho đến khi họ có được một cơ hội thuận lợi. Mà không phải chỉ riêng họ. Chính các bạn, các bạn cũng có những cơ hội. Những cơ hội để mơ mộng, để suy tư, không chỉ với trí tưởng tượng mà với cả khát vọng tốt đẹp nhất của mình.

Tôi nhận ra điều đó khá muộn màng. Khi có bạn hỏi tôi, rằng Kha với Hồng Hoa sẽ yêu nhau chứ? Thoạt đầu tôi hơi ngỡ ngàng, thậm chí tôi thấy câu hỏi có phần kỳ cục và buồn cười. Bởi đây là hai nhân vật bé bỏng trong cuốn *Thiên thần nhỏ của tôi*, hai nhân vật mà với chúng, tình yêu còn là một khái niệm xa lạ, kể cả trong ý nghĩ. Nhưng dần dà, tôi hiểu được rằng, với câu hỏi đó cũng như với những câu hỏi tương tự,

không phải các bạn chỉ đơn giản quan tâm đến tình yêu, mà qua tình yêu các bạn bộc lộ một ước muốn lớn hơn, đó là ước muốn được thấy những con người tốt sống bên nhau, được thấy thế giới không ngừng hoàn thiện. Đó là một nhu cầu đạo đức mà với nó, khi rời khỏi trang sách, các bạn đang đem lại cho cuộc sống nhiều điều tốt đẹp. Tôi tin như vậy.

Còn về phần tôi thì như các bạn thấy đấy, tôi làm người kể chuyện. Hay nói một cách hình tượng, tôi là người chẵn dất, cũng tựa như gã mục đồng dẫn một đàn cừu băng qua núi cao vực sâu và sau đó thuật lại chúng đã vượt qua những hiểm nghèo như thế nào. Khi đàn cừu đến được đồng cỏ non tơ và óng ả kia rồi, tôi còn để mắt đến chúng làm chi nữa. Chẳng lẽ tôi viết đàn cừu đã gặp đồng cỏ và... bắt đầu ăn cỏ.

Không, tôi cũng như gã mục đồng hồn nhiên kia, lúc ấy tôi sẽ nằm ngả lưng trên cỏ, ngắm mây bay, cũng có thể tôi sẽ rút ống sáo sau lưng ra thổi một bài ca điền dã. Dĩ nhiên, nếu rảnh rỗi, tôi cũng sẽ đưa mắt ngắm đàn cừu, xem chúng đùa giỡn ra sao, và nếu có gì hay hay, tôi cũng sẵn lòng kể lại. Nhưng đó là nhiệm vụ của một cuốn sách khác.

Tuổi Trẻ chủ nhật, 1990

viết truyện dài cho *mục tím*, sướng hay khổ?

Khác với những nhà văn viết truyện ngắn, không một tác giả tiểu thuyết nào có thể biết trước trong cuốn sách mình sắp viết có tất cả bao nhiêu nhân vật. Khi bắt đầu một tác phẩm, nhà văn chỉ hình dung trong đầu những nhân vật chính, còn các nhân vật phụ thì rất đổi lơ mờ. Tùy theo diễn biến của cốt truyện và đòi hỏi của tình tiết mà các nhân vật phụ sẽ xuất hiện sau đó, đôi khi rất bất ngờ, nằm ngoài cả tiên liệu của tác giả. Tính ngẫu hứng này lắm khi đem lại cho nhân vật phụ một cá tính độc đáo lẫn sự sinh động kỳ lạ, đến mức các nhân vật chính phải ghen tị.

Trong các truyện dài đăng từng kỳ trên báo, sự xuất hiện của nhân vật phụ càng “kỳ bí” hơn nữa. Truyện dài đăng báo, hay còn gọi là *feuilleton*, không phải là truyện dài hoàn chỉnh được ngắt ra từng đoạn để đưa in. Mà đó phải là một truyện dài được viết “từng kỳ”, đúng với tên gọi của nó, với một yêu cầu ngặt nghèo là làm sao nuôi dưỡng sự háo hức của độc giả qua từng số báo. Muốn vậy nhà văn không được viết trước, mà phải viết từng kỳ theo phương châm “đợi nước tới chân mới nhảy” (không ít khi nước tới chân rồi nhưng vì lý do đặc biệt nào đó, nhà văn chưa chịu nhảy khiến tòa soạn phải lo cuống cuống) và phải chăm chút từng kỳ sao cho hấp dẫn và nhất là kết thúc thế nào để người đọc “tức anh ách” khiến họ nóng lòng đón mua số báo tới để theo dõi tiếp đoạn sau!

Chính cái yêu cầu “quý quái” đó khiến nhà văn viết *feuilleton* thường gặp lắm khốn đốn. Chẳng hạn khi đăng truyện *Thằng quỷ nhỏ* trên báo *Mực Tím*, tới đoạn nhân vật Luận đứng ngoài cửa sổ chọc ghẹo Nga và Quỳnh, để cho đoạn kết của kỳ đó “tăng phần hồi hộp”, tôi đã cho “một bàn tay” thành linh tóm lấy cổ Luận. Đọc tới đó, chắc chắn bạn đọc rất hồi hộp muốn biết nhân vật nào đã “ra tay nghĩa hiệp”. Trong khi nóng lòng chờ số báo kế tiếp, bạn đọc có biết đâu tôi còn hồi hộp hơn họ gấp một trăm lần. Báo đã sắp ra mà tôi vẫn chưa biết nhân vật đó là ai, bởi vì “bàn tay” đó xuất hiện ngoài dự tính, theo yêu cầu “treo hơi thở” của truyện từng kỳ. Thoạt đầu tôi định cho nhân vật bí mật đó là thầy chủ nhiệm hoặc thầy giám thị,

nhưng như vậy chẳng có gì đặc biệt. Rốt cuộc tôi nghĩ đến một anh chàng lớp phó trật tự. Và thế là nhân vật Khải ra đời.

Khải ra đời, phải có đất cho hắn dựng võ. Nhưng ở lớp thì hắn chẳng có việc gì để làm, vì ở đó đã có Hạnh. Thế là tôi phải “xây” cho hắn một căn nhà ở cạnh nhà Nga để hắn có cớ chạy qua chạy lại trong truyện. Nhưng Nga chắc chắn không thể ưa Khải, vì ngay từ đầu truyện đã được xây dựng trên quan hệ giữa Nga và Quỳnh. Vậy phải “sinh” thêm cho Nga một bà chị để trò chuyện với Khải và một đứa em để chọc phá hắn. Cứ như vậy, nhân vật này rủ rê nhân vật kia ùa vào trang sách cứ như thể rủ nhau đi... thì hoa hậu, tác giả chẳng biết đâu mà lần.

Với truyện *Bỏ câu không đưa thư* thì mọi việc có phần dễ dàng hơn bởi đó là một truyện dài có sẵn nhiều yếu tố “trình thám”. Nhưng khổ một nỗi, tòa soạn *Mực Tím* lại cao hứng nghĩ ra trò “đoán trước” khiến kỳ nào tác giả cũng phải ráng nghĩ ra cái để “đánh đố” bạn đọc. Kỳ đầu tiên, có hơn một trăm lá thư gửi về. Tôi và nhà thơ Nguyễn Thái Dương, thư ký tòa soạn báo *Mực Tím*, hào hứng ngồi bóc phong bì. Nhưng đọc gần hết một trăm lá, chẳng thấy một câu nào đoán đúng, tôi liếc Nguyễn Thái Dương: “Hổng bét!”. Mặt hắn ta xù xuống như bánh đa nhúng nước; không ngờ mười mấy thư sau đều đoán “trúng phóc”. Lại phải nghĩ cách để “loại” bét, vì tòa soạn chỉ treo có ba giải thưởng. Nhưng tôi chỉ khoai khoai cái “trò” này mỗi kỳ đầu, những kỳ sau tìm ra cái để “đánh đố” quả là

một cực hình. Bởi đâu phải kỳ nào truyện cũng kết thúc bằng một “thắc mắc biết hỏi ai” để mời bạn đọc “giải đáp”. Suốt trong thời gian đăng truyện *Bồ câu không đưa thư*, bạn đọc thì khoái, tôi thì khổ. Bạn đọc dự thi, ẩm giải thưởng, còn tôi tối nằm ngủ, vắt tay lên trán và thở dài: “Kỳ sau đó gì?”.

Truyện *Bồ câu không đưa thư* chấm dứt gần nửa năm, tôi vẫn chưa hoàn hồn. Tòa soạn *Mực Tím* gọi điện thoại: “Ông viết cái gì mới đi chứ!”. Tôi giao hẹn: “Không có ‘đoán trước’ à ghen!”. Và truyện *Trại hoa vàng* đã được bắt đầu với điều kiện như thế. Lần này, tôi tự nhủ tôi chỉ làm nhà văn, nhất quyết không làm nhà “đánh đố” trừ khi tôi có tham vọng giữ mục “Đố vui để học” trên ti-vi.

Truyện *Trại hoa vàng* đã đăng tải được bốn kỳ báo, những đoạn kết thúc không được “đứng tim” cho lắm. Đó là chủ ý của tôi. Tôi cố viết làm sao để sự hấp dẫn toát lên từ bản thân truyện mà không cầu viện đến tay nghề của Agatha Christie. Nhưng đó là ý muốn chủ quan của người viết, còn diễn biến khách quan ai mà biết được. Như trong số báo kỳ tới chẳng hạn, phần kết của *Trại hoa vàng* đã bắt đầu có vẻ “đánh đố” dù thực tình tôi không định như vậy. Phải chăng đó là thói quen khốn khổ của một người đang ngồi viết bỗng sực nhớ trước mặt mình là truyện... *feuilleton*?

Mực Tím, số 100

từ ngôi trường xứ mình đến *hoa hồng xứ khác*

Cánh diều kia không thể bay lượn nhờ như nó đang bay lượn nếu không nhờ vào sợi dây nối liền với bàn tay chú bé đang chạy chân không trên cánh đồng phía dưới. Tôi mở đầu bài viết này bằng một hình ảnh thực ra chẳng mới mẻ gì. Người ta thường dùng nó để minh họa cho sự tương quan giữa các khái niệm, chẳng hạn khi nói về tự do và luật lệ. Nhưng tôi không thể không nhắc tới lối ví von này, bởi vì cũng có thể nói như vậy về văn chương, về mối quan hệ keo sơn giữa cuộc đời và những trang sách.

Cho đến chừng nào nhà văn chưa phải là một người

đến từ hành tinh khác thì đôi cánh mơ mộng của anh ta chỉ có thể bay lên được nhờ sợi dây cột chặt vào chân bàn viết, nơi anh ta đang không ngừng hít thở dưỡng khí của “mặt đất” để nuôi nấng sự mơ mộng “trên trời” kia! Ngay trong những tác phẩm viễn tưởng của Jules Verne, nơi có vẻ không chứa đựng một tí tẹo hiện thực nào, người đọc tinh tường vẫn có thể nhận ra dấu vết của cuộc sống, của kiến thức và của những kinh nghiệm mà nhà văn đã trải qua.

Như vậy, nhà văn viết bằng trải nghiệm. Thế giới mà nhà văn dựng nên thường là thế giới mà nhà văn đã trải qua, đã sống với, bây giờ được tái hiện, xáo trộn, thêm bớt, nói chung là “tân trang” lại và bày ra trên giấy dưới một thứ ánh sáng khác.

Tôi không là một ngoại lệ. Là nhà văn chuyên viết về tuổi học trò, những trang sách của tôi không thể không là những phản quang của kỷ niệm.

Tôi tự chia những tác phẩm viết về tuổi học trò của mình thành hai loại, tất nhiên là sự phân loại có tính quy ước.

Một loại viết về tuổi học trò ngày nay như *Thằng quỷ nhỏ*, *Nữ sinh*, *Bồ câu không đưa thư*, *Buổi chiều Windows*, *Phòng trọ ba người*, *Chú bé rắc rối*, *Bàn có năm chỗ ngồi...* Ở loại này, cốt truyện gần như hoàn toàn hư cấu và những nhân vật đa phần là sản phẩm của trí tưởng tượng. Nhưng như vậy không có nghĩa là những kỷ niệm của người viết không “chen chân” vào được trong những tác phẩm này. Ở đây, không thiếu những tình

tiết, những mẫu đối thoại được “bóc ra” từ cuộc đời thực. Nếu không có những điểm xuyết quan trọng này, sức tưởng tượng của người viết dù có phong phú đến đâu, những trang sách cũng dễ dàng rơi vào chỗ gượng ép, giả tạo và những độc giả hồn nhiên sẽ nhanh chóng phát hiện ra ngay.

Loại thứ hai chủ yếu tái hiện lại thời mới lớn của chính tác giả. *Mất biếc*, *Hoa hồng xứ khác*, *Còn chút gì để nhớ*, *Hạ đỏ*, *Đi qua hoa cúc*... là những ngọn nến được thắp lên từ ký ức. Bao giờ đọc lại những tác phẩm này, lòng tôi cũng bồi ngùi vô hạn. Nỗi băng khuâng này cũng giống hết như một sớm mai nào nắng mới, mẹ ta soạn hòm quần áo cũ đem phơi, ta chợt bắt gặp chiếc áo mặc cách đây năm, bảy năm về trước. Chiếc áo bây giờ không mặc được nữa, vải đã cũ sòn mà sao chỉ vừa nghe thoang thoảng mùi long não, lòng ta đã vội rung rung!

Trừ cuốn *Còn chút gì để nhớ* lấy bối cảnh thành phố Hồ Chí Minh, viết về thời kỳ tôi khăn gói vào Sài Gòn thi đại học, còn tất cả những tác phẩm kể trên đều lấy bối cảnh Quảng Nam. Tất nhiên mỗi kỷ niệm đều gắn với một vùng đất cụ thể. Tôi viết về Bình Quế trong *Mất biếc*, Bình Tú trong *Đi qua hoa cúc*, Bình Trung trong *Hạ đỏ* và... Tam Kỳ trong *Hoa hồng xứ khác*!

Những tác phẩm này, ngoài khung cảnh, những nhân vật tiểu thuyết được tạo nên từ nguyên mẫu ngoài đời khá nhiều. Tất nhiên, được “định dạng” lại bởi những quy tắc nghệ thuật, những con người này



khi đi vào tác phẩm họ không còn đúng là họ nữa. Lý lịch khác, diện mạo khác, giọng nói cũng khác, chỉ có những mối quan hệ là ít nhiều còn bộc lộ được cội nguồn cảm hứng của người viết.

Hoa hồng xứ khác là tác phẩm dung chứa những nhân vật thực nhiều nhất so với những cuốn sách khác của tôi. Những bạn bè thân thiết cùng học IIC Trần Cao Vân niên khóa 1971-1972 đều có thể nhận ra dáng dấp của Tôn Thất Cẩm, Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Văn Dũng, Lâm Hòa và dĩ nhiên cả tôi qua các nhân vật Ngữ, Nghị, Hòa lé, “giáo sư” Bá và Khoa trong cuốn sách này.

Tất nhiên những diễn biến ngoài đời không hoàn toàn giống hệt với những gì xảy ra trong sách. Lâm Hòa không biết hát, cũng không lé. Nhưng nhân vật Hòa lé trong truyện lại hát rất hay. Nguyễn Thanh Hải khi biến thành “giáo sư” Bá đã bị buộc mang thêm một đôi kiếng cận mà thực ra hẳn không có. Nguyễn Văn Dũng hồi đó đã làm thơ hay, khi bị bắt lính ký bút hiệu Ngữ Luân đăng thơ ở Văn và Tuổi Ngọc nhưng chưa bao giờ vớt bài của tôi như tay chủ bút Ngữ hắc ám trong *Hoa hồng xứ khác*. Còn Nghị được dựng từ nguyên mẫu Tôn Thất Cẩm. Tôi cũng “xây dựng” ngôi nhà trong truyện đúng như ngôi nhà của Tôn Thất Cẩm mà tôi còn nhớ được về thời kỳ trọ học. Đó là một ngôi nhà đẹp nằm trên đường Trần Cao Vân, cách ngã tư Nam Ngãi chừng một, hai trăm mét, có ao sen và vườn cây râm mát phía sau.

Trong truyện, Ngữ, Khoa và Hòa lé đều say mê cô

bạn cùng lớp Gia Khanh, chuyện đó hoàn toàn có thật. Hồi đó, Nguyễn Văn Dũng, Lâm Hòa và tôi đều mê L. như điên đảo. Gia Khanh trong truyện và L. ngoài đời cũng không khác nhau là mấy. L. người Hội An, “có sẵn” người yêu ngoài quê. Tội tôi không biết cứ thi nhau húc đầu vào tường u đầu sút trán.

Người phát hiện ra điều oái oăm đó là cô Hoàng dạy môn Văn, giáo viên chủ nhiệm lớp tôi. Cô Hoàng rất “cung” tôi, do đó trong dịp liên hoan cuối năm, nghe Nguyễn Thanh Hải “mách lẻo” về “mối tình vô vọng” của tôi, cô liền tới gặp L. để làm “thuyết khách” giùm tôi. Cô không thể tưởng tượng được đứa học trò giỏi giang của cô, học năm nào cũng đứng nhất lớp, mặt mũi lại sáng sủa, đẹp trai (?), lại không lọt được vào mắt xanh của con nhỏ L. không biết người biết của kia! Đến khi nghe L. thành thực khai báo “Thưa cô, em đã trót... có người yêu rồi ạ!” thì cô mới té ngửa.

Lẽ ra trong cuốn *Hoa hồng xứ khác*, tôi phải dành một vị trí trang trọng cho cô giáo đáng yêu của mình nhưng vì tôi muốn chính nhân vật Khoa trực tiếp phát hiện ra điều đó nên cuối cùng đành phải khất lại với chính mình.

Cô Hoàng là vợ thầy Lưu Đức Tuấn Anh, lúc đó dạy ở trường Nữ Trung học. Bây giờ nghe nói vợ chồng thầy đang sống ở Đà Nẵng, đến nay tôi vẫn chưa có dịp viếng thăm, thật là điều đáng trách!

Còn trong số các bạn bè IIC có mặt trong tác phẩm *Hoa hồng xứ khác* thì Nguyễn Thanh Hải bây giờ ở Đại Lộc, Tôn Thất Cẩm ở Mỹ, Nguyễn Văn Dũng đã mất

trong chiến tranh, còn Lâm Hòa thì không rõ hạ lạc nơi đâu. Trong số những người bạn này, tôi có gặp lại Tôn Thất Cẩm một vài lần, lúc cuốn *Hoa hồng xít khác* còn chưa được viết ra.

Riêng Gia Khanh - L. hiện nay sống ở Nam Phước, chồng con đầm ấm. Tôi vẫn chưa gặp lại L. dù năm 1990 về Quảng Nam, tôi có hỏi thăm được chỗ ở của cô.

Như vậy, đã hơn hai mươi năm trôi qua kể từ ngày tôi còn mài đũng quần trên ghế trường Trần Cao Vân thân yêu, nơi xảy ra những gì đã được tái hiện phần lớn trong tác phẩm *Hoa hồng xít khác* sau này. Những mối tình trong sáng, thơ mộng và “chẳng đi đến đâu” như vậy bây giờ có lẽ cũng đang xảy ra với những chàng trai, cô gái đang ngồi đúng vào chỗ của Khoa, Nghị, Ngữ, Hòa lé, “giáo sư” Bá, Gia Khanh, Hồng “chà và”... ngày nào. Và biết đâu sau hai mươi năm nữa, trong số đó chẳng có một nhà văn, khi được đề nghị viết kỷ yếu của nhà trường, sẽ bắt đầu bằng câu “Những tình tiết trong tác phẩm vừa đoạt giải Nobel của tôi đã được xây dựng tại chính trường này...”.

Kỷ yếu trường trung học Trần Cao Vân, 1995

kính vạn hoa vẫn trên đường đến nhà in...

Tháng 12/1995, bộ truyện thiếu nhi Kính vạn hoa của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh đã ra mắt bạn đọc bốn cuốn đầu tiên (Nhà ảo thuật, Những con gấu bông, Thám tử nghiệp dư, Ông thầy nóng tính). Bộ sách đã được các bạn đọc nhỏ tuổi từ Nam tới Bắc đón nhận nồng nhiệt và số lượng phát hành cho đến nay vẫn giữ mức trên dưới 20.000 bản mỗi tập, có tập lên tới 33.000 bản. Trên tuần báo Văn Nghệ của Hội nhà văn Việt Nam (số 23/1996), nhà văn Văn Hồng đã khẳng định sự thành công của bộ sách này là “phép lạ giữa ngày thường”, còn trên tạp chí Tác Phẩm Mới (số 6/1997), nhà phê bình văn học Vân Thanh xem Nguyễn Nhật Ánh là một hiện tượng khá độc đáo trong lãnh vực sáng tác cho thiếu nhi. Nhưng nói như vậy, không có nghĩa quá trình sáng tác bộ truyện này là con đường đầy hoa hồng. Nhân Kính vạn hoa tập 25 (Hiệp sĩ ngủ ngày) vừa phát hành, Tuần san Sài Gòn Giải phóng Thứ Bảy giới thiệu đôi điều tâm tình của tác giả xoay quanh công việc của một nhà văn...

Viết văn là một công việc cô đơn và nặng nhọc. Khi nhà văn ngồi trước trang giấy trắng, máy đánh chữ hay màn hình computer, thực ra anh ta đang đối diện với một khoảng trống mênh mông, cái khoảng trống mà anh ta phải tìm cách lấp đầy bằng những ý tưởng. Cái việc san lấp vất vả đó khác xa với việc lấp những lỗ thủng của một con đê. Nó gần với việc san lấp nỗi trống vắng trong lòng sau một cuộc tình đổ vỡ hơn. Nghĩa là nó là một công việc hoàn toàn cá nhân, thâm lặng và đơn độc. Nó tuyệt nhiên không mong tìm kiếm những sẻ chia hay cứu giúp.

Khi một nhà xây dựng tuyên bố rằng anh ta sắp khởi công xây một tòa buyn-đỉnh 38 tầng, chắc chắn anh ta không nghi ngờ gì về những dự định của mình. Khi nói như vậy, anh ta hẳn có đã xi-măng, sắt thép... trong tay, hoặc ít ra đã tìm được nguồn tài trợ, và kinh phí để mua sắm các thứ vật liệu và thuê mướn nhân công

là khả năng rất gần với hiện thực, nếu không nói là ở trong tầm tay. Ngược lại, khi một nhà văn tuyên bố sẽ viết tác phẩm này hay cuốn tiểu thuyết nọ trước những cuộc phỏng vấn không mệt mỏi của báo chí, thực ra anh ta đang hiểu rất rõ rằng anh ta đang nói đến chuyện bắt cá bằng tay không. Các kỹ sư xây dựng tác phẩm bằng xi-măng, sắt thép, vôi vữa. Còn các “kỹ sư tâm hồn” xây dựng tác phẩm thuần túy chỉ bằng những ý tưởng. Đó là loại vật liệu không thể bảo quản qua thời gian. Tư tưởng, tình cảm và sự hứng khởi là những thứ luôn luôn chuyển dịch, luôn luôn thay đổi. Và một nhà văn hôm trước thề sống thề chết mình sắp viết cuốn tiểu thuyết A nhưng ngày hôm sau, khi ngồi vào bàn viết, lại bắt đầu chương 1 cho cuốn sách B không phải là chuyện gì đáng ngạc nhiên, càng không hề là chuyện dối trá. Vì vậy nếu muốn cho bạn đọc đi hết hột hăng này đến thắc mắc khác, báo chí không có cách nào hay hơn là hăng hái đăng tải những dự định của nhà văn.

Khi bắt tay viết cuốn đầu tiên của bộ truyện thiếu nhi nhiều tập *Kính vạn hoa*, tôi biết tôi đang tự đặt mình vào tình thế hiểm nghèo. Và khi tập 1 *Nhà ảo thuật* ra mắt bạn đọc với sự quảng cáo rầm rộ của Nhà xuất bản Kim Đồng, tôi lại thở dài hiểu rằng tôi không thể quay lui được nữa. Viết truyện liên hoàn về đề tài sinh hoạt của thiếu nhi là chuyện chưa có tiền lệ. Bộ TTKG được xuất bản trước đó giúp tôi tự tin một phần, mặc dù sự thành công của bộ truyện thiên về khám phá các vụ án này hoàn toàn không thể được

xem là dự báo đáng tin cậy cho bộ *Kính vạn hoa* vốn được xây dựng trên một hiện thực hoàn toàn khác.

Đến nay bộ *Kính vạn hoa* đã ra đến tập 25, một điều mà bản thân tôi cũng không dám nghĩ đến. Trước đây, khi trả lời phỏng vấn báo Thanh Niên, tôi nói có ba điều quyết định sự kéo dài của bộ truyện này. Đó là cảm hứng, sức khỏe của người viết và sự đón nhận của người đọc. Hơn hai năm qua, tôi đã nhiều lần đột ngột mất cảm hứng, nhiều lần đột ngột sa sút sức khỏe, nghĩa là nhiều lần đã định ngồi bệt xuống giữa đường, nhưng sự nồng nhiệt của các bạn đọc nhỏ tuổi đối với bộ sách đã giúp tôi cố gắng đứng dậy đi tiếp. Bên cạnh đó, sự động viên của anh chị em ở Nhà xuất bản Kim Đồng, của các phụ huynh và thầy cô giáo, của những bạn viết trong nghề cũng giúp tôi rất nhiều trong việc vượt qua những khó khăn tưởng chừng không thể nào vượt qua nổi.

Thực ra, việc quyết định kết thúc một bộ truyện như *Kính vạn hoa* không hề là chuyện đơn giản. Trong trường hợp này, nó đã vượt ra ngoài những phạm trù chuyên môn. Bạn hãy tưởng tượng suốt hai năm rưỡi bạn đã sống chung với các nhân vật tháng này qua tháng khác, bạn đã thuộc lòng cá tính của các nhân vật, thậm chí có thể hình dung ra diện mạo của từng người, và có lúc dường như bạn có thể nghe được bên tai giọng cười, tiếng thở dài hay sự cãi cọ vốn rất triền miên của bọn trẻ, hẳn bạn sẽ thấy rằng nếu vì lý do nào đó bạn quyết định ngưng viết, thì điều đó không có nghĩa là bạn quyết định kết thúc một tác phẩm mà

sự thực là quyết định chia tay những người bạn thân thiết. Quyết định này cũng khó khăn và để lại nhiều tổn thương không kém gì những cuộc chia tay trong tình yêu. Viết hay không viết nữa một tác phẩm, lúc này không còn là chuyện văn chương mà đã là chuyện tình cảm, và quyết định như thế nào cũng không còn là thái độ của một nhà văn mà là sự hành xử với tư cách một con người: lần đầu tiên sau 20 năm cầm bút, tôi ngỡ ngàng đối diện với một tình huống như vậy. Bạn hãy thử đặt mình vào hoàn cảnh của tôi đi: khi nhà văn quyết định chia tay nhân vật nhưng nhân vật quyết không chịu chia tay với nhà văn thì bạn sẽ làm thế nào?

Từ bé tôi đã say mê những truyện viết cho thiếu nhi của Tô Hoài và các tác phẩm trong tủ sách Hồng của Tự Lực Văn Đoàn. Bây giờ, tôi vẫn rất mong viết được như Tô Hoài, Đoàn Giỏi, Võ Quảng... các nhà văn mà tôi yêu mến. Nhưng tôi chỉ có thể viết những gì phù hợp với sở trường và tâm tính của mình. Tôi mong bộ truyện *Kính vạn hoa* nếu chưa hay ít ra cũng có ích cho các cháu nhỏ, trong đó có con gái tôi, đọc giả lúc nào cũng kề kề bên cạnh buộc tôi phải viết bộ truyện này ít nhất cũng tới tập 40, tức là lúc cháu đã học xong lớp 9.

Vì thế mà sau những mệt mỏi và phân vân, *Kính vạn hoa* tập 26 vẫn đang đường đến nhà in...

Tuần san Sài Gòn Giải Phóng thứ bảy, 25-4-1998

khi quán ăn đi vào văn chương

Đo Đo là một cái quán ăn nhỏ. Nó là một cái quán như mọi cái quán khác, nghĩa là ít có cơ may xâm nhập vào những trang văn.

Xưa nay, quán ăn thường ít khi xuất hiện trong văn chương. Đơn giản vì các nhân vật trẻ thì thích tổ tình ngoài bờ sông, trên bãi cỏ, thậm chí đu lên lan can (như chàng Romeo của Shakespeare) chứ không làm điều đó trong quán ăn. Chàng và nàng không thể vừa nhai nhồm nhoàm hay vừa hít hà vì cay lại vừa thốn

thức nói: *Ngày mai mình chia tay!* Nhân vật già cả hay trung niên cũng không chọn quán ăn để làm nơi cãi nhau hay đập lộn vì ở một nơi có rất nhiều thứ dễ vỡ như bát đĩa, những cuộc xung đột có thể gây ra cái hậu quả tình giải quyết chưa xong mà tiền đã hết vì... bồi thường cho chủ quán.

Khi cần mô tả cái đói, quán ăn cũng không được coi là hiện trường thích hợp. Những trang văn hay nhất về cái đói của Thạch Lam hay Nam Cao hầu như không xảy ra trong một quán ăn nào.

Vậy mà quán Đo Đo đã thành một “nhân vật”, thậm chí được tác giả dành riêng một cuốn sách để nói về nó. Vì sao?

Vì thời gian đó báo Mục Tím cứ giục tôi viết một cái *feuilleton* về tuổi mới lớn trong khi tôi hầu như đã không còn hứng thú với cái đề tài mà tôi đã viết quá nhiều này.

Dạo đó mỗi buổi chiều tôi hay ngồi ở quán Đo Đo với bạn bè, và một cái quán Quảng Nam với âm sắc đặc trưng của nó thì có rất nhiều chuyện buồn cười.

Một ngày tôi chứng kiến chuyện này. Một ngày khác tôi lại nghe kể một chuyện khác. Có rất nhiều chuyện như vậy, và tôi cũng chẳng nghĩ đến việc dùng chúng để làm gì cho đến cái ngày thư ký tòa soạn báo Mục Tím gần như gí súng vào lưng bắt tôi đưa *Kỳ 1*, cũng là ngày tôi chợt nhận ra tiếp viên và khách hàng Đo Đo đa số đều ở lứa tuổi mới lớn và những mẩu chuyện cười ra nước mắt giữa những khuôn mặt đáng

yêu đó hoàn toàn có thể bắt đầu cho một cuốn truyện có tên là *Quán Gò đi lên*.

Gần như toàn bộ nhân vật trong *Quán Gò đi lên* là những nhân vật có thật, dĩ nhiên về tên họ thì tôi có sửa đổi đôi chút. Chẳng hạn chú nhóc Long ngoài đời khi đi vào sách được gọi trại đi là Lâm. Hải thành Cải. Trúc thành Cúc. Chương thành Hường. Cũng như thế, cô Thu chủ quán được phù phép thành cô Thanh. Các vị khách đặc biệt: ông Tiger, ông Thịt Luộc Muối Tiêu và bà Fanta thì tôi ghi đúng theo tên mà tụi nhóc quán Đo Đo vẫn dùng để nói về họ, còn họ thực ra tên là gì thì quả tình là chẳng ai biết.

Như quy luật muôn đời của các quán ăn, bây giờ Long, Hải, Trúc, Chương... đã nghỉ. Nghỉ từ nhiều năm nay, vì đủ thứ lý do: về quê, đi học tiếp, chuyển sang nghề khác hay lập gia đình, sinh con đẻ cái. Và quán Đo Đo cũng đã nhiều lần dời địa điểm, các tiếp viên của quán cũng thay đổi năm lần bảy lượt. Nhưng quái một điều, cho đến tận hôm nay, thấy bất cứ em trai nào đứng giữ xe trước cửa quán, khách đều mừng rỡ hét om sòm “Cải! Cải!”, cũng như bất cứ mái tóc dài nào lượn tới lượn lui trong quán cũng dứt khoát bị khách gán cho tên Cúc tên Hường. Mới đây, một sinh viên xin đi làm ngoài giờ tại quán Đo Đo đã bắt đầu lá đơn bằng bốn chữ: *Kính gửi cô Thanh*.

Cũng may là tôi chưa rơi vào sự nhầm lẫn tương tự. Chứ nếu vào một ngày đẹp trời nào đó, ông chủ quán lơ đãng gọi bà chủ quán bằng tên của một người phụ

nữ khác thì có nghĩa những ngày yên ả của cuộc đời coi như đã kết thúc và cái quán đó bị đổ bể tan tành là khả năng hoàn toàn không tránh khỏi. Và nếu thế thì thật éo le: tác phẩm ghi rõ ràng là *Quán Gò đi lên* hổng lẽ cuộc đời của tác giả lại âm thầm *đi xuống*!

Mục Tím, 20-11-2003

bắt đầu từ những con chữ

Người bạn trẻ hỏi tôi: Làm thế nào để trở thành nhà văn? Nghề văn bắt đầu từ đâu? Tôi đáp: Từ sự yêu thích văn chương. Người bạn trẻ bảo: Tôi yêu thích. Tôi lại nói: Thế thì bắt đầu từ năng khiếu. Người bạn trẻ lại bảo: Tôi có năng khiếu.Ồ, nếu cái gì bạn cũng có rồi thì có lẽ nghề văn bắt đầu từ... chữ!

1 Có lẽ không có nghề nào trên đời mà công cụ lao động lại đơn giản như nghề văn. Trong khi anh

thợ mộc phải sắm cưa, bào, đục, anh thợ may phải sắm máy may, thì nhà văn chỉ cần một cây viết và một xấp giấy đã có thể ung dung hành nghề. Tất nhiên, sang hơn thì dùng máy đánh chữ, sang hơn nữa thì xài computer, nhưng nếu không có những máy móc công kênh đó, giấy và viết kể như đã đủ. Cũng như nếu không có xe gắn máy hay ô tô, con người ta vẫn có thể đi lại bằng chiếc xe đạp cà tàng. Xem ra, yêu cầu về công cụ của nghề văn còn thấp hơn những nghề lao động bình dân như đánh giày hay sửa xe đạp.

Nguyên liệu của nghề văn còn đơn giản hơn nữa. Thợ mộc cần gỗ, thợ may cần vải, thợ hồ cần xi măng, còn nhà văn chỉ cần... chữ. Mà chữ là thứ nguyên liệu chẳng phải bỏ tiền ra mua. Chữ lênh khênh trong các cuốn sách, ngổn ngang trên những trang báo. Chữ lấp lánh trên các trang web, thậm chí trên các bảng hiệu dọc phố, cả trên những tờ quảng cáo linh tinh dán trên những cột điện hay những gốc cây. Thư la rầy của cha mẹ, thư đòi nợ của ngân hàng, thư đòi chia tay của người yêu cũng là nguồn cung cấp nguyên liệu đối với nhà văn. Vì trong đó, có chữ.

Tiếng nói là chữ được phát thành âm thanh; nghe thiên hạ trò chuyện, cãi vã hay mắng nhiếc nhau cũng là cơ hội để nhà văn thu thập nguyên liệu.

Vậy, nguyên liệu của nghề văn ở khắp mọi nơi. Và hoàn toàn miễn phí, nếu cuốn sách ta đọc là mượn của bạn bè hay của thư viện, tờ báo ta xem là của ông hàng xóm hay trên giá báo của cơ quan.

2 Nhà văn ắt nhiên phải giỏi dùng chữ. Vì yêu cầu đầu tiên trong thao tác chữ nghĩa của nghề văn là phải chính xác. Giống như đường kim của thợ may hay viên gạch của thợ hồ, đặt lệch một li có khi lại đi hơn một dặm. Ví dụ đơn giản nhất: nhà văn phải dùng một cách phân biệt từ *thánh thót* khi nói về tiếng dương cầm và từ *réo rắt* khi mô tả tiếng vĩ cầm. Cũng như vậy, *bập bùng* để chỉ tiếng đàn ghita hay *réo von* dành cho tiếng tiêu, tiếng sáo... Đều là nhạc cụ, nhưng sắc thái âm thanh của từng loại khác nhau rõ rệt. Cũng như sự khác nhau giữa tiếng *ăng ăng* của chó, *quang quác* của gà và *ủn ỉn* của lợn mà chúng ta nghe thấy hằng ngày.

Muốn vậy phải có nhiều chữ để dùng. *Giàu chữ*: đó là lời khen với một người làm nghề văn.

3 Làm sao biết mình có giàu chữ hay không? Thiết tưởng, để biết điều này cũng không khó lắm. Đọc hàng trăm cuốn sách, đọc hàng ngàn tờ báo, thấy chỗ nào cũng hiểu, chữ nào cũng biết, hiển nhiên bạn là người giàu chữ. Tất nhiên, có thể bạn sẽ gặp một vài khó khăn khi gặp những thuật ngữ chuyên môn về tôn giáo, triết học, y học hay khoa học kỹ thuật nhưng các từ điển chuyên ngành sẽ giúp bạn tra cứu và qua đó, bổ sung thêm nguyên liệu cho nghề của bạn. Như vậy, muốn giàu chữ phải đọc nhiều, phải siêng đọc.

Nhưng người biết cách kiếm tiền chưa chắc đã là người biết cách xài tiền. Nghề văn cũng vậy, kiếm chữ

thì dễ mà dùng chữ mới thật là khó. Khó ở chỗ bạn biết chắc bạn có rất nhiều chữ trong bộ nhớ nhưng đến khi cần dùng thì tìm hoài không ra, không biết nó nằm ở góc ngách nào trong đầu bạn. Hệt như khi cần mua đồ mà bỗng nhiên bạn lại không tìm thấy ví tiền trong túi, thật là éo le!

Chữ nghĩa trong đầu xét cho cùng cũng na ná như quần áo trong rương hay trong tủ. Nếu bạn lười, bạn sẽ chỉ mặc đi mặc lại vài bộ xếp ở trên, treo ở ngoài, trong khi ở dưới đáy rương hay trong góc tủ, nếu bạn chịu khó lục lọi, bạn sẽ thấy có những chiếc quần, chiếc áo đẹp đến mức bạn phải sùng sờ. Bạn sẽ trở mặt ngạc nhiên: Chiếc áo đẹp thế này, sao lâu nay ta không lấy ra mặc nhỉ?

Chữ cũng vậy. Thông thường con người ta có thói quen dùng những chữ mà thường ngày mình vẫn dùng. Những chữ quen thuộc có cái tiện là khi bạn cần, chúng hiện ra ngay, thậm chí không cần bạn kêu gọi, thúc giục hay năn nỉ. Những chữ đó được gọi là những từ ngữ thông dụng. Các loại sách ngoại ngữ loại 1.000 từ - 2.000 từ được xây dựng trên những từ loại này. Trường hợp này, khá phổ biến, đã chỉ ra rằng trong thực tế bạn chỉ dùng 1/10, thậm chí 1/100 hay 1/1000 số vốn từ mà bạn có, hoàn toàn lãng phí. Giống như bạn đang sở hữu một triệu đồng mà khả năng sử dụng trên thực tế chỉ có một ngàn đồng. Trong tư cách một nhà văn, chính sự lười nghĩ đã niêm phong tài khoản từ ngữ của bạn khiến bạn không thể huy động tối đa vốn liếng của mình.

4 Dĩ nhiên sẽ quá khổt khe nếu yêu cầu bạn phải nghĩ ngay ra con chữ thích hợp hoặc cần thiết phục vụ cho sự hành văn của bạn. Điều đó đòi hỏi một trí nhớ, đặc biệt là một sức liên tưởng mạnh mẽ và phong phú. Bản thân tôi là nhà văn, đã viết nhiều sách, nhưng không phải lúc nào tôi cũng tìm thấy những con chữ như ý muốn. Tôi không biết các nhà văn khác làm thế nào, riêng tôi, tôi khắc phục bằng cách ghi chép. Khi bắt gặp ở đâu đó một từ hay hay mà tôi chưa biết, hoặc một từ đã biết mà ít khi dùng, tôi đều ghi lại và tìm mọi cách để đưa nó vào trang văn của mình. Thỉnh thoảng tôi cũng hay lật từ điển, không phải để *tra* mà là để *xem*, lang thang trong đó hàng giờ, giống như các bà nội trợ vẫn hay đi *xem* (chứ không phải *mua*) hàng hóa ở các siêu thị lộng lẫy và đồ sộ.

Từ điển là cuốn sách tập hợp một lượng từ ngữ khổng lồ, vào đó như vào một kho tàng. Bạn sẽ tìm thấy trong đó những từ quen thuộc, những từ ít quen thuộc, thậm chí những từ lạ lẫm đến nỗi bạn tin chắc là bạn chưa gặp qua bao giờ. Gấp cuốn từ điển lại, giống như các bà nội trợ đi ra khỏi siêu thị, bạn sẽ thu hoạch được nhiều thứ. Bạn nhớ lại được nhiều từ mà bạn đã quên từ lâu, học thêm những từ mới, hay nghĩa mới của một từ cũ, và dĩ nhiên là bạn sẽ nghĩ ra cách dùng những từ đó, mặc dù có thể không phải ngay hôm nay hay ngày mai. Các bà nội trợ cũng thế thôi, họ ngắm nghía hàng giờ trong siêu thị rồi đi ra tay không, nhưng những món hàng hấp dẫn, thậm chí cả giá cả lẫn vị trí của chúng, đã khắc sâu trong tâm trí



họ. Một lúc nào đó, cần tới, họ sẽ tìm ngay được cái họ cần.

Nói tóm lại, đó là một cách rèn luyện trí óc, một kiểu thể dục tinh thần, và theo tôi là vô cùng quan trọng với những ai có ý định hành nghề bằng những con chữ.

5 Nhưng chữ chỉ là chữ, nếu không có nghĩa. Chữ *luyñh*, chữ *nguyñh* rõ ràng vẫn là chữ, nhưng nó không có nghĩa. Nó chỉ là một ký hiệu không chứa thông tin nào, hoặc nói dè dặt là không chứa thông tin nào rõ rệt. Chữ, là phương tiện để giao tiếp, diễn đạt, nên buộc phải có nghĩa. Chúng ta vẫn nghe nói *chữ nghĩa* đó thôi.

Chữ chứa nghĩa như con thuyền chứa món đồ mà nó chuyên chở. Nó không phải là con thuyền rỗng không. Từ đó bạn có thể tự suy ra, tuy chữ là nguyên liệu của nhà văn nhưng chỉ ở khía cạnh hình thức. Nguyên liệu thực sự là cái mà những con chữ chuyên chở, tức là nghĩa. Nói khác đi, là những ý tưởng.

Nhưng bàn về những ý tưởng, đó không phải là mục đích của bài này.

Kiến thức ngày nay, số Xuân 2005

MỤC LỤC

Tập văn của Nguyễn Nhật Ánh - Huỳnh Như Phương	5
--	---

1.

<i>Lớn và nhỏ</i>	11
<i>Đằng sau những cái nốt ruồi</i>	20
<i>Một năm sống với lịch</i>	30
<i>Ngổn ngang phố xá</i>	36
<i>Đồ giả</i>	46
<i>Hoa đào trong tranh</i>	54
<i>Người Quảng đi ăn mì Quảng</i>	60

2.

<i>Buồn gì đâu!</i>	68
<i>"Bà đi siêu thị..."</i>	71
<i>Quanh chuyện đọc sách</i>	76
<i>Khi mãnh long quá giang</i>	81
<i>Cuộc náo loạn Hollywood</i>	85
<i>Ngọa hổ tàng long: khi mũi kiếm nở hoa</i>	90
<i>Ấm áp trong mưa</i>	95
<i>Sách của một thời</i>	100

<i>Chia tay buổi chiều</i>	103
<i>Một chuyện nhỏ trong nhà</i>	106
<i>Bóng đá và cuộc đời</i>	110
<i>Chuyện miền Tây</i>	114
<i>Lại chuyện miền Tây</i>	118
<i>Nghe cải lương bên sông Tiền</i>	125
<i>Từ quạt Cophaco đến... quạt Ba Tiêu</i>	130
<i>Những mùa World Cup</i>	135
<i>Cái thú đọc quảng cáo</i>	140
<i>Cảm ơn sân khấu</i>	144
<i>Cô bé Xiu Quây</i>	149
<i>Ngôn ngữ của Chat</i>	154
<i>Thư pháp - nghề chơi cũng lắm công phu</i>	158
<i>Khi nhà không có đàn ông</i>	163

3.

<i>Các bạn cũng có những cơ hội...</i>	170
<i>Viết truyện dài cho Mực Tím, sướng hay khổ?</i>	174
<i>Từ ngôi trường xứ mình đến... Hoa hồng xứ khác</i>	178
<i>Kính vạn hoa vẫn trên đường đến nhà in...</i>	184
<i>Khi quán ăn đi vào văn chương</i>	190
<i>Bắt đầu từ những con chữ</i>	194

NGƯỜI QUẢNG ĐI ĂN MÌ QUẢNG

Nguyễn Nhật Ánh

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: HOÀNG ANH

Bìa: BÙI NAM

Sửa bản in: DUY HOÀNG

Trình bày: THANH HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 39316289 - 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973

Fax: 84.8.8437450 - E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, p. Bạch Đằng, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04)37734544 - Fax: (04)35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

NGƯỜI QUẢNG ĐIÀN MÌ QUẢNG

Đọc tạp văn Nguyễn Nhật Ánh, thấy anh vẫn phát huy chất humour, dí dỏm sở trường trong văn tự sự của mình. Khi anh bàn đến chuyện thu nhỏ các đồ vật nhân nói về sân khấu nhỏ, khi anh cắt nghĩa hiện tượng bắt chước thần tượng, hay khi anh luận bàn chuyện hàng giả, chuyện tẩm lịch – để mượn ngôn ngữ quảng cáo trên truyền hình, người đọc bao giờ cũng muốn đặt cuối các đoạn văn của anh một chữ *Konica - mỉm cười*. Thơ và văn xuôi Nguyễn Nhật Ánh vốn không quen đụng chạm những vấn đề thời sự - xã hội trực tiếp. Thành ra thể loại tạp văn này hình như đã được chọn để gửi gắm con người xã hội của anh...

Nhà phê bình văn học HUỖNH NHƯ PHƯƠNG